

**BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN
TRUNG ƯƠNG**

**HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN
TRUNG ƯƠNG**

**TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP VỀ
NỘI DUNG CƠ BẢN
CỦA VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG**

(Dùng cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong nhân dân)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP VỀ
NỘI DUNG CƠ BẢN
CỦA VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG**

(Dùng cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong nhân dân)



**BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN
TRUNG ƯƠNG**

**HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN
TRUNG ƯƠNG**

**TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP VỀ
NỘI DUNG CƠ BẢN
CỦA VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG**
(Dùng cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong nhân dân)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



LỜI NÓI ĐẦU

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng họp từ ngày 19 đến ngày 23/01/2026 tại Thủ đô Hà Nội. Sau 5 ngày làm việc, với tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm, khoa học, phát huy cao độ trí tuệ tập thể, dân chủ, đổi mới, Đại hội đã thành công tốt đẹp. Đây là sự kiện chính trị đặc biệt trọng đại của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; là dấu mốc mở ra chặng đường phát triển mới của đất nước trong bối cảnh, cục diện và mục tiêu mới; là Đại hội của ý chí tự chủ chiến lược, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, của khát vọng vươn lên, của niềm tin son sắt vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Tại Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã trình Đại hội các văn kiện gồm: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam; Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và đề xuất định hướng bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.



Các văn kiện Đại hội XIV là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn, kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sau 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhất là trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, thể hiện tư duy, tầm nhìn chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; có giá trị định hướng và lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội, góp phần hiện thực hóa niềm tin và khát vọng của cả dân tộc vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 23/01/2026 của Bộ Chính trị về nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kế hoạch số 191-KH/BTGDVTW ngày 15/01/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương biên soạn các tài liệu nghiên cứu, học tập, quán triệt và tuyên truyền văn kiện Đại hội XIV của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Tài liệu hỏi - đáp về nội dung cơ bản của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng* (Dùng cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong nhân dân) do Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp biên soạn.

Cuốn sách được trình bày theo hình thức hỏi - đáp súc tích, dễ hiểu, tập trung vào những nội dung trọng tâm, cơ bản và những điểm mới về Báo cáo chính trị của Ban



Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam; Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và đề xuất, định hướng bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Với nội dung ngắn gọn, bám sát tinh thần các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng, tài liệu góp phần giúp mỗi cán bộ, đảng viên nắm vững và thực hiện đúng đắn, sáng tạo, hiệu quả Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, sự đồng thuận của nhân dân, khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 02 năm 2026

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Câu hỏi 1: Vì sao Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tiến trình phát triển đất nước? Vai trò lịch sử của Đại hội XIV thể hiện trên những phương diện nào?

Trả lời:

1. Ý nghĩa của Đại hội XIV với tiến trình phát triển đất nước

Một là, Đại hội XIV đánh dấu bước chuyển giai đoạn lịch sử quan trọng từ “tạo nền tảng phát triển” sang “bứt phá phát triển” trong kỷ nguyên mới.

Sau 40 năm đổi mới, Việt Nam đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế sâu rộng, cải thiện đời sống nhân dân và nâng cao vị thế quốc tế. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng dựa vào vốn, lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên đã bộc lộ giới hạn. Nếu không có đột phá chiến lược, nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập



trung bình là hiện hữu. Vì vậy, Đại hội XIV là “bản lề” để lựa chọn mô hình phát triển mới, xác lập động lực và giải pháp đột phá.

Hai là, Đại hội diễn ra trong bối cảnh quốc tế biến động nhanh, phức tạp, tác động trực tiếp đến môi trường phát triển của đất nước.

Thế giới hiện nay đang trải qua những biến đổi sâu sắc cả về chính trị, kinh tế, khoa học - công nghệ và an ninh: Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xu hướng phân mảnh kinh tế, bảo hộ thương mại và tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, tiềm ẩn rủi ro suy thoái, lạm phát, biến động năng lượng và lương thực. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hóa... vừa mở ra cơ hội, vừa đặt ra nguy cơ tụt hậu về công nghệ. Đồng thời, thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh mạng, năng lượng và nguồn nước ngày càng gay gắt. Trong bối cảnh đó, Đại hội XIV của Đảng có ý nghĩa quyết định trong việc hoạch định đường lối phát triển bền vững, nâng cao sức chống chịu và khả năng thích ứng của nền kinh tế.

Ba là, Đại hội có nhiệm vụ tháo gỡ các điểm nghẽn trong nước, khơi thông và phát huy mạnh mẽ các nguồn lực phát triển.

Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều hạn chế: Thể chế chưa theo kịp yêu cầu phát triển, năng suất lao động thấp, hạ tầng chưa đồng bộ, nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu kinh tế số, chênh lệch vùng miền còn lớn. Bởi thế, Đại hội XIV có nhiệm vụ đề ra giải pháp đột phá nhằm hoàn thiện

thể chế, phát triển khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng nhân lực, phát huy mọi nguồn lực xã hội, tạo động lực mới cho tăng trưởng nhanh và bền vững, hướng tới thực hiện thắng lợi hai mục tiêu 100 năm.

2. Vai trò lịch sử của Đại hội XIV

Một là, định hướng chiến lược phát triển dài hạn của đất nước: Đại hội xác lập mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, phát triển lý luận và hoàn thiện đường lối đổi mới: Đại hội tổng kết thực tiễn 40 năm đổi mới, bổ sung nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm rõ vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội; xử lý hài hòa các mối quan hệ lớn trong phát triển.

Ba là, tạo đột phá về thể chế phát triển và nâng cao năng lực quản trị quốc gia: Đại hội nhấn mạnh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền, cải cách hành chính, phân cấp - phân quyền hợp lý, tạo môi trường đầu tư minh bạch.

Bốn là, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng. Đại hội xác định chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số là động lực chủ yếu; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nhân lực, coi tri thức và công nghệ là yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia.

Năm là, bảo đảm phát triển con người, tiến bộ và công bằng xã hội. Đại hội khẳng định phát triển kinh tế phải gắn với nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách, bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hóa.

Sáu là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Đại hội tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín.

Tóm lại, Đại hội XIV không chỉ là kỳ sinh hoạt chính trị theo chu kỳ, mà là Đại hội có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước chuyển sang kỷ nguyên phát triển mới. Những quyết sách của Đại hội sẽ định hình mô hình phát triển, tạo đột phá về thể chế, khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực; đồng thời củng cố nền tảng chính trị - xã hội và năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, quyết định sự phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam trong nhiều thập niên tới.

Câu hỏi 2: Đại hội XIV của Đảng diễn ra trong bối cảnh như thế nào? Những yếu tố mới, khó dự báo nào tác động trực tiếp đến việc xác lập tư duy, tầm nhìn và quyết sách của Đại hội?

Trả lời:

1. Bối cảnh quốc tế

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng diễn ra trong bối cảnh thế giới đang đứng trước những thay đổi

to lớn mang tính thời đại. Cụ thể, cục diện thế giới đang chuyển sang trạng thái đa cực, đa trung tâm, phân mảnh và phân tuyến mạnh, với sự đan xen giữa hợp tác - cạnh tranh - đối đầu, trong đó cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt và lan sang nhiều lĩnh vực mới như công nghệ, chuỗi cung ứng, năng lượng, tài chính, không gian mạng và trí tuệ nhân tạo.

Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đứng trước những thách thức nghiêm trọng. Xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, chạy đua vũ trang công nghệ cao và nguy cơ quân sự hóa không gian, không gian mạng diễn ra ở nhiều khu vực, làm gia tăng bất ổn toàn cầu. Cùng với đó, chủ nghĩa bảo hộ, chính sách thuế quan áp đặt và xu hướng tái cấu trúc chuỗi sản xuất - chuỗi cung ứng toàn cầu làm suy giảm niềm tin vào toàn cầu hóa theo mô hình cũ, buộc các quốc gia phải tái định vị chiến lược phát triển và chiến lược hội nhập.

Đặc biệt, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử..., đang làm biến đổi tận gốc lực lượng sản xuất, phương thức quản trị và tương quan sức mạnh giữa các quốc gia. Xu thế tự chủ chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và chuyển đổi cơ cấu nguồn nhân lực trở thành ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của nhiều nước, kể cả các nền kinh tế lớn và trung bình.

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, cạnh tranh chiến lược gia tăng rõ nét, trong khi



Biển Đông tiếp tục là điểm nóng tiềm ẩn nhiều nguy cơ. ASEAN đứng trước yêu cầu vừa củng cố đoàn kết nội khối, vừa giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực đang biến đổi nhanh chóng. Những yếu tố đó tác động trực tiếp đến môi trường an ninh - phát triển của Việt Nam, đặt ra yêu cầu phải có tư duy chiến lược mới, linh hoạt và chủ động hơn.

2. Bối cảnh trong nước

Đại hội XIV diễn ra sau 40 năm đổi mới, khi đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam được nâng lên rõ rệt; nền kinh tế gia nhập nhóm nước thu nhập trung bình cao; hệ thống chính trị được củng cố; quốc phòng - an ninh được giữ vững; đối ngoại và hội nhập quốc tế được mở rộng và nâng tầm.

Đặc biệt, nhiệm kỳ Đại hội XIII đã để lại nhiều dấu ấn đậm nét với những quyết sách chiến lược mang tính cách mạng, nổi bật là cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đột phá về hoàn thiện thể chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; thúc đẩy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khẳng định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực. Những kết quả đó tạo nên tảng quan trọng để đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới.



Tuy nhiên, Báo cáo chính trị cũng chỉ rõ rằng, trong 5 năm tới, Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức gay gắt hơn so với giai đoạn trước. Nguy cơ tụt hậu về công nghệ, rơi vào bẫy thu nhập trung bình, già hóa dân số nhanh, biến đổi khí hậu khốc liệt, ô nhiễm môi trường, phân hóa giàu - nghèo, cùng với những hạn chế nội tại của nền kinh tế và hệ thống thể chế vẫn là những thách thức lớn. Đồng thời, các thế lực thù địch tiếp tục gia tăng chống phá trên không gian mạng, tư tưởng và văn hóa, đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác xây dựng Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng và củng cố niềm tin xã hội.

3. Các yếu tố mới, khó dự báo tác động trực tiếp đến việc xác lập tư duy, tầm nhìn và quyết sách chiến lược của Đảng

Thứ nhất, mức độ bất định và rủi ro toàn cầu gia tăng, với sự đan xen của các cú sốc về y tế, khí hậu, tài chính, công nghệ và các yếu tố an ninh phi truyền thống khác, khiến các mô hình phát triển tuyến tính, dựa nhiều vào ngoại lực trở nên kém bền vững. Điều này đòi hỏi Đại hội XIV phải nhấn mạnh hơn yêu cầu tự chủ chiến lược, nâng cao năng lực nội sinh và sức chống chịu của nền kinh tế - xã hội.

Thứ hai, sự phát triển bùng nổ của trí tuệ nhân tạo và công nghệ số vừa mở ra cơ hội đột phá cho Việt Nam rút ngắn khoảng cách phát triển, vừa tiềm ẩn nguy cơ tụt hậu nhanh nếu không kịp thời nắm bắt. Đây là yếu tố mới

mang tính “đột biến”, buộc Đại hội phải xác lập rõ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của mô hình tăng trưởng mới, chứ không chỉ là lĩnh vực hỗ trợ.

Thứ ba, sự dịch chuyển cấu trúc quyền lực và chuỗi giá trị toàn cầu làm gia tăng cạnh tranh địa - kinh tế, đặt Việt Nam vào thế vừa phải mở rộng hội nhập sâu rộng hơn, vừa phải bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong môi trường quốc tế nhiều biến động. Điều này lý giải vì sao Đại hội XIV nhấn mạnh kết hợp chặt chẽ giữa hội nhập quốc tế chủ động, tích cực với bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Thứ tư, trong nước đang xuất hiện những yêu cầu phát triển mới ở tầm cao hơn, nhất là yêu cầu phát triển nhanh nhưng phải bền vững, bao trùm, lấy con người làm trung tâm và chủ thể. Sự thay đổi về cơ cấu dân số, trình độ xã hội, kỳ vọng của người dân và doanh nghiệp đòi hỏi Đảng phải đổi mới tư duy lãnh đạo, cầm quyền, chuyển mạnh từ “quản lý” sang “kiến tạo phát triển”.

Câu hỏi 3: Tầm nhìn và định hướng chiến lược nêu trong chủ đề Đại hội XIV là gì? Những nội dung này phản ánh bước phát triển mới trong tư duy chiến lược của Đảng như thế nào?

Trả lời:

Chủ đề Đại hội XIV không chỉ là lời hiệu triệu chính trị, mà còn là tuyên ngôn chiến lược của Đảng trong giai

đoạn mới, thể hiện sự kiên định về lý tưởng, sự sáng tạo trong tư duy và sự quyết đoán trong hành động. Tầm nhìn và định hướng chiến lược này khẳng định: Đảng đã chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển, từ tăng trưởng sang phát triển bền vững, từ ứng phó, thích ứng sang định hình, dẫn dắt. Đây chính là bước phát triển mới trong tư duy chiến lược của Đảng, mở ra một giai đoạn lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đưa dân tộc Việt Nam phát triển mạnh mẽ trên con đường xây dựng đất nước hòa bình, độc lập, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

1. Về tầm nhìn chiến lược

Thứ nhất, đã khẳng định tầm nhìn chiến lược sâu sắc, toàn diện, vừa kế thừa truyền thống, vừa mở ra những định hướng mới phù hợp với bối cảnh thời đại với dấu mốc quan trọng đến năm 2030 đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 là nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, yêu cầu phải tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin trong xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; đồng thời hội nhập sâu rộng, nâng cao sức mạnh nội sinh của nền kinh tế để chủ động ứng phó hiệu quả với những biến động nhanh, phức tạp, khó dự báo của khu vực và toàn cầu.

Thứ ba, khẳng định khát vọng phát triển, đặt Việt Nam vào dòng chảy của thời đại, tận dụng cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, sâu sắc. Đặt trọng tâm không chỉ dừng ở tăng trưởng kinh tế nhanh mà phải nâng cao đời sống, hạnh phúc của nhân dân; hướng tới xã hội phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

2. Về định hướng chiến lược

Thứ nhất, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đó phải là sự kết hợp hài hòa giữa tốc độ tăng trưởng nhanh với chất lượng cao, bảo đảm cân bằng vững chắc giữa kinh tế, xã hội và môi trường trong quá trình phát triển.

Thứ hai, xác định tri thức, nhân lực chất lượng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và công nghệ hiện đại là động lực chính để phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Thứ ba, định hướng xuyên suốt của chủ đề Đại hội là sự hòa quyện nhuần nhuyễn giữa “ý Đảng” và “lòng dân” trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ đường lối đổi mới, bảo đảm sức mạnh tổng hợp quốc gia để thực hiện thắng lợi mục tiêu đã đề ra. Đồng thời kiên định con đường xã hội chủ nghĩa là định hướng chiến lược bất biến, bảo đảm sự phát triển hài hòa, nhân văn, phù hợp với khát vọng của toàn dân tộc.

3. Bước phát triển mới trong tư duy chiến lược của Đảng

Thứ nhất, có sự chuyển mạnh mẽ từ mục tiêu ngắn hạn sang tầm nhìn dài hạn. Nếu trước đây trọng tâm là từng giai đoạn phát triển, nay đã xác lập tầm nhìn đến năm 2030 và 2045, thể hiện tư duy chiến lược, gắn kết mục tiêu trước mắt với khát vọng lâu dài.

Thứ hai, chuyển từ tư duy tăng trưởng số lượng sang phát triển chất lượng. Chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa vào khai thác tài nguyên, lao động giá rẻ sang mô hình dựa vào tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đây là sự thay đổi căn bản, phản ánh tư duy phát triển hiện đại của Đảng.

Thứ ba, chuyển từ tư duy ứng phó, sang tư duy chủ động kiến tạo phát triển; từ phát triển kinh tế đơn thuần sang phát triển toàn diện, bao trùm, coi con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển; đặt trọng tâm vào nâng cao đời sống, hạnh phúc của nhân dân; chủ động định hình vị thế quốc gia, khẳng định bản lĩnh và khát vọng vươn lên.

Câu hỏi 4: Phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển” của Đại hội XIV được xác lập trên cơ sở nào? Phương châm này đặt ra yêu cầu đối với lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong giai đoạn tới là gì?

Trả lời:

1. Cơ sở xác lập phương châm của Đại hội XIV

Phương châm hành động của Đại hội XIV được xác lập trên cơ sở tổng kết thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng



trong những nhiệm kỳ vừa qua, đồng thời xuất phát từ yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới. Đó là sự kết tinh của truyền thống dân tộc, yêu cầu cách mạng, kinh nghiệm lãnh đạo, cùng với khát vọng vươn lên mạnh mẽ của dân tộc trong kỷ nguyên hội nhập và đổi mới sáng tạo.

Phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển” là một chỉnh thể thống nhất, trong đó mỗi thành tố vừa có vai trò riêng, vừa bổ trợ cho nhau. *Đoàn kết* là nền tảng, tạo sức mạnh tập thể, gắn kết ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. *Dân chủ* là phương thức, bảo đảm mọi tiếng nói được lắng nghe, thấu hiểu, khơi dậy trí tuệ và sáng kiến của toàn dân; tạo đồng thuận xã hội. *Kỷ cương* là bảo đảm cho xã hội trật tự, giữ cho sự vận hành xã hội ổn định, ngăn ngừa sự tùy tiện, bảo đảm pháp luật được thượng tôn. *Đột phá* là động lực mạnh mẽ, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, vượt qua mọi rào cản, điểm nghẽn, mở ra cơ chế, chính sách mới, tạo ra những bước tiến vượt bậc trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực thi quyết liệt, mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực. *Phát triển* là mục tiêu cuối cùng, phản ánh kết quả của sự kết hợp hài hòa các yếu tố trên. Nếu thiếu đoàn kết, dân chủ dễ rơi vào phân tán; nếu thiếu kỷ cương, đột phá có thể trở thành vô tổ chức; và nếu thiếu đột phá, phát triển sẽ trì trệ. Do đó, năm thành tố này tạo



thành một hệ giá trị toàn diện, định hướng cho sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước.

2. Yêu cầu mới đối với lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển” là sự kết tinh trí tuệ và bản lĩnh của Đảng trong giai đoạn mới, đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, nhằm đưa đất nước tiến nhanh, tiến vững chắc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong lãnh đạo: Đảng phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, phát huy dân chủ trong nội bộ, đồng thời giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương để bảo đảm sự thống nhất cao trong ý chí và hành động.

Trong chỉ đạo: Các cấp ủy, chính quyền phải cụ thể hóa một cách toàn diện, sâu sắc phương châm thành chương trình hành động cụ thể, gắn với từng lĩnh vực, từng địa phương, đơn vị, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả.

Trong tổ chức thực hiện: Đòi hỏi sự gắn kết giữa ý chí chính trị và hành động thực tiễn, giữa quyết tâm và năng lực triển khai. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu gương, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm, tạo niềm tin và sự đồng thuận trong nhân dân.



Câu hỏi 5: Vì sao Đại hội XIV chủ trương tích hợp 3 dự thảo văn kiện (Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội, Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng) thành một báo cáo chính trị thống nhất? Chủ trương này có ý nghĩa gì?

Trả lời:

1. Đại hội XIV chủ trương tích hợp 3 dự thảo văn kiện thành một báo cáo chính trị thống nhất vì:

Chủ trương của Đại hội XIV về việc tích hợp 3 dự thảo văn kiện (Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội, Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng) thành một báo cáo chính trị thống nhất là bước đổi mới quan trọng trong tư duy lãnh đạo và phương thức tổ chức của Đảng. Đây không chỉ là sự tinh giản về hình thức, mà còn phản ánh sự nâng cao về chất lượng, tính khái quát và tầm nhìn chiến lược của văn kiện chính trị cao nhất.

Thứ nhất, việc hợp nhất 3 báo cáo giúp tránh sự trùng lặp, phân tán và chồng chéo trong nội dung. Thực tiễn cho thấy, các báo cáo riêng biệt thường có những phần giao thoa, khiến người đọc khó nắm bắt trọng tâm. Khi tích hợp, toàn bộ nội dung được sắp xếp theo một chỉnh thể logic, từ đường lối chính trị đến định hướng phát triển kinh tế - xã hội và công tác xây dựng Đảng. Điều này giúp tăng tính súc tích, cô đọng, đồng thời

làm nổi bật những vấn đề cốt lõi mà Đại hội cần thảo luận và quyết định.

Thứ hai, chủ trương này thể hiện tư duy hệ thống và toàn diện. Báo cáo chính trị thống nhất không chỉ là bản tổng hợp, mà còn là sự kết nối hữu cơ giữa ba lĩnh vực: chính trị, kinh tế - xã hội và xây dựng Đảng. Bởi lẽ, phát triển kinh tế - xã hội không thể tách rời định hướng chính trị, và công tác xây dựng Đảng chính là nền tảng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển. Sự tích hợp này phản ánh quan điểm “Đảng lãnh đạo toàn diện, nhưng tập trung vào những vấn đề chiến lược”, bảo đảm sự đồng bộ trong hoạch định và triển khai.

2. Ý nghĩa của chủ trương tích hợp 3 dự thảo văn kiện

Thứ nhất, việc thống nhất văn kiện còn mang ý nghĩa nâng cao hiệu quả thảo luận và quyết sách. Khi cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là đại biểu Đại hội nghiên cứu một báo cáo duy nhất, sẽ có cái nhìn toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, tránh tình trạng phân tán tư tưởng. Điều này giúp quá trình góp ý kiến, cũng như thảo luận tại Đại hội đi thẳng vào những vấn đề trọng yếu, từ đó nâng cao chất lượng nghị quyết và quyết định chính trị.

Thứ hai, chủ trương này khẳng định tinh thần đổi mới, khoa học và thực tiễn của Đảng. Nó cho thấy sự nhạy bén trong việc cải tiến phương thức lãnh đạo, phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới: nhanh gọn, hiệu quả, nhưng vẫn toàn diện và sâu sắc. Có thể nói, việc tích hợp ba văn kiện



thành một báo cáo chính trị thống nhất là sự lựa chọn đúng đắn, mang tính chiến lược, vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, vừa bảo đảm tính toàn diện, khoa học và hiệu quả trong lãnh đạo đất nước. Đây là bước tiến quan trọng, góp phần nâng cao vị thế, uy tín và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Câu hỏi 6: Việc gắn Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương với Báo cáo chính trị có ý nghĩa như thế nào với quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong giai đoạn tới?

Trả lời:

Việc gắn Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương với Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tính quyết định đối với hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt quy trình, mà còn là vấn đề có ý nghĩa sâu sắc về tư duy lãnh đạo, phương thức cầm quyền và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng trong bối cảnh mới.

Thứ nhất, việc gắn kết này sẽ bảo đảm sự thống nhất chặt chẽ giữa tư duy chiến lược và hành động thực tiễn.

Báo cáo chính trị là văn kiện trung tâm của Đại hội, thể hiện tầm nhìn chiến lược, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu tổng quát và các định hướng lớn về phát triển đất nước

trong trung hạn và dài hạn. Trong khi đó, Chương trình hành động là văn bản cụ thể hóa, chuyển hóa trực tiếp các quan điểm, mục tiêu, định hướng đó thành nhiệm vụ, đề án, với lộ trình và phân công trách nhiệm cụ thể để tổ chức thực hiện. Việc gắn chặt Chương trình hành động với Báo cáo chính trị bảo đảm sự thống nhất cao giữa ý Đảng và hành động của hệ thống chính trị, khắc phục tình trạng tách rời giữa hoạch định đường lối với triển khai thực tiễn. Nhờ đó, các quyết sách chiến lược của Đại hội XIV không dừng lại ở tầm định hướng mà nhanh chóng được chuyển hóa thành chương trình hành động cụ thể, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, tạo cơ sở để đưa Nghị quyết sớm đi vào cuộc sống.

Thứ hai, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn mới.

Việc gắn kết chặt chẽ hai văn kiện này thể hiện rõ sự đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, từ chủ yếu ban hành nghị quyết sang lãnh đạo bằng tầm nhìn chiến lược gắn với tổ chức thực hiện hiệu quả. Chương trình hành động không chỉ kế thừa đầy đủ tinh thần, nội dung của Báo cáo chính trị, mà còn chỉ rõ ai làm, làm gì, làm như thế nào, trong thời gian nào và bằng nguồn lực nào, qua đó nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương trong toàn hệ thống chính trị. Trong bối cảnh đất nước đang triển khai các quyết sách chiến lược mang tính đột phá, như tinh gọn tổ chức bộ máy, xác lập mô hình tăng trưởng mới, đột phá phát triển khoa học - công nghệ,



chuyển đổi số quốc gia... thì việc gắn Chương trình hành động với Báo cáo chính trị giúp Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời quá trình thực hiện, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở, tránh tình trạng chồng chéo, phân tán hoặc thực hiện hình thức.

Thứ ba, tạo cơ sở chính trị - pháp lý và thực tiễn cho việc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực.

Việc gắn Chương trình hành động với Báo cáo chính trị đã tạo lập khung chính trị - pháp lý rõ ràng cho việc phân công, phân cấp, phân quyền trong tổ chức thực hiện. Các nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động được thiết kế phù hợp với các trụ cột phát triển mà Báo cáo chính trị đã xác định: Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên. Trên cơ sở đó, Chương trình hành động giúp xác định rõ trách nhiệm của từng cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời là căn cứ quan trọng để kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện. Điều này góp phần tăng cường kiểm soát quyền lực, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và hạn chế tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong tổ chức thực hiện - một trong những vấn đề đã được Báo cáo chính trị chỉ rõ cần khắc phục.

Thứ tư, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ và linh hoạt trong tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV.

Báo cáo chính trị xác lập những mục tiêu lớn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong khi Chương trình hành động cụ thể hóa các mục tiêu đó theo từng giai đoạn, từng lĩnh vực, từng nhóm nhiệm vụ. Việc gắn kết hai văn kiện giúp bảo đảm tính đồng bộ giữa mục tiêu dài hạn với nhiệm vụ trung hạn và ngắn hạn, giữa yêu cầu phát triển nhanh với phát triển bền vững. Đặc biệt, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước diễn biến nhanh, phức tạp, khó dự báo, Chương trình hành động được xây dựng trên nền tảng tư duy, quan điểm của Báo cáo chính trị sẽ giúp hệ thống chính trị chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện, kịp thời điều chỉnh giải pháp, cách làm mà vẫn giữ vững định hướng chiến lược. Đây chính là biểu hiện sinh động của tư duy kiên định mục tiêu, linh hoạt về sách lược mà Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh.

Thứ năm, củng cố niềm tin, tạo đồng thuận xã hội trong quá trình triển khai Nghị quyết.

Việc gắn Chương trình hành động với Báo cáo chính trị có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường công khai, minh bạch và tạo đồng thuận xã hội. Khi các mục tiêu, định hướng lớn của Đại hội được cụ thể hóa thành chương trình hành động rõ ràng, người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội có thể nhận diện đầy đủ về con đường phát triển của đất nước, vai trò của từng chủ thể và lợi ích

chung mà Nghị quyết hướng tới. Chương trình hành động nhấn mạnh phương châm lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân và doanh nghiệp, cũng như hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá, qua đó góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV.

Tóm lại, việc gắn Chương trình hành động với Báo cáo chính trị không chỉ là yêu cầu tất yếu về mặt tổ chức thực hiện, mà còn thể hiện bước phát triển mới trong tư duy lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng. Sự gắn kết này bảo đảm cho Nghị quyết Đại hội XIV được triển khai đồng bộ, hiệu quả, khả thi, phát huy cao nhất vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và sức mạnh của nhân dân, tạo nền tảng vững chắc để đất nước phát triển nhanh, bền vững và vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới.

Phần thứ hai

**ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG
VÀ CƠ ĐỒ CỦA ĐẤT NƯỚC
SAU 40 NĂM ĐỔI MỚI**

Câu hỏi 7: Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII diễn ra trong bối cảnh có những khó khăn, phức tạp nổi bật nào? Vì sao bối cảnh này đặt ra yêu cầu cao hơn, thể hiện rõ hơn bản lĩnh, sự sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo đất nước?

Trả lời:

1. Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII diễn ra trong bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước có nhiều khó khăn, phức tạp

Thứ nhất, bối cảnh thế giới biến động nhanh và khó dự báo. Thế giới bước vào giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ với tác động sâu rộng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột địa chính trị, bảo hộ thương mại, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu diễn ra ở nhiều khu vực. Biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các thách thức an ninh phi truyền

thống tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng, ổn định và phát triển bền vững của các quốc gia.

Thứ hai, khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á tiềm ẩn nhiều bất ổn. Bên cạnh vai trò là khu vực phát triển năng động, khu vực này cũng đối mặt với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, giữ vai trò ngày càng quan trọng trong kinh tế và chính trị toàn cầu, khu vực cũng là điểm nóng của cạnh tranh chiến lược, đặc biệt là tại Biển Đông. Các vấn đề an ninh biển, an ninh năng lượng, an ninh kinh tế và những tác động tiêu cực từ biến động toàn cầu đặt ra thách thức lớn đối với môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác.

Thứ ba, quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh đất nước bị tác động sâu sắc bởi những yếu tố bất lợi từ bên ngoài. Trong nước, đại dịch Covid-19 để lại hậu quả nặng nề, ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống nhân dân và năng lực của doanh nghiệp; thảm họa thiên tai diễn ra rất gay gắt, chiến tranh thương mại tác động lớn đến sự phát triển kinh tế. Đất nước vừa phải tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp mới nảy sinh, vừa phải xử lý các yếu kém tồn đọng từ nhiều năm trước.

2. Bối cảnh này đặt ra yêu cầu cao hơn, thể hiện rõ hơn bản lĩnh, sự sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo đất nước khi thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII

Thứ nhất, các biến động lớn của thế giới đang làm cho việc điều hành và lựa chọn chính sách phát triển của các



quốc gia trở nên khó khăn hơn. Việc kiên định mục tiêu phát triển, giữ vững độc lập, tự chủ và ổn định kinh tế - xã hội đòi hỏi Đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới, sáng tạo, tầm nhìn chiến lược để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đảng không chỉ kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, mà còn vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho phù hợp với thực tiễn.

Thứ hai, các thách thức trong nước đan xen đòi hỏi Đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực điều hành và tổ chức thực hiện. Đảng phải xử lý hài hòa giữa ổn định và phát triển, giữa trước mắt và lâu dài, giữa yêu cầu cấp bách và mục tiêu chiến lược.

Thứ ba, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII trở thành thước đo bản lĩnh, trí tuệ và sự sáng tạo của Đảng trong việc dẫn dắt đất nước vượt qua thách thức và nắm bắt thời cơ phát triển, khẳng định sự đúng đắn của con đường đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Trong khó khăn, thách thức, vai trò lãnh đạo của Đảng càng được khẳng định; niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào chế độ tiếp tục được củng cố.

Câu hỏi 8: Những kết quả nổi bật về phát triển kinh tế trong nhiệm kỳ Đại hội XIII là gì? Vì sao có thể khẳng định đây là nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển tiếp theo?

Trả lời:

1. Những kết quả nổi bật về phát triển kinh tế trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng

Thứ nhất, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm. Lạm phát, bội chi ngân sách nhà nước và các chỉ tiêu về nợ công được kiểm soát; thặng dư thương mại liên tục ở mức cao; thị trường trong nước phát triển mạnh. Các nguồn lực đầu tư phát triển được huy động và sử dụng hiệu quả hơn. Nhiều dự án tồn đọng, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, các tổ chức tín dụng yếu kém đã được xử lý quyết liệt, đạt nhiều kết quả. Thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp khống chế, đẩy lùi đại dịch Covid-19.

Thứ hai, tăng trưởng kinh tế của nước ta giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân khoảng 6,2%/năm, thuộc nhóm nước tăng trưởng cao của khu vực và thế giới, đặc biệt tăng trưởng kinh tế năm 2025 ước đạt 8%. Quy mô GDP năm 2025 ước đạt trên 514 tỉ USD, gấp 1,48 lần so với năm 2020, xếp thứ 32 trên thế giới; GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao, được nhiều tổ chức quốc tế uy tín đánh giá cao. Chất lượng tăng trưởng có bước chuyển biến tích cực, đóng góp của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 47%.

Thứ ba, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm; tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực

dịch vụ tăng. Nhiều mô hình sản xuất kinh doanh mới được hình thành, tạo tiền đề thuận lợi cho phát triển lực lượng sản xuất mới.

Thứ tư, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tập trung vốn đầu tư công cho các công trình trọng điểm quốc gia, có sự lan tỏa cao, kết nối vùng, liên vùng, khắc phục cơ bản tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán. Tăng trưởng tín dụng đã hướng mạnh vào hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên. Hoạt động sản xuất kinh doanh của một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã có hiệu quả, giữ vững vị trí then chốt trong nền kinh tế.

Thứ năm, đổi mới cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân. Bước đầu hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô lớn, hoạt động đa ngành, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Thứ sáu, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch gắn với chuỗi đô thị ven biển hình thành và phát triển mạnh; đã thành lập các khu thương mại tự do ở một số địa phương. Bước đầu hình thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới, sáng tạo, khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo tại các đô thị lớn; tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 đạt 45%.

2. Có thể khẳng định rằng, những kết quả nổi bật về kinh tế là nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển tiếp theo là bởi:

Thứ nhất, những kết quả nổi bật về tăng trưởng kinh tế, đặc biệt tăng trưởng kinh tế năm 2025 ước đạt 8%, tạo

nền tảng vững chắc cho mục tiêu tăng trưởng các năm tiếp theo.

Thứ hai, kết quả về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chất lượng tăng trưởng và thành tựu về đổi mới, sáng tạo, khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo đã tạo cơ sở, tiền đề để xác lập mô hình tăng trưởng mới, phát triển lực lượng sản xuất mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm đạt tốc độ tăng trưởng hai con số trong nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng.

Thứ ba, kết quả về huy động và sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển, tăng trưởng tín dụng... đã khơi thông các nguồn lực, giúp nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng có thể tập trung vào các chính sách mang tính bút phá thay vì chỉ loay hoay giải quyết các vấn đề tồn đọng cũ.

Thứ tư, vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao, nhất là vị thế về địa chính trị và kinh tế. Vai trò của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu được nâng cao, được khẳng định là một “mắt xích” không thể thay thế.

Thứ năm, những nỗ lực trong việc phân cấp, phân quyền, đổi mới cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân, việc rà soát, tháo gỡ khó khăn về thể chế, pháp luật và đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đã đạt được nhiều mục tiêu chiến lược quan trọng, tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch hơn cho các khu vực kinh tế.

Thứ sáu, cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình ủng hộ, dư luận quốc tế đánh giá cao những kết quả nổi bật về phát triển kinh tế. Nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đã làm rất tốt vai trò ổn định kinh tế vĩ mô, tích lũy, duy trì được đà tăng trưởng khá, vượt qua khó khăn như đại dịch Covid-19,... Những thành tựu kinh tế khẳng định niềm tin, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, của nhà đầu tư quốc tế vào một nền kinh tế Việt Nam năng động và ổn định. Đây chính là tài sản lớn nhất để chúng ta bước vào một giai đoạn phát triển mới - giai đoạn vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Câu hỏi 9: Những kết quả nổi bật trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của nhiệm kỳ Đại hội XIII là gì?

Trả lời:

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã đánh giá việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt một số kết quả trên các lĩnh vực:

Một là, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm; tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ tăng. Công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển khá;

tỷ lệ nội địa hóa được cải thiện. Nông nghiệp từng bước phát triển theo hướng sinh thái, xanh, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tiếp tục phát huy vai trò “trụ đỡ” trong nền kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật, thay đổi cơ bản diện mạo nông thôn và nâng cao đời sống người dân. Khu vực dịch vụ, du lịch phục hồi và phát triển nhanh; kinh tế biển tiếp tục phát triển. Nhiều mô hình sản xuất kinh doanh mới được hình thành, tạo tiền đề thuận lợi cho phát triển lực lượng sản xuất mới.

Hai là, tăng trưởng tín dụng đã hướng mạnh vào hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên. Hoạt động sản xuất kinh doanh của một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã có hiệu quả, giữ vững vị trí then chốt trong nền kinh tế. Bước đầu hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô lớn, hoạt động đa ngành, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Ba là, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch gắn với chuỗi đô thị ven biển hình thành và phát triển mạnh; đã thành lập các khu thương mại tự do ở một số địa phương. Bước đầu hình thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới, sáng tạo, khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo tại các đô thị lớn; tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 đạt 45%.

Câu hỏi 10: Việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những kết quả như thế nào? Những chuyển biến mới về nhận thức và chính sách là gì?

Trả lời:

1. Những kết quả nổi bật về xây dựng, phát triển văn hóa, con người trong nhiệm kỳ Đại hội XIII

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, công tác xây dựng văn hóa đạt được nhiều kết quả tích cực. Hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới được nghiên cứu, định hình và từng bước cụ thể hóa. Đây là bước tiến quan trọng về nhận thức, góp phần tạo cơ sở để định hướng hành vi xã hội, lối sống, đạo đức, nhân cách con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

Hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc tiếp tục được chú trọng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống được khơi dậy, kết hợp với tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần củng cố bản sắc văn hóa Việt Nam. Đời sống văn hóa ở cơ sở có chuyển biến, phong trào xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh được triển khai rộng khắp, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Đáng chú ý, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và nhiều biến động phức tạp, văn hóa đã thể hiện vai trò

“sức mạnh mềm”, góp phần củng cố niềm tin xã hội, tinh thần đoàn kết, nhân ái, sẻ chia, trách nhiệm cộng đồng - những giá trị cốt lõi của con người Việt Nam.

Cùng với phát triển văn hóa, nhiệm kỳ Đại hội XIII đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ, có lý tưởng, đạo đức, lối sống, tri thức, sức khỏe, năng lực sáng tạo và tinh thần cống hiến.

Chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được triển khai hiệu quả, nhất là trong bối cảnh khó khăn do dịch bệnh và thiên tai. Giáo dục, đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều nỗ lực đổi mới, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng cuộc sống.

Việc xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, an toàn, kỷ cương được chú trọng; các vấn đề đạo đức xã hội, tệ nạn, bạo lực, xuống cấp văn hóa được nhận diện rõ hơn và từng bước có giải pháp khắc phục. Những kết quả đó cho thấy việc xây dựng con người không còn bị tách rời khỏi các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, mà ngày càng được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển bền vững.

2. Những chuyển biến mới về nhận thức và chính sách

Về nhận thức lý luận:

Một trong những điểm nổi bật của nhiệm kỳ Đại hội XIII là sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức lý luận đối với

văn hóa và con người. Đảng đã nhấn mạnh sâu sắc hơn mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khẳng định phát triển kinh tế không thể tách rời phát triển văn hóa, con người.

Văn hóa không chỉ là lĩnh vực tinh thần, mà còn là hệ điều tiết của sự phát triển bền vững, gắn chặt với phát triển kinh tế, xây dựng hệ giá trị, đạo đức xã hội, môi trường văn hóa lành mạnh và năng lực cạnh tranh quốc gia. Con người không chỉ là đối tượng thụ hưởng thành quả phát triển, mà là chủ thể sáng tạo, trung tâm của mọi chính sách.

Nhận thức này tạo nền tảng lý luận quan trọng để khắc phục tư duy coi nhẹ văn hóa, chạy theo tăng trưởng đơn thuần, đồng thời mở ra hướng tiếp cận mới trong hoạch định và thực thi chính sách.

Về chính sách và tổ chức thực hiện:

Từ những chuyển biến về nhận thức, chính sách phát triển văn hóa và con người trong nhiệm kỳ Đại hội XIII có nhiều điểm mới. Các chủ trương, chương trình, đề án về văn hóa, con người được xây dựng theo hướng toàn diện, lâu dài, gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Đầu tư cho văn hóa từng bước được quan tâm hơn, dù vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục khắc phục.

Vai trò của Nhà nước trong kiến tạo môi trường văn hóa, hoàn thiện thể chế, đồng thời phát huy vai trò của xã hội, cộng đồng, gia đình trong xây dựng con người được đề cao. Việc kết hợp giữa bảo tồn và phát triển, giữa

truyền thống và hiện đại, giữa giá trị dân tộc và giá trị nhân loại trở thành định hướng xuyên suốt trong chính sách văn hóa.

Đặc biệt, trên cơ sở tổng kết nhiệm kỳ Đại hội XIII, Văn kiện Đại hội XIV đã nhấn mạnh yêu cầu phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội, coi đây là một trụ cột quan trọng của chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Quan trọng hơn, nhiệm kỳ Đại hội XIII đã khẳng định một tư duy phát triển tiến bộ: lấy con người làm trung tâm, văn hóa làm nền tảng, hệ điều tiết của sự phát triển bền vững hướng tới mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đây chính là cơ sở tư tưởng - chính trị quan trọng để tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong nhiệm kỳ Đại hội XIV và những năm tiếp theo.

Câu hỏi 11: Việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những kết quả gì? Những hạn chế, yếu kém cần khắc phục?

Trả lời:

1. Những kết quả nổi bật trong đổi mới giáo dục và đào tạo nhiệm kỳ Đại hội XIII

Trước hết, nhận thức về vai trò của giáo dục và đào tạo tiếp tục được nâng lên, thống nhất hơn trong toàn

hệ thống chính trị và xã hội. Giáo dục không chỉ được nhìn nhận như lĩnh vực phúc lợi xã hội, mà ngày càng được xác định rõ là động lực then chốt của phát triển bền vững, gắn chặt với chiến lược phát triển con người, phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thứ hai, đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục phổ thông có bước tiến rõ nét, trọng tâm là việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Chương trình đã chuyển mạnh từ tiếp cận truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực của người học; tăng cường tính tích hợp, thực tiễn, sáng tạo; từng bước khắc phục tình trạng học lệch, học nặng về lý thuyết, coi nhẹ kỹ năng và năng lực vận dụng.

Thứ ba, giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp từng bước được cơ cấu lại, gắn với nhu cầu thị trường lao động và yêu cầu phát triển đất nước. Một số cơ sở giáo dục đại học được trao quyền tự chủ cao hơn; chất lượng đào tạo ở một số ngành, lĩnh vực trọng điểm được nâng lên; hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Giáo dục nghề nghiệp có chuyển biến theo hướng gắn với doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực trực tiếp cho sản xuất và dịch vụ.

Thứ tư, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm xây dựng, từng bước chuẩn hóa về trình độ,

chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên theo chương trình mới được triển khai trên diện rộng; đạo đức nhà giáo, trách nhiệm nghề nghiệp tiếp tục được đề cao.

Thứ năm, chuyển đổi số trong giáo dục được thúc đẩy mạnh mẽ, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, học trực tuyến, xây dựng kho học liệu số, đổi mới phương thức quản lý giáo dục đã tạo ra những tiền đề quan trọng cho hiện đại hóa giáo dục trong giai đoạn mới.

Nhìn chung, nhiệm kỳ Đại hội XIII ghi nhận những bước tiến quan trọng về tư duy, thể chế và thực tiễn đổi mới giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng cơ hội học tập cho người dân và đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển đất nước.

2. Những hạn chế, yếu kém cần khắc phục

Trước hết, đổi mới chưa thực sự đồng bộ và chưa đạt mục tiêu “căn bản, toàn diện” như yêu cầu đặt ra. Một số chủ trương lớn triển khai chậm, thiếu nhất quán; khoảng cách giữa chủ trương và thực tiễn còn khá lớn, nhất là ở cơ sở.

Thứ hai, chất lượng giáo dục chưa đồng đều giữa các vùng, miền và giữa các loại hình đào tạo. Giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và

khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng cao còn hạn chế, làm gia tăng nguy cơ bất bình đẳng trong giáo dục.

Thứ ba, nội dung, phương pháp dạy học ở nhiều nơi vẫn nặng về lý thuyết, chậm đổi mới, chưa phát huy tốt tư duy độc lập, sáng tạo và năng lực tự học của người học. Áp lực thi cử, thành tích vẫn còn tồn tại; việc đánh giá chất lượng giáo dục chưa thật sự phản ánh đúng năng lực thực tiễn của người học.

Thứ tư, giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chưa gắn chặt với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, còn tình trạng mất cân đối cơ cấu ngành, nghề, thiếu hụt lao động chất lượng cao ở nhiều lĩnh vực then chốt. Hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học chưa thực sự trở thành động lực mạnh mẽ của đổi mới sáng tạo.

Thứ năm, đời sống, thu nhập và điều kiện làm việc của đội ngũ nhà giáo còn nhiều khó khăn, chưa tương xứng với vai trò, vị trí và yêu cầu ngày càng cao của nghề nghiệp. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến động lực cống hiến và chất lượng giảng dạy lâu dài của đội ngũ nhà giáo.

Việc chỉ rõ kết quả và hạn chế trong nhiệm kỳ Đại hội XIII cho thấy cách tiếp cận ngày càng thực chất, cầu thị và hướng tới phát triển bền vững của Đảng đối với giáo dục và đào tạo. Những thành tựu đạt được là nền tảng quan trọng; những hạn chế cũng đặt ra yêu cầu phải



tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn, gắn giáo dục với phát triển con người toàn diện, xây dựng xã hội học tập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Câu hỏi 12: Quản lý phát triển xã hội bền vững đạt được kết quả như thế nào trong nhiệm kỳ Đại hội XIII? Những vấn đề mới đặt ra trong giai đoạn tới là gì?

Trả lời:

1. Những kết quả đạt được về quản lý phát triển xã hội bền vững trong nhiệm kỳ Đại hội XIII

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, trước những tác động phức tạp của đại dịch Covid-19, biến động kinh tế toàn cầu và các vấn đề xã hội mới nảy sinh, Đảng ta đã xác định rõ yêu cầu quản lý phát triển xã hội theo hướng bền vững, bao trùm, lấy con người làm trung tâm, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, ổn định chính trị - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Với quan điểm chỉ đạo trên, quản lý phát triển xã hội bền vững trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đã đạt một số kết quả nổi bật:

Trước hết, ổn định xã hội và đồng thuận xã hội được giữ vững trong những thời điểm khó khăn nhất. Việc ứng phó với đại dịch Covid-19 là minh chứng rõ nét cho năng lực quản lý xã hội, điều hành xã hội của Đảng và Nhà nước:

vừa bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa duy trì ổn định xã hội, bảo đảm an sinh, không để đứt gãy nghiêm trọng đời sống dân sinh.

Thứ hai, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội được triển khai kịp thời, linh hoạt, bao phủ rộng hơn các nhóm yếu thế, người lao động, người nghèo, người bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thiên tai. Các chương trình giảm nghèo đa chiều, xây dựng nông thôn mới, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần thu hẹp chênh lệch xã hội, giảm bất bình đẳng, đúng với tinh thần “không ai bị bỏ lại phía sau”.

Thứ ba, công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người được chú trọng hơn, không chỉ ở góc độ an ninh truyền thống mà mở rộng sang an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ và bảo vệ môi trường sống. Đây là bước phát triển quan trọng trong tư duy quản lý xã hội, phản ánh sự chuyển dịch từ quản lý “ứng phó” sang quản lý “phòng ngừa” và “kiến tạo”.

Bên cạnh đó, nhận thức về an ninh con người, quản lý rủi ro xã hội và phát triển xã hội bền vững từng bước được nâng lên; hệ thống chính sách xã hội từng bước được hoàn thiện theo hướng chủ động, phòng ngừa, thay vì chỉ ứng phó. Những kết quả đó tạo nền tảng quan trọng để tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn công tác quản lý phát triển xã hội trong giai đoạn tới.

2. Những vấn đề mới đặt ra trong giai đoạn tới

Thứ nhất, quản lý phát triển xã hội vẫn còn những hạn chế, điểm nghẽn. Chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa thật sự bền vững; chênh lệch giàu nghèo, bất bình đẳng vùng, miền còn tồn tại.

Thứ hai, một số vấn đề xã hội bức xúc như ô nhiễm môi trường, già hóa dân số, áp lực việc làm, nhà ở, an sinh đô thị ngày càng gia tăng. Năng lực quản lý xã hội ở một số cấp, ngành chưa theo kịp yêu cầu mới, các rủi ro an ninh phi truyền thống, an ninh con người ngày càng đa dạng, phức tạp.

Thứ ba, yêu cầu xây dựng xã hội kỷ cương, lành mạnh, an toàn, văn minh, gắn với thượng tôn pháp luật, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích; nâng cao chất lượng quản trị xã hội và mức độ hài lòng của nhân dân trở thành những nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới.

Từ tổng kết nhiệm kỳ Đại hội XIII, Văn kiện Đại hội XIV khẳng định: Quản lý phát triển xã hội bền vững phải được đặt trong tầm nhìn dài hạn, gắn chặt với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Điểm nhấn mới là yêu cầu chuyển mạnh từ chủ trương sang hành động, từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại, lấy dữ liệu, chỉ số và sự hài lòng của nhân dân làm thước đo hiệu quả. Đây chính là cơ sở quan trọng để

hiện thực hóa mục tiêu xây dựng xã hội Việt Nam phát triển bền vững, tiến bộ, công bằng, văn minh và hạnh phúc trong kỷ nguyên mới.

Câu hỏi 13: Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt những kết quả quan trọng như thế nào trong nhiệm kỳ Đại hội XIII? Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế là gì?

Trả lời:

1. Những kết quả quan trọng trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thứ nhất, thể chế khoa học, công nghệ từng bước được đổi mới, hoàn thiện. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được ban hành, điều chỉnh theo hướng tăng cường tự chủ, khuyến khích sáng tạo, gắn nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực khoa học, công nghệ quốc gia được tăng cường cả về cơ sở vật chất, nhân lực và tổ chức nghiên cứu.

Thứ hai, các lĩnh vực khoa học được quan tâm phát triển tương đối đồng bộ. Khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ tiếp tục có bước tiến trong nghiên cứu, ứng dụng, góp phần giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn trong sản xuất, đời sống, quốc phòng, an ninh. Khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị được



chú trọng hơn, phục vụ trực tiếp cho công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, góp phần hoàn thiện đường lối đổi mới và nâng cao năng lực hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thứ ba, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ được đẩy mạnh. Việt Nam từng bước mở rộng hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tham gia vào các mạng lưới khoa học khu vực và quốc tế. Thông qua hội nhập, đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ có thêm điều kiện tiếp cận tri thức mới, phương thức quản trị khoa học hiện đại và các chuẩn mực quốc tế.

Thứ tư, đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp bước đầu hình thành và phát triển. Nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được triển khai; số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tăng lên; tinh thần đổi mới, sáng tạo trong xã hội, nhất là trong giới trẻ và cộng đồng doanh nghiệp, được khơi dậy. Đây là bước tiến quan trọng trong việc từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế tri thức và kinh tế số.

2. Hạn chế

Thứ nhất, cơ chế, chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn nhiều hạn chế, vướng mắc, chưa thực sự được đặt đúng vị trí là quốc sách hàng đầu.

Khoa học, công nghệ chưa trở thành động lực chính thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất mới, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao năng suất lao động.

Thứ hai, cơ chế đầu tư, quản lý tài chính cho khoa học, công nghệ còn bất cập. Các quy định về phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí nghiên cứu còn nặng về thủ tục hành chính, thiếu linh hoạt, chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học, sáng tạo. Chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ trí thức, nhà khoa học chưa tương xứng, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để thu hút, giữ chân và phát huy nhân tài khoa học, công nghệ.

Thứ ba, thị trường khoa học, công nghệ phát triển chậm. Cơ chế kết nối giữa nghiên cứu - ứng dụng - thương mại hóa kết quả nghiên cứu còn yếu. Nhiều kết quả nghiên cứu chưa được đưa vào sản xuất, kinh doanh; hoạt động mua bán, chuyển giao công nghệ chưa sôi động, chưa hình thành được thị trường khoa học, công nghệ vận hành hiệu quả theo cơ chế thị trường.

Thứ tư, nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn hẹp, phân tán, chưa tập trung cho các lĩnh vực then chốt, công nghệ nền tảng và công nghệ chiến lược. Một số ngành khoa học, công nghệ mũi nhọn, có vai trò dẫn dắt phát triển, phát triển còn chậm, chưa tạo được đột phá rõ nét.

Thứ năm, doanh nghiệp chưa thực sự trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Sự gắn kết

giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học còn lỏng lẻo; đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) của khu vực doanh nghiệp còn thấp; vai trò dẫn dắt đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp lớn chưa được phát huy đầy đủ.

3. Nguyên nhân của hạn chế

Về khách quan, bối cảnh quốc tế biến động nhanh, cạnh tranh công nghệ ngày càng gay gắt; nguồn lực quốc gia còn hạn chế; trình độ phát triển của nền kinh tế chưa cao đã ảnh hưởng đến khả năng đầu tư mạnh cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Về chủ quan, trước hết là nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở một số cấp, ngành chưa đầy đủ, chưa thống nhất, dẫn đến việc thể chế hóa chủ trương của Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ. Tư duy quản lý khoa học, công nghệ chậm đổi mới, vẫn mang nặng dấu ấn hành chính, chưa theo kịp yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về khoa học, công nghệ còn hạn chế; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương thiếu chặt chẽ; cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo chưa đủ mạnh. Công tác phát hiện, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đội ngũ trí thức, nhà khoa học còn nhiều bất cập, làm giảm động lực sáng tạo và cống hiến lâu dài.

Tóm lại, có thể khẳng định rằng, nhiệm kỳ Đại hội XIII đã ghi nhận những kết quả quan trọng trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, song vẫn còn khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu, mục tiêu đặt ra với thực tiễn đạt được. Việc nhận diện đúng những hạn chế và nguyên nhân là cơ sở quan trọng để Đảng và Nhà nước đề ra các quyết sách đột phá trong giai đoạn tới, đúng như tinh thần văn kiện Đại hội XIV đã xác định: phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải thực sự trở thành động lực chính của phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Câu hỏi 14: Việc quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được kết quả như thế nào? Những hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới là gì?

Trả lời:

1. Những kết quả đạt được trong quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Thứ nhất, thể chế, chính sách về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng bước được hoàn thiện. Nhiều luật, nghị định, chiến lược, chương trình hành động liên quan đến đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường và ứng phó với biến đổi

khí hậu được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, tạo khung khổ pháp lý ngày càng đầy đủ, đồng bộ hơn. Nhận thức về vai trò của môi trường như một trụ cột của phát triển bền vững được nâng lên, từng bước chuyển từ tư duy tăng trưởng trước, xử lý môi trường sau sang tư duy phát triển hài hòa giữa kinh tế - xã hội - môi trường.

Thứ hai, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được nâng lên. Hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn từng bước được hiện đại hóa; công tác cảnh báo sớm, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được cải thiện. Việc chủ động ứng phó với bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất... đã hạn chế đáng kể thiệt hại về người và tài sản so với trước, nhất là tại các khu vực thường xuyên chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu.

Thứ ba, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được tăng cường. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường từng bước chuyển theo hướng liên ngành, liên vùng; trách nhiệm của chính quyền địa phương trong bảo vệ môi trường được đề cao. Việc lồng ghép mục tiêu bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngày càng được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường.

Ngoài ra, hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu tiếp tục được mở rộng. Việt Nam tham

gia tích cực vào các cam kết, sáng kiến toàn cầu, từng bước tiếp cận nguồn lực tài chính, công nghệ và kinh nghiệm quốc tế phục vụ phát triển xanh, phát triển bền vững.

2. Những hạn chế cần được khắc phục trong thời gian tới

Thứ nhất, ô nhiễm môi trường chưa được kiểm soát hiệu quả, thậm chí có mặt còn diễn biến phức tạp hơn. Tình trạng ô nhiễm không khí ở các đô thị lớn, ô nhiễm nước tại các lưu vực sông, ô nhiễm đất ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề vẫn là vấn đề bức xúc. Việc xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt và công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe nhân dân và chất lượng môi trường sống.

Thứ hai, khả năng ứng phó, giảm thiểu tác hại của thiên tai và biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng nhanh, phức tạp, với mức độ và tần suất thiên tai gia tăng, trong khi năng lực phòng ngừa, thích ứng ở nhiều địa phương còn hạn chế. Hệ thống kết cấu hạ tầng ứng phó thiên tai, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển và đồng bằng thấp trũng, chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu còn phân tán, chưa tương xứng với yêu cầu.

Thứ ba, việc quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là đất đai và tài nguyên nước, hiệu quả chưa cao. Tình trạng sử dụng đất lãng phí, quy hoạch treo, chuyển mục đích sử dụng đất chưa hợp lý vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi.

Công tác quản lý tài nguyên nước còn bất cập, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh nguồn nước gia tăng, biến đổi khí hậu và các tác động từ thượng nguồn. Khai thác khoáng sản ở một số địa phương chưa gắn chặt với bảo vệ môi trường và phục hồi sinh thái.

Thứ tư, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một bộ phận tổ chức, doanh nghiệp và người dân chưa cao. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm môi trường ở một số nơi chưa nghiêm, chưa đủ sức răn đe. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong xử lý các vấn đề môi trường liên vùng, liên ngành còn hạn chế.

Tóm lại, nhiệm kỳ vừa qua đã đạt được những kết quả quan trọng trong quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, trước những thách thức ngày càng gay gắt, việc khắc phục các hạn chế nêu trên là yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi quyết tâm chính trị cao, giải pháp đồng bộ và cách làm đổi mới để bảo đảm phát triển bền vững đất nước trong giai đoạn tới.

Câu hỏi 15: Quốc phòng, an ninh trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những thành tựu nổi bật nào, còn những hạn chế gì?

Trả lời:

1. Những thành tựu nổi bật

Thứ nhất, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả hơn hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi

trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường vững mạnh cả về tiềm lực, lực lượng và thế trận.

Thứ hai, nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố; gắn kết chặt chẽ với thế trận lòng dân vững chắc, nhất là ở các địa bàn chiến lược trọng điểm, tuyến biên giới, hải đảo.

Thứ ba, tập trung đầu tư, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; cơ bản hoàn thành điều chỉnh, sắp xếp tổ chức Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu; dân quân tự vệ, an ninh cơ sở vững mạnh, rộng khắp.

Thứ tư, công nghiệp quốc phòng, an ninh được đầu tư phát triển, có đột phá, bảo đảm tính lưỡng dụng, hiện đại.

Thứ năm, chủ động triển khai công tác nghiên cứu, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra các chủ trương, đối sách xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ; ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; ứng phó ngày càng có hiệu quả hơn các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Xử lý dứt điểm nhiều vấn đề, đối tượng trọng điểm phức tạp về an ninh kéo dài nhiều năm. Giữ vững chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng.



Thứ sáu, đẩy mạnh hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng, an ninh; tham gia tích cực và hiệu quả vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

2. Một số hạn chế

Thứ nhất, cơ chế, chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh có mặt chưa hoàn thiện.

Thứ hai, bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa được chú trọng đúng mức.

Thứ ba, đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ ở một số địa phương chưa tương xứng với phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, công tác bảo đảm an ninh cơ sở còn sơ hở, còn dễ xảy ra vụ việc gây mất an ninh, trật tự; vẫn còn mất cảnh giác trước âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; công tác đấu tranh, bảo đảm an toàn, an ninh mạng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Câu hỏi 16: Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đã đạt được những kết quả nổi bật nào, còn những hạn chế gì?

Trả lời:

1. Văn kiện Đại hội XIV đánh giá công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những kết quả nổi bật là:

Thứ nhất, đối ngoại đã phát huy tích cực, hiệu quả vai trò tiên phong, góp phần duy trì, củng cố môi trường hòa

bình, ổn định, mở ra cục diện mới chưa từng có cho phát triển đất nước.

Thứ hai, quan hệ với các nước và đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, phát triển bền vững, nhất là nâng cấp và làm sâu sắc hơn quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với các nước lớn, đối tác quan trọng. Từ thế bị bao vây, cấm vận, đến nay, nước ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước, trong đó quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 14 nước, đối tác chiến lược với 14 nước, đối tác toàn diện với 14 nước. Công tác phân định, giải quyết một số vấn đề biên giới lãnh thổ đạt được những kết quả rất quan trọng, củng cố đường biên giới hòa bình, hữu nghị và ổn định.

Thứ ba, ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh, khai thác hiệu quả các cơ hội hợp tác kinh tế. Tích cực triển khai các hiệp định thương mại tự do, tham gia một số sáng kiến liên kết kinh tế, khuôn khổ hợp tác kinh tế mới. Đối ngoại đa phương chuyển từ tham gia sang chủ động đề xuất nhiều sáng kiến, giải pháp tại các cơ chế hợp tác quan trọng¹ để giải quyết các vấn đề chung của thế giới. Tham gia tích cực, hiệu quả lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, cứu hộ, cứu nạn quốc tế...

Thứ tư, công tác người Việt Nam ở nước ngoài được đẩy mạnh; nguồn lực của kiều bào ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và

1. Như ASEAN, Liên hợp quốc, Tiểu vùng Mê Kông, APEC, AIPA, IPU, OECD, G20...

phát triển đất nước. Công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao văn hóa được đổi mới về nội dung, phương thức, ứng dụng công nghệ số. Làm tốt công tác bảo hộ công dân, nỗ lực bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe và quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

2. Một số hạn chế

Mức độ tham gia, năng lực đóng góp, đề xuất sáng kiến trong khuôn khổ đa phương vẫn còn hạn chế, chưa đồng bộ giữa các lĩnh vực. Chưa khai thác, phát huy hết những tiềm năng trong một số khuôn khổ, lĩnh vực hợp tác. Phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, thường xuyên. Việc triển khai các thỏa thuận, cam kết quốc tế còn nhiều khó khăn, bất cập. Công tác nghiên cứu, tham mưu dự báo chiến lược có mặt còn chưa theo kịp với chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường của tình hình thế giới và khu vực.

Câu hỏi 17: Việc phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được thể hiện như thế nào?

Trả lời:

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán quan điểm coi

nhân dân là chủ thể của lịch sử, là nguồn sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Việc thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa được thể hiện rõ qua phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, phản ánh một cách toàn diện sự tham gia của nhân dân trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, nguồn sức mạnh to lớn và là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đại đoàn kết không chỉ là sự thống nhất về chính trị mà còn là sự đồng thuận xã hội, niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Đây chính là cơ sở xã hội vững chắc để củng cố lòng tin, tăng cường đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc.



Câu hỏi 18: Công tác xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những kết quả nổi bật nào? Những vấn đề đặt ra là gì?

Trả lời:

1. Đại hội XIV của Đảng đã khẳng định những kết quả đạt được của công tác xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:

Thứ nhất, việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo ngày càng quyết liệt, toàn diện, đồng bộ từ nhận thức, lý luận và thực tiễn. Trong đó nổi bật là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân được xây dựng ngày càng hoàn thiện, là một trong những yếu tố quan trọng của mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, trong mối quan hệ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, trong tiến trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua cuộc cách mạng về tổ chức, sắp xếp lại giang sơn, bộ máy nhà nước đã thực sự tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; góp phần quan trọng để cơ chế Đảng lãnh đạo,

Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ vận hành thông suốt, đồng bộ.

Thứ ba, nền hành chính quốc gia được cải cách theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, kết hợp giữa quản lý với quản trị phát triển; hiệu quả quản lý và quản trị phát triển của Nhà nước không ngừng được nâng cao, phục vụ ngày càng hiệu quả hơn sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Chuyển đổi số trong quản lý hành chính nhà nước đã xác lập được phương thức quản lý hiện đại, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý, nhưng cũng tạo thông thoáng, thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ tư, công tác xây dựng, tổ chức thi hành thể chế, chính sách, pháp luật đã bám sát thực tiễn, kịp thời thể chế hóa đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn cuộc sống; đặc biệt, cuối nhiệm kỳ Đại hội XIII, công tác xây dựng thể chế, chính sách, pháp luật đã có những bước đột phá, kịp thời tháo gỡ nhiều điểm nghẽn cản trở sự phát triển; hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện đồng bộ hơn. Việc tổ chức thực hiện pháp luật có nhiều tiến bộ, ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật ngày càng được đề cao.

Thứ năm, cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân đã được coi trọng, quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng bảo vệ thực chất, đã hình thành cơ bản cơ chế, chính sách, pháp luật để quán triệt phương châm: “dân biết,

dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; quyền con người, quyền công dân được ghi nhận và bảo vệ thực chất. Quyền lực nhà nước là thống nhất, được phân công hợp lý, được giới hạn chặt chẽ hơn bằng Hiến pháp và luật.

Thứ sáu, công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được đặc biệt coi trọng, qua đó đã góp phần làm trong sạch bộ máy nhà nước, với đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực, tận tụy, liêm chính, vì nhân dân phục vụ.

2. Một số vấn đề tiếp tục đặt ra đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện lý luận về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm đưa ra những luận giải một cách đầy đủ và thuyết phục; trong đó, trọng tâm là các vấn đề: (i) cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, bao gồm cả kiểm soát bên trong và kiểm soát từ bên ngoài đối với bộ máy nhà nước; (ii) cơ chế để bảo đảm vai trò chủ thể, quyền làm chủ của nhân dân trong mối quan hệ với Nhà nước.

Thứ hai, tiếp tục phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân với hoạt động của bộ máy nhà nước bằng những cơ chế, chính sách, pháp luật thực chất, hiệu quả. Tiếp tục cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

Thứ ba, nâng cao nhận thức, quyết tâm chính trị, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, hình thành văn hóa pháp lý của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới công tác xây dựng thể chế, chính sách, pháp luật, nhất là trong thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm tính dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận. Tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh và nhất quán.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để triển khai hiệu quả tổ chức bộ máy mới của hệ thống chính trị; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền, phân công, cơ chế hoạt động, kiểm tra, giám sát và mối quan hệ giữa các tổ chức, cơ quan, đơn vị cả Trung ương và địa phương bảo đảm hoạt động thông suốt, đồng bộ, nhịp nhàng; đổi mới hơn nữa công tác cán bộ, nhất là việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá cán bộ, công chức. Nâng cao trách nhiệm giải trình của Nhà nước nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước nói riêng.

Câu hỏi 19: Công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những thành tựu nổi bật nào? Những thành tựu đó có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong giai đoạn tới?

Trả lời:

1. Công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, có mặt nổi bật, đột phá chưa từng có như sau:

Công tác xây dựng Đảng về chính trị tiếp tục được chú trọng, tăng cường; kiên trì, giữ vững và phát huy bốn kiên định, nâng cao bản lĩnh chính trị, tính tiên phong, trình độ, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng. Văn kiện Đại hội XIV được xây dựng công phu, kỹ lưỡng, khoa học, thể hiện tầm nhìn chiến lược và quyết tâm chính trị cao nhất. Đặc biệt, lần đầu tiên Chương trình hành động được ban hành kèm theo Nghị quyết - một bước đột phá nhằm bảo đảm Nghị quyết đi ngay vào cuộc sống. Nghị quyết Đại hội XIV thực sự trở thành một cẩm nang hành động của Đảng và cả hệ thống chính trị, là “ngọn đuốc soi đường” trên con đường phát triển mới.

Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đạt được nhiều kết quả tích cực.

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao nhận

thức, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị.

Đã có nhiều đổi mới trong tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng.

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được coi trọng, gắn kết chặt chẽ với định hướng chính sách. Hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tiếp tục được hoàn thiện. “Lý luận về đường lối đổi mới” được chính thức bổ sung vào nền tảng tư tưởng của Đảng là thành tựu nổi bật nhất trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

Công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng về tư tưởng, lý luận chính trị có nhiều đổi mới. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được triển khai quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đặc biệt coi trọng. Đề cao chuẩn mực đạo đức cách mạng và phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Công tác giáo dục, bồi dưỡng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện các quy định của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên được triển khai sâu rộng và có hiệu quả.

Công tác dân vận được tăng cường, góp phần thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Chú trọng đối thoại, lắng nghe ý kiến, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Công tác xây dựng Đảng về tổ chức được triển khai quyết liệt, mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ. Đặc biệt, cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đã đạt được những kết quả mang tính đột phá. Hệ thống tổ chức bộ máy các cơ quan của Đảng và hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương được sắp xếp, tổ chức lại đồng bộ, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, thực chất, có hiệu quả. Công tác xây dựng Đảng và phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, biên giới, hải đảo, trong học sinh, sinh viên được tăng cường, cơ bản xóa được tình trạng “trắng” đảng viên ở thôn, bản. Công tác quản lý, rà soát, sàng lọc đảng viên được thực hiện ngày càng nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định. Tiến hành đổi thẻ đảng viên trong toàn Đảng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý đảng viên.

Công tác xây dựng Đảng về cán bộ được đặc biệt chú trọng, có nhiều đổi mới, góp phần xây dựng toàn diện đội ngũ

cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược. Đặc biệt lần đầu tiên hoàn thành việc bố trí 100% bí thư tỉnh ủy, thành ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp xã, chánh thanh tra, chánh án tòa án nhân dân, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố không phải là người địa phương. Các chủ trương, giải pháp về công tác cán bộ được kịp thời thể chế, cụ thể hóa; việc sửa đổi, ban hành hệ thống các quy định về công tác cán bộ được triển khai toàn diện, đồng bộ với nhiều nội dung mới, đột phá, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, chặt chẽ. Công tác xử lý cán bộ vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật nhà nước, nhất là đối với một số cán bộ lãnh đạo cấp cao, kể cả lãnh đạo chủ chốt đã được chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm minh, kịp thời, nhanh chóng kiện toàn nhân sự thay thế đã khẳng định bản lĩnh chính trị, sức mạnh đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng và ý chí quyết tâm xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc, thận trọng, đúng quy định và ngày càng nền nếp, thường xuyên.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường, thường xuyên, nghiêm minh, đạt nhiều kết quả nổi bật. Gắn kết chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng với tự phê bình, phê bình và với tuân thủ pháp luật. Việc xử lý nghiêm minh một số tổ chức, cá nhân,



đảng viên suy thoái, vi phạm kỷ luật, kể cả cán bộ cấp cao, đã có tác dụng giáo dục, cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn tiêu cực.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, có bước tiến mạnh, đột phá lớn, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, tạo được niềm tin và sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từng bước hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng, tiêu cực.

Phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, hiệu lực, hiệu quả hơn. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ những nút thắt, điểm nghẽn, ứng phó nhanh, rất kịp thời, hiệu quả với các tình huống khó khăn, phức tạp, chưa từng có tiền lệ, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình, đánh giá cao.

2. Những thành tựu đó có ý nghĩa to lớn đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay:

- *Đối với Đảng*: Những thành tựu về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII khẳng định đường

lối xây dựng, chỉnh đốn Đảng là đúng đắn và nhất định thành công. Những thành tựu đó sẽ củng cố niềm tin và cổ vũ quyết tâm hành động cho toàn Đảng vượt mọi khó khăn để tiến lên; góp phần giữ vững vai trò lãnh đạo, đảm bảo sự ổn định của quốc gia.

- *Đối với nhân dân*: Công cuộc xây dựng, phát triển đất nước đã và đang khơi dậy mạnh mẽ khát vọng và củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, với đường lối đổi mới, xây dựng, bảo vệ đất nước. Khi niềm tin được củng cố, nguồn lực trong nhân dân được khơi thông, tạo nên sức mạnh tổng lực để thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển vào năm 2045.

- *Đối với công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại*: Những thành tựu về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII tạo ra nhiều hiệu ứng tích cực mạnh mẽ, như:

+ Thành tựu về xây dựng Đảng về tổ chức góp phần giúp hệ thống chính trị tinh gọn và hiệu quả hơn. Đây là tiền đề bắt buộc để thu hút đầu tư và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn.

+ Thành tựu về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền giúp Đảng không chỉ đưa ra những nghị quyết đúng đắn mà còn đảm bảo các nghị quyết đó đi vào thực tiễn.

+ Việc đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên góp phần giảm bớt các rào

cản hành chính, tình trạng “những nhiều”, tạo sân chơi công bằng cho doanh nghiệp.

+ Cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, năng động, sáng tạo giúp tháo gỡ tâm lý “sợ sai, sợ trách nhiệm”, thúc đẩy sự đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

+ Những thành tựu xây dựng Đảng góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, thúc đẩy công tác đối ngoại.

Câu hỏi 20: Ba đột phá chiến lược đạt được những kết quả nổi bật gì trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng?

Trả lời:

Đánh giá khái quát việc thực hiện ba đột phá chiến lược, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nêu rõ:

Ba đột phá chiến lược được thực hiện đồng bộ, trọng tâm, trọng điểm, đạt kết quả nổi bật, tạo nền tảng và động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, cách làm trong xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật; tập trung điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện pháp luật theo hướng phân cấp, phân quyền triệt để, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong thực thi, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp. Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển

bút phá, nhiều công trình hạ tầng quan trọng quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp, đường bộ cao tốc, sân bay, cảng biển, hạ tầng số..., góp phần làm thay đổi diện mạo đất nước và mở ra không gian phát triển mới. Chú trọng đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhất là công nghệ cao, xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia; ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử... tạo động lực đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế. Cụ thể:

1. Về hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật được tập trung thực hiện và có nhiều đột phá. Chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện đáng kể.

Các loại thị trường tiếp tục được hình thành đồng bộ, phát triển nhanh, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Một số loại thị trường mới đã và đang được hoàn thiện các điều kiện để hình thành và phát triển như thị trường tín chỉ cacbon, tín dụng xanh, tài chính xanh... Phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương được đẩy mạnh. Hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được đẩy mạnh, tập trung vào những lĩnh vực trọng yếu dễ

phát sinh tiêu cực. Công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm cơ bản đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

2. Về phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch tích cực, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm từ 33,1% năm 2020 xuống còn khoảng 25,8% năm 2025. Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 64,5% năm 2020 lên 70% năm 2025. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đạt được một số kết quả tích cực.

Cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số có sự đổi mới bước đầu mang tính căn bản theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đã triển khai xây dựng, hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia và Trung tâm dữ liệu quốc gia. Một số lĩnh vực khoa học tự nhiên đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Số lượng công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế tiếp tục tăng. Nhiều thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại được ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi

trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, công nghiệp, thông tin... Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia được hình thành và phát triển. Thị trường khoa học và công nghệ có bước phát triển; hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia được hình thành và phát triển. Các khu công nghệ cao được đẩy mạnh đầu tư. Hệ thống tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ tiếp tục được củng cố, phát triển, phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết quốc tế.

Đội ngũ trí thức, khoa học - công nghệ phát triển cả về số lượng và chất lượng, trong đó một số nhà khoa học có uy tín được thế giới công nhận, vinh danh. Việc chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đẩy mạnh. Một số tổ chức khoa học và công nghệ tiên tiến tầm quốc tế đã được thành lập ở cả khu vực công và tư.

Việc phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia được triển khai thực hiện một cách mạnh mẽ, quyết liệt từ Trung ương đến địa phương. Chuyển đổi số quốc gia được đẩy mạnh, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đạt kết quả tích cực.

Nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của giá trị văn hóa, con người Việt Nam đối với sự phát triển bền vững đất nước được nâng lên rõ rệt và lan tỏa trong xã hội. Xây dựng và triển khai thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa Việt Nam. Công nghiệp văn hóa từng bước phát triển, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

3. Về phát triển kết cấu hạ tầng

Việc thực hiện đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai quyết liệt và đạt được nhiều kết quả nổi bật. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển bứt phá, chất lượng được cải thiện, nhiều công trình hạ tầng quan trọng quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp, góp phần làm thay đổi rõ rệt diện mạo đất nước và mở ra không gian phát triển mới. Nhiều công trình giao thông quan trọng, quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp. Hạ tầng cấp điện được tập trung đầu tư, nhiều công trình lớn (trên 1.000 MW) được hoàn thành; chú trọng phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm đầu tư. Hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số tiếp tục được mở rộng, hiện đại hóa và phát triển mạnh. Nhiều công trình hạ tầng cho giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế và các thiết chế văn hóa, thể thao... đã được chú trọng đầu tư. Hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn.

Câu hỏi 21: Nguyên nhân của những kết quả đạt được và của những hạn chế, điểm nghẽn trong phát triển đất nước là gì? Đây là điểm nghẽn cần tập trung khắc phục?

Trả lời:

Đại hội XIV của Đảng, cùng với việc đánh giá về những kết quả to lớn đã đạt được trong xây dựng, phát triển đất nước cũng chỉ ra những nguyên nhân của những kết quả đạt được và của những hạn chế, điểm nghẽn, cụ thể:

1. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện, sáng suốt, sâu sát, kịp thời của Đảng mà trực tiếp là Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự đoàn kết, thống nhất, phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng của cả hệ thống chính trị với hạt nhân lãnh đạo là Đảng; tinh thần chủ động, có quyết sách đúng đắn, kịp thời, nắm chắc tình hình và yêu cầu thực tiễn, đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm.

Hai là, nội dung, phương thức hoạt động của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp đổi mới; quản lý, điều hành của Chính phủ và chính quyền các cấp quyết liệt, năng động, sáng tạo, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền địa phương gắn với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.

Ba là, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; sự đồng thuận, đồng tình, ủng hộ của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp; sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, điểm nghẽn

Nguyên nhân khách quan:

Tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, chưa có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo; nhất là đại dịch Covid-19, thiên tai, bão lũ; chiến tranh, xung đột ở nhiều khu vực; kinh tế toàn cầu tăng trưởng thấp, lạm phát cao, chính sách thuế đối ứng ảnh hưởng tới thương mại và đầu tư...; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động.

Nguyên nhân chủ quan:

- Nhận thức, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền và lãnh đạo một số cơ quan, tổ chức, người đứng đầu còn hạn chế “tư duy nhiệm kỳ”, “lợi ích nhóm” chưa được khắc phục triệt để; chưa phát huy hiệu quả vai trò “giám sát” của nhân dân;

- Thể chế phát triển, cơ chế, chính sách, pháp luật vẫn là một điểm nghẽn kéo dài, trong đó có tư duy xây dựng pháp luật và bản lĩnh trong tổ chức thi hành, chưa theo kịp yêu cầu phát triển; trong một số lĩnh vực còn chồng chéo, vướng mắc, thiếu ổn định, chậm khắc phục; thủ tục hành chính còn rườm rà, dịch vụ công trực tuyến chưa

thuận tiện, thông suốt; thiếu cơ chế, chính sách, giải pháp đột phá huy động nguồn lực và tạo động lực mạnh để phát triển; quản trị xã hội, quản trị rủi ro chưa theo kịp với thực tiễn, chưa chủ động được phương án ứng phó với tình huống bất ngờ phát sinh, nhất là ở cấp cơ sở;

- Phối hợp giữa các bộ, ngành, các địa phương có lúc, có nơi còn hình thức, hiệu quả thấp. Một bộ phận cán bộ thực thi còn chưa quyết liệt, kịp thời, còn có tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm trong thực thi công vụ. Phân cấp, phân quyền còn nhiều bất cập;

- Niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp có lúc suy giảm, tâm lý xã hội thiếu ổn định. Kỹ năng ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ của người dân còn thấp.

Từ việc chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế, điểm nghẽn trong phát triển, Đại hội xác định nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới, việc đồng thời hóa giải các nguyên nhân, tháo gỡ các điểm nghẽn là yêu cầu cấp bách đặt ra cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; trong đó, những nguyên nhân chủ quan cần được đặc biệt quan tâm xử lý hiệu quả, nhất là tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế phát triển, cơ chế, chính sách, pháp luật, xác định thể chế là “điểm nghẽn của điểm nghẽn” nhưng cũng là “đột phá của đột phá”.

Trong thời gian gần đây, để tháo gỡ các nguyên nhân, điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước, nhất là các

nguyên nhân chủ quan, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII đã có nhiều quyết sách, lãnh đạo, chỉ đạo và đem lại những kết quả bước đầu rất quan trọng. Đây là tiền đề thuận lợi tạo đà cho việc hóa giải các thách thức, nguyên nhân điểm nghẽn này, nhất là nguyên nhân chủ quan. Tuy nhiên, việc tháo gỡ các nguyên nhân đã được xác định nêu trên gây cản trở sự phát triển của đất nước đòi hỏi sự chung sức, đồng lòng, quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, từ nhận thức, tư duy, hành động thực tiễn với những giải pháp hết sức căn cơ, bài bản và cụ thể, quyết liệt; cơ chế, chính sách, pháp luật và điều kiện bảo đảm phù hợp trong quá trình triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các nghị quyết chuyên đề về từng lĩnh vực đang được tổ chức thực hiện.

Câu hỏi 22: Đại hội XIV đánh giá về những thành tựu lý luận và thực tiễn của 40 năm đổi mới đất nước như thế nào? Các thành tựu này có ý nghĩa gì đối với bước phát triển tiếp theo của đất nước trong kỷ nguyên mới?

Trả lời:

1. Văn kiện Đại hội XIV đã đánh giá toàn diện thành tựu 40 năm đổi mới trên hai phương diện: lý luận và thực tiễn

Sau 40 năm đổi mới, lý luận về đường lối đổi mới từng bước hoàn thiện, là thành tựu quan trọng nhất về

nhận thức lý luận, một bộ phận trong nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Thành tựu về nhận thức lý luận

Sự phát triển nhận thức lý luận sau 40 năm đổi mới đã hình thành một *hệ thống lý luận về đường lối đổi mới*, vừa mang tính khoa học, cách mạng, vừa có giá trị thực tiễn sâu sắc. Lý luận về đường lối đổi mới chính là sự vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới; là sự bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phù hợp với các quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn đất nước và xu thế thời đại; kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa, giá trị văn hóa và các thành tựu phát triển của nhân loại. Lý luận về đường lối đổi mới trở thành một bộ phận trong nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Thành tựu thực tiễn về phát triển đất nước

Trên cơ sở những thành tựu lý luận đó, thực tiễn 40 năm đổi mới đã mang lại những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, làm thay đổi sâu sắc diện mạo đất nước và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong lĩnh vực kinh tế, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành và hoàn thiện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức khá cao trong thời gian dài; quy mô và tiềm lực kinh tế không

ngừng mở rộng; thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng nước nghèo, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; các thành phần kinh tế phát triển năng động; hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng với việc tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội ngày càng hoàn thiện; tỷ lệ nghèo giảm mạnh; các chỉ số phát triển con người được cải thiện. Giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo được chú trọng; chất lượng nguồn nhân lực từng bước nâng cao; bản sắc văn hóa dân tộc được gìn giữ và phát huy.

Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh và đối ngoại, Việt Nam giữ vững độc lập, chủ quyền, ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường hòa bình cho phát triển. Công tác đối ngoại được nâng tầm, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước không ngừng được củng cố; Việt Nam trở thành đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Đặc biệt, *công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị* đạt nhiều kết quả quan trọng. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng cao; bộ máy nhà nước từng bước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; dân chủ xã hội chủ nghĩa được mở rộng; niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được củng cố.



Nhìn chung, thành tựu lý luận và thực tiễn sau 40 năm đổi mới đã khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tạo nền tảng vững chắc để đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới với khát vọng hùng cường, phồn vinh và hạnh phúc.

2. Ý nghĩa của các thành tựu về lý luận và thực tiễn của 40 năm đổi mới đối với bước phát triển tiếp theo của đất nước

Trước hết, các thành tựu lý luận đạt được đã hình thành một nền tảng tư tưởng - lý luận tương đối hoàn chỉnh về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Việc làm rõ mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ xã hội chủ nghĩa và vai trò lãnh đạo của Đảng giúp đất nước có kim chỉ nam vững chắc để tiếp tục đổi mới trong bối cảnh thế giới biến động nhanh, phức tạp và khó dự báo. Đây là cơ sở để Việt Nam vừa kiên định mục tiêu chiến lược, vừa chủ động, linh hoạt trong hoạch định và thực thi chính sách phát triển trong giai đoạn mới.

Thứ hai, những thành tựu thực tiễn sau 40 năm đổi mới đã tạo dựng thế và lực mới cho đất nước. Quy mô và tiềm lực kinh tế được nâng cao, đời sống nhân dân được cải thiện, ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, quốc phòng - an ninh được củng cố, vị thế và uy tín quốc tế không ngừng được nâng lên. Những kết quả đó giúp Việt Nam bước vào



kỷ nguyên mới không phải từ điểm khởi đầu thấp, mà với nền tảng phát triển vững chắc hơn, khả năng chống chịu và thích ứng tốt hơn trước các cú sốc bên ngoài.

Thứ ba, các thành tựu 40 năm đổi mới đã khơi dậy niềm tin, khát vọng và động lực phát triển mới. Thực tiễn thành công của đổi mới củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đã lựa chọn, đồng thời tạo cơ sở để phát huy mạnh mẽ hơn nguồn lực con người, sức sáng tạo xã hội và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây chính là điều kiện quyết định để Việt Nam hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, xây dựng đất nước hùng cường, phồn vinh và hạnh phúc trong kỷ nguyên mới.

Câu hỏi 23: Những bài học mang tầm lý luận được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV là gì? Những bài học đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của Việt Nam trong kỷ nguyên mới?

Trả lời:

Các bài học kinh nghiệm mang tầm lý luận được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV là sự kết tinh trí tuệ lý luận và tổng kết sâu sắc thực tiễn 40 năm đổi mới; đồng thời là cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định hệ quan điểm chỉ đạo trong đường lối phát triển của Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Các bài học phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể

của 40 năm đổi mới, khẳng định sự kiên định mục tiêu, bản lĩnh trong những bối cảnh khó khăn, phức tạp và sự sáng tạo không ngừng về phương pháp lãnh đạo của Đảng, thể hiện cụ thể trên các phương diện chủ yếu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là:

Thứ nhất, sự kiên định mục tiêu chiến lược độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đồng thời vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn và thời đại;

Thứ hai, vai trò quyết định của Đảng Cộng sản trong lãnh đạo, cầm quyền, tầm quan trọng đặc biệt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện;

Thứ ba, quan điểm phát triển lấy nhân dân làm trung tâm, “dân là gốc”, dân chủ là mục tiêu và động lực của đổi mới;

Thứ tư, vai trò quan trọng của phương pháp lãnh đạo, quản lý, quản trị phát triển hiện đại, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm;

Thứ năm, bài học về phương pháp tư duy trong hoạch định đường lối, chủ trương xây dựng, phát triển đất nước. Những bài học này không chỉ trả lời câu hỏi vì sao Việt Nam đã thành công, mà quan trọng hơn, chỉ ra vấn đề mà chúng ta cần quan tâm khắc phục, cách thức mà chúng ta cần tiếp tục phát triển trong bối cảnh mới.

2. Ý nghĩa của các bài học đối với sự phát triển của Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Thứ nhất, bài học về kiên định mục tiêu, con đường và nền tảng tư tưởng của Đảng mang ý nghĩa lý luận cốt lõi.

Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục khẳng định yêu cầu kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới và các nguyên tắc xây dựng Đảng. Về mặt lý luận, đây là bài học có ý nghĩa định hướng căn bản, bảo đảm cho quá trình phát triển không chệch hướng trong bối cảnh tình hình thế giới có biến động phức tạp, khó lường. Trước yêu cầu phát triển nhanh hơn, chất lượng cao hơn, bài học này giúp giữ vững bản sắc, định hướng phát triển, đồng thời tạo cơ sở để đổi mới sáng tạo một cách chủ động, tự tin.

Thứ hai, bài học về giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng có ý nghĩa lý luận - thực tiễn đặc biệt quan trọng.

Văn kiện nhấn mạnh, Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Về mặt lý luận, bài học này làm rõ quy luật gắn bó hữu cơ giữa vai trò lãnh

đạo của Đảng với hiệu quả phát triển quốc gia trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong kỷ nguyên mới, khi yêu cầu về quản trị quốc gia hiện đại, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực ngày càng cao, bài học này có ý nghĩa trực tiếp đối với việc nâng cao năng lực cầm quyền, củng cố niềm tin xã hội và tạo nền tảng chính trị vững chắc cho phát triển bền vững.

Thứ ba, bài học về quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc” mang tầm lý luận nhân văn và phát triển.

Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục khẳng định nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới; mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ lợi ích chính đáng và hạnh phúc của nhân dân. Ý nghĩa lý luận của bài học này nằm ở việc khẳng định vai trò chủ thể của nhân dân trong mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Khi phát triển không chỉ được đo bằng tốc độ tăng trưởng mà còn bằng chất lượng sống, sự hài lòng và hạnh phúc của người dân, bài học “dân là gốc” trở thành tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả lãnh đạo, quản lý và phát triển, đồng thời là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất để tạo đột phá.

Thứ tư, bài học về chủ động đổi mới toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm mang ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc.

Văn kiện nhấn mạnh yêu cầu đổi mới tư duy, nhất là tư duy chiến lược; bám sát thực tiễn, dự báo đúng tình hình;

nâng cao chất lượng thể chế và hiệu quả tổ chức thực hiện. Về mặt lý luận, đây là bài học về phương thức phát triển, phản ánh nhận thức ngày càng sâu sắc của Đảng về tính hệ thống, tính liên thông giữa các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh. Trong kỷ nguyên chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập sâu rộng, bài học này giúp Việt Nam tránh tư duy manh mún, cục bộ; đồng thời tạo cơ sở để xác định đúng các khâu đột phá chiến lược nhằm thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững.

Thứ năm, bài học về tôn trọng quy luật khách quan, phòng, chống chủ quan duy ý chí, giáo điều, bảo thủ mang ý nghĩa lý luận cảnh tỉnh lâu dài.

Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiên định và đổi mới, giữa kế thừa và phát triển, giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận và tổ chức thực hiện. Trong thực tiễn phát triển, khi áp lực phát triển lớn dễ dẫn đến nóng vội, duy ý chí hoặc cực đoan hóa mục tiêu tăng trưởng, bài học này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm phát triển hài hòa, bền vững giữa kinh tế, xã hội và môi trường.

Tóm lại, các bài học kinh nghiệm mang tầm lý luận được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV vừa là sự khái quát quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, vừa là kim chỉ nam cho hành động trong giai đoạn phát triển mới. Việc quán triệt và vận dụng sáng tạo những bài học này sẽ quyết định khả năng hiện thực hóa khát vọng phát triển

đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, đưa Việt Nam vững vàng bước vào kỷ nguyên mới sánh vai với các cường quốc năm châu.

Câu hỏi 24: Nội dung cốt lõi của lý luận về đường lối đổi mới là gì? Lý luận về đường lối đổi mới có vai trò, ý nghĩa gì đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn tới?

Trả lời:

1. Nội dung cốt lõi của lý luận về đường lối đổi mới là:

Sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới. Lý luận về đường lối đổi mới là tổng thể các quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nhân dân là trung tâm, là chủ thể; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; xác lập mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với 3 trụ cột nền tảng: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.



(1) *Lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.* Mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân Việt Nam xây dựng là một xã hội được định hình bằng 8 đặc trưng cơ bản thể hiện mục tiêu tổng quát, bản chất và tính ưu việt của chế độ: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là đặc trưng tổng quát nhất, thể hiện mục tiêu phấn đấu; do nhân dân làm chủ: Thể hiện bản chất chính trị, mọi quyền lực thuộc về nhân dân; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp (kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa); có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một quá trình lâu dài, khó khăn và phức tạp, phải trải qua nhiều giai đoạn với 8 phương hướng cơ bản: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (thực hiện chế độ sở hữu đa dạng, lấy kinh tế



nhà nước giữ vai trò chủ đạo); xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

(2) *Lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta.* Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mục tiêu kinh tế gắn kết mục tiêu xã hội, không để thị trường vận hành một cách tự phát, mà đặt nó dưới sự định hướng và quản lý của Nhà nước để phục vụ mục tiêu xã hội chủ nghĩa (công bằng, tiến bộ xã hội, phát triển con người).

(3) *Lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.* Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm tính tối cao của pháp luật và tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay tập trung vào các nội dung: Hoàn thiện hệ thống pháp luật; cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn bộ máy, đẩy mạnh chuyển đổi số; cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, bảo đảm độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử; kiểm soát quyền lực, thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ, hiệu quả; tăng cường vai trò giám sát của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(4) *Lý luận về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại đoàn kết toàn dân tộc.* Lý luận về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và đại đoàn kết toàn dân tộc là hai trụ cột chính trị - xã hội quan trọng của hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó chặt chẽ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ mà trong đó mọi quyền lực thuộc về nhân dân, được thể hiện thông qua Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là cội nguồn sức mạnh và là nhân tố

quyết định sự thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại đoàn kết toàn dân tộc là sự tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo, các thành phần kinh tế, và người Việt Nam ở nước ngoài, trên cơ sở liên minh công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mục tiêu đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, tạo đồng thuận xã hội để thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

(5) *Lý luận về phát triển văn hóa, con người là nền tảng, giáo dục là quốc sách hàng đầu, phát triển khoa học, công nghệ là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại.* Đảng xác định văn hóa không chỉ là mục tiêu mà còn là nền tảng phát triển của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng, và con người là chủ thể, trung tâm của chiến lược phát triển; giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Khoa học và công nghệ là một động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

(6) *Lý luận về quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.* Quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ hàng đầu và sống còn để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Không có quốc phòng, an ninh



vững mạnh thì mọi thành tựu kinh tế, văn hóa đều không thể bền vững. Công tác quốc phòng, an ninh phải được tiến hành liên tục, không ngừng nghỉ trong mọi hoàn cảnh, kể cả trong thời bình, để chủ động phòng ngừa, đối phó kịp thời.

Đường lối đối ngoại của Việt Nam là độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, với mục tiêu cao nhất là phục vụ lợi ích quốc gia - dân tộc. Các trụ cột chiến lược của đối ngoại là: Đa phương hóa, đa dạng hóa, thiết lập quan hệ với nhiều đối tác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và cùng có lợi. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện trên cơ sở phát huy nội lực.

(7) Lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị là nhiệm vụ then chốt và có vai trò quyết định đến sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn là quy luật phát triển của Đảng.

2. Lý luận về đường lối đổi mới có ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn tới.
Cụ thể:

Một là, định hướng vững chắc mục tiêu phát triển đất nước:
Lý luận về đường lối đổi mới khẳng định rõ hơn mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn

liên với chủ nghĩa xã hội. Đây là nền tảng để xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa phát huy nội lực, vừa tranh thủ ngoại lực. Nó giúp Việt Nam có cơ sở khoa học để thích ứng với xu thế toàn cầu hóa, tận dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từ đó định hình con đường phát triển bền vững, hiện đại và lâu dài.

Hai là, củng cố ngày càng vững chắc hệ thống chính trị và nền tảng xã hội: Lý luận đổi mới khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, đồng thời định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ và bảo đảm công bằng xã hội. Đây là cơ sở để hệ thống chính trị vận hành hiệu quả, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng. Nhờ đó, xã hội ổn định, đoàn kết, tạo sức mạnh tổng hợp để vượt qua khó khăn, thách thức trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Ba là, bảo đảm đất nước phát triển ổn định và hội nhập quốc tế sâu rộng: Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, lý luận đổi mới giúp cách mạng Việt Nam giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ chủ quyền quốc gia và định hướng mở rộng hợp tác quốc tế. Nó khẳng định sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường thế giới. Đồng thời, lý luận đổi mới bảo đảm cho quá trình hội nhập sâu rộng nhưng vẫn giữ vững bản sắc dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Câu hỏi 25: Văn kiện Đại hội XIV dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước những năm tới như thế nào? Vì sao Việt Nam đang đứng trước “bước ngoặt mới, vận hội mới” mang tính lịch sử?

Trả lời:

1. Văn kiện Đại hội XIV dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước những năm tới

Một trong những điểm nổi bật của Văn kiện Đại hội XIV là cách tiếp cận bối cảnh phát triển với tầm nhìn dài hạn và tư duy hệ thống. Văn kiện không nhìn thế giới bằng những biến động đơn lẻ, mà đặt Việt Nam trong một thời kỳ chuyển đổi sâu sắc của thời đại, nơi các yếu tố chính trị, kinh tế, khoa học - công nghệ và an ninh đan xen, tác động đa chiều, nhanh, mạnh và khó dự báo hơn bất cứ giai đoạn nào trước đây.

Thứ nhất, về tình hình thế giới: Văn kiện nhận định: thế giới tiếp tục biến đổi nhanh chóng, phức tạp và khó lường.

Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xu hướng đối đầu, kiềm chế lẫn nhau gia tăng, làm cho môi trường hòa bình, ổn định bị thách thức. Xung đột cục bộ, tranh chấp chủ quyền, an ninh phi truyền thống, chiến tranh mạng, chiến tranh thông tin... diễn ra dưới nhiều hình thức mới. Chủ nghĩa bảo hộ, dân túy, phân mảnh kinh tế toàn cầu có xu hướng gia tăng, làm suy giảm động lực hợp tác quốc tế.

Kinh tế thế giới phục hồi chậm và thiếu bền vững; đứt gãy chuỗi cung ứng, rủi ro tài chính - năng lượng - lương thực còn tiềm ẩn. Cục diện kinh tế toàn cầu đang bước vào quá trình tái cấu trúc sâu sắc, dịch chuyển trung tâm tăng trưởng, dịch chuyển đầu tư và chuỗi giá trị.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ số, công nghệ xanh, đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, quản trị và đời sống xã hội. Khoa học - công nghệ trở thành yếu tố quyết định sức mạnh và vị thế quốc gia.

Thứ hai, về tình hình khu vực: Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực phát triển năng động nhất thế giới, song cũng là địa bàn cạnh tranh chiến lược quyết liệt giữa các nước lớn. Các vấn đề an ninh biển, an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, đặc biệt là tình hình Biển Đông, còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Tuy nhiên, khu vực này đồng

thời là trung tâm thu hút đầu tư, công nghệ và các chuỗi cung ứng mới. ASEAN giữ vai trò quan trọng trong cấu trúc hợp tác khu vực.

Như vậy, khu vực vừa là không gian hợp tác - phát triển, vừa là không gian cạnh tranh - thách thức, đòi hỏi mỗi quốc gia phải có bản lĩnh chiến lược và năng lực thích ứng cao.

Có thể nói, tình hình thế giới hiện nay vừa chứa đựng nguy cơ bất ổn lớn hơn, vừa mở ra cơ hội phát triển lớn hơn cho những quốc gia biết thích ứng, nhanh chóng tận dụng thời cơ.

Thứ ba, về tình hình trong nước: Trên nền tảng 40 năm đổi mới, đất nước ta đã tích lũy được thế và lực mới: quy mô kinh tế tăng nhanh, đời sống nhân dân cải thiện rõ rệt, ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, quốc phòng - an ninh được tăng cường, vị thế quốc tế không ngừng nâng cao. Niềm tin xã hội và khát vọng phát triển đất nước ngày càng mạnh mẽ.

Tuy nhiên, những khó khăn, thách thức vẫn rất lớn: nguy cơ tụt hậu về khoa học - công nghệ, năng suất lao động còn thấp, chất lượng tăng trưởng chưa cao, già hóa dân số, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; những biểu hiện suy thoái, tham nhũng, lãng phí còn tồn tại.

Vì vậy, đất nước ta bước vào giai đoạn mới trong bối cảnh cơ hội và thách thức đan xen, thuận lợi và khó khăn cùng hiện hữu.

2. Việt Nam đang đứng trước “bước ngoặt mới, vận hội mới” mang tính lịch sử vì:

Văn kiện Đại hội XIV khẳng định: Việt Nam đang đứng trước “bước ngoặt mới, vận hội mới” mang tính lịch sử. Nhận định này dựa trên những cơ sở thực tiễn và lý luận sâu sắc.

Thứ nhất, thành tựu 40 năm đổi mới đã tạo nền tảng thế và lực mới cho đất nước. Chưa bao giờ trong lịch sử hiện đại, Việt Nam có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như hiện nay. Nền kinh tế có quy mô lớn hơn nhiều lần so với trước đổi mới; hội nhập sâu rộng với mạng lưới các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; quan hệ đối ngoại được mở rộng, đan xen lợi ích với nhiều đối tác quan trọng.

Những thành tựu đó tạo tiền đề vật chất, chính trị và tinh thần để đất nước bước vào một giai đoạn phát triển cao hơn.

Thứ hai, quá trình tái cấu trúc kinh tế toàn cầu mở ra cơ hội phát triển hiếm có. Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng, dòng vốn và công nghệ đang tạo “khoảng trống chiến lược” cho các nền kinh tế có môi trường chính trị ổn định, nhân lực dồi dào và hội nhập sâu rộng. Việt Nam hội đủ nhiều điều kiện để trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư quốc tế.

Nếu tận dụng tốt thời cơ này, Việt Nam có thể rút ngắn khoảng cách phát triển, tạo bước nhảy vọt về công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ ba, cách mạng khoa học và công nghệ cho phép “đi tắt, đón đầu”. Kinh tế số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mở ra con đường phát triển mới, trong đó tri thức và công nghệ có thể bù đắp hạn chế về vốn và tài nguyên. Đây là cơ hội để Việt Nam, một quốc gia có dân số trẻ, năng động, ham học hỏi, bứt phá nhanh hơn.

Lần đầu tiên trong lịch sử phát triển của nước ta, cơ hội “đi sau nhưng đột phá vượt lên”, thực hiện khát vọng dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc trở nên hiện thực hơn bao giờ hết.

Thứ tư, khát vọng phát triển đất nước được sự đồng thuận xã hội ngày càng mạnh mẽ. Khát vọng xây dựng một Việt Nam “hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc” đã trở thành ý chí chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Sự đồng thuận xã hội, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển của đất nước là nguồn lực tinh thần vô giá, tạo nên sức mạnh nội sinh to lớn.

Trong lịch sử dân tộc, mỗi khi ý chí dân tộc được khơi dậy mạnh mẽ, đất nước đều bước vào những thời kỳ phát triển đột phá.

Thứ năm, Đảng chủ động đổi mới tư duy và phương thức lãnh đạo. Đại hội XIV thể hiện rõ tinh thần đổi mới tư duy phát triển: hoàn thiện thể chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện đại, xây dựng mô hình phát triển mới dựa trên nền tảng là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện, toàn trình, gắn kết chặt

chẽ giữa chiến lược và hành động, ổn định để phát triển và phát triển để ổn định và không ngừng cải thiện đời sống nhân dân. Đây chính là điều kiện quyết định để biến thời cơ thành hiện thực.

Tóm lại, tổng hòa các yếu tố trên cho thấy: thế giới đang chuyển động mạnh mẽ, khu vực đang tái cấu trúc sâu sắc, trong khi đất nước ta đã tích lũy đủ thế và lực, đồng thời xuất hiện những động lực phát triển mới về công nghệ, thể chế và khát vọng dân tộc. Chính sự hội tụ đồng thời của các điều kiện khách quan và chủ quan đó đã làm nên tính chất đặc biệt của giai đoạn hiện nay, một bước ngoặt phát triển có ý nghĩa lịch sử.

Câu hỏi 26: Nội dung mới trong quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIV có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của nước ta trong kỷ nguyên mới?

Trả lời:

Những nội dung mới của quan điểm chỉ đạo và ý nghĩa đối với sự phát triển của nước ta trong kỷ nguyên mới:

Thứ nhất, quan điểm nhất quán có tính nguyên tắc. Đây là quan điểm có tính nguyên tắc, bất di bất dịch, thể hiện bản lĩnh vững vàng của Đảng. Quan điểm này bổ sung “lý luận về đường lối đổi mới” là một bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng. Việc bổ sung “lý luận về đường lối đổi mới” vào nền tảng tư tưởng của Đảng là một bước phát triển có ý nghĩa lịch sử, thể hiện sự trưởng thành về tư duy lý luận,

năng lực tổng kết thực tiễn và bản lĩnh tự đổi mới của Đảng. Lần đầu tiên nêu rõ quan điểm tự chủ chiến lược. Nếu độc lập, tự chủ trước đây chủ yếu nhấn mạnh vào việc không phụ thuộc, không bị chi phối từ bên ngoài, thì tự chủ chiến lược đặt trọng tâm vào năng lực lựa chọn con đường phát triển, đối tác, nhịp độ và không gian phát triển phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc trong bối cảnh thế giới biến động khôn lường và phân mảnh, cạnh tranh chiến lược gay gắt. Tự chủ chiến lược được thể hiện đồng thời trên nhiều phương diện về kinh tế, khoa học - công nghệ, thể chế, quốc phòng - an ninh và đối ngoại... Đổi mới mô hình phát triển, không còn tiếp cận đơn tuyến theo kinh tế thuần túy, mà được thiết kế đa trụ cột, đa động lực, gắn chặt tăng trưởng kinh tế với các lĩnh vực khác như phát triển văn hóa, con người, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... Quan điểm “lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước, nâng cao đời sống và hạnh phúc của nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”, điểm mới là Văn kiện Đại hội XIV xác định phát triển chính là điều kiện căn bản, lâu dài và bền vững nhất để bảo đảm ổn định, đặc biệt trong bối cảnh, tình hình kinh tế - xã hội biến động nhanh, khó lường, yêu cầu đổi mới mạnh mẽ, phải giải quyết bài toán về cân bằng lợi ích,... Ngược lại, ổn định, đặc biệt là ổn định về chính trị - xã hội lại là tiền đề để triển khai các đổi mới sâu rộng, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững hơn. Như vậy, ổn định và phát triển không phải là hai mục tiêu tách rời hay đối lập, mà tương tác,



bổ trợ và chuyển hóa lẫn nhau trong một chỉnh thể chiến lược thống nhất.

Thứ hai, về chiến lược tổng thể phát triển đất nước nhanh, bền vững: Bổ sung “bảo vệ môi trường” cùng với phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ “trung tâm”. Việc bổ sung “bảo vệ môi trường” cùng với phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm trong Văn kiện Đại hội XIV đánh dấu một bước phát triển nhận thức sâu sắc và vững chắc về phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột: kinh tế - xã hội và môi trường. Bổ sung “đối ngoại, hội nhập quốc tế” cùng với quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên”. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng lần đầu tiên xác định “đối ngoại, hội nhập quốc tế” đặt ngang hàng với quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên đã mở ra một khung chiến lược toàn diện hơn cho công tác bảo vệ Tổ quốc, đánh dấu sự đổi mới về tầm nhìn chiến lược của Đảng trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh địa chính trị, kinh tế toàn cầu ngày càng gay gắt. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh sâu sắc hơn mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; khẳng định phát triển kinh tế không thể tách rời phát triển văn hóa, con người. Đảng ta đã nhấn mạnh rõ hơn quan điểm phát huy sức mạnh văn hóa, con người là nguồn lực nội sinh và động lực mạnh mẽ cho sự phát triển. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển, con người là trung tâm, chủ thể và nguồn lực quan trọng nhất của sự nghiệp đổi mới.

Thứ ba, về động lực, nguồn lực phát triển: Cùng với khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc - nguồn năng lượng nội sinh to lớn và động lực trung tâm của quốc gia - dân tộc trên con đường đi tới tương lai. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, kiên quyết tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, mọi nguồn lực, phát huy mọi động lực, trong đó “thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là rất quan trọng”, là sự kế thừa, phát triển tư duy về đổi mới thể chế đã được đề cập qua một số nhiệm kỳ đại hội gần đây. Điểm mới ở đây là xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước thể hiện ở ba khía cạnh: Tính tổng thể, tính ưu tiên phân tầng và tính minh bạch, pháp quyền, quản trị hiệu quả để tạo nền tảng cho việc xây dựng hệ sinh thái thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, đổi mới tư duy, nhận thức từ tăng trưởng về số lượng sang phát triển chất lượng, khẳng định vai trò động lực chính của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Việc đặt kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế là tiếp cận có tầm chiến lược trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh toàn cầu ngày càng khốc liệt. Việc gắn hoàn thiện thể chế



với bốn chuyển đổi lớn phản ánh nhận thức sâu sắc chuyển đổi không thể thành công nếu thể chế không theo kịp; ngược lại, thể chế chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được triển khai thông qua các quá trình chuyển đổi cụ thể của nền kinh tế - xã hội. Điểm mới quan trọng trong Văn kiện Đại hội XIV là yêu cầu thực hiện đồng bộ bốn chuyển đổi, tránh cách tiếp cận manh mún, rời rạc, thiếu liên kết. Chuyển đổi số là công cụ và nền tảng; chuyển đổi xanh và chuyển đổi năng lượng là định hướng phát triển bền vững; chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố bảo đảm tính bền vững, lâu dài và hiệu quả của các chuyển đổi khác.

Câu hỏi 27: Mục tiêu tổng quát của Đại hội XIV phản ánh khát vọng phát triển đất nước trong giai đoạn mới như thế nào?

Trả lời:

Mục tiêu tổng quát của Đại hội XIV có ý nghĩa đặc biệt: Đó không đơn thuần là hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội, mà là sự kết tinh tập trung nhất của tầm nhìn chiến lược và khát vọng phát triển dân tộc trong giai đoạn mới, vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; được hình thành trên nền tảng những thành tựu to lớn, bài học sâu sắc của 40 năm đổi mới và trong bối cảnh thế giới đang biến đổi mang tính thời đại, sâu sắc, nhanh chóng và khó lường.



Thứ nhất, mục tiêu tổng quát thể hiện *bước phát triển mới về tư duy phát triển*. Nếu ở những giai đoạn trước, trọng tâm là “thoát khỏi khủng hoảng”, “ổn định kinh tế vĩ mô”, “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, thì tại Đại hội XIV, yêu cầu phát triển được đặt ở tầm cao hơn: phát triển nhanh đi đôi với phát triển bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng, dựa chủ yếu vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Điều đó cho thấy sự chuyển dịch căn bản từ mô hình tăng trưởng dựa vào tài nguyên, lao động giá rẻ sang mô hình tăng trưởng dựa vào tri thức, công nghệ và thể chế hiện đại. Đây không chỉ là sự điều chỉnh kỹ thuật, mà là *sự thay đổi về chất trong tư duy phát triển*, thể hiện quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi “bẫy thu nhập trung bình”, vươn lên ngang tầm các quốc gia phát triển trong khu vực và trên thế giới, sánh vai với các cường quốc năm châu...

Thứ hai, mục tiêu tổng quát phản ánh sâu sắc *khát vọng giàu mạnh về kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội*. Phát triển không còn được đo đếm thuần túy bằng các con số tăng trưởng, mà được đánh giá bằng chất lượng sống của nhân dân, bằng cơ hội học tập, chăm sóc sức khỏe, việc làm bền vững, môi trường an toàn và đời sống văn hóa phong phú. Việc nhấn mạnh phát triển con người toàn diện, bảo đảm an sinh xã hội, củng cố niềm tin và hạnh phúc của nhân dân khẳng định rõ bản chất nhân văn của con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Ở đó, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển; mọi thành quả đổi mới cuối cùng đều quy tụ về việc nâng cao

đời sống vật chất, tinh thần và mang lại nhiều hơn hạnh phúc cho nhân dân. Chính nội hàm ấy làm nên chiều sâu giá trị của khát vọng phát triển: *khát vọng về một xã hội dân chủ hơn, văn minh hơn, công bằng hơn, nơi mỗi người dân đều được thụ hưởng thành quả của tiến bộ.*

Thứ ba, mục tiêu tổng quát còn thể hiện *khát vọng vươn lên về vị thế và uy tín quốc gia trong trật tự thế giới mới.* Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cạnh tranh chiến lược và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Việt Nam không chỉ đặt yêu cầu hội nhập, mà chủ động tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần định hình luật chơi, nâng cao vai trò và tiếng nói trên các diễn đàn khu vực và quốc tế. Sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đã khẳng định bản lĩnh và tầm nhìn chiến lược của một quốc gia đang bước vào kỷ nguyên mới. Đó là khát vọng của một dân tộc từng chịu nhiều đau thương, mất mát, nay tự tin, tự cường khẳng định mình bằng trí tuệ, bản lĩnh và trách nhiệm đối với cộng đồng quốc tế.

Thứ tư, mục tiêu tổng quát của Đại hội XIV được đặt trong *tầm nhìn dài hạn gắn với các mốc phát triển chiến lược 2030 - 100 năm thành lập Đảng và 2045 - 100 năm thành lập nước* thay vì chỉ giới hạn trong khuôn khổ một nhiệm kỳ 5 năm. Cách tiếp cận này thể hiện bước trưởng thành quan trọng của tư duy lãnh đạo và quản trị quốc gia: từ tư duy ngắn hạn sang tư duy chiến lược, từ xử lý tình thế sang

kiến tạo tương lai. Khi các mục tiêu phát triển được hoạch định trong quỹ đạo nhiều thập niên, khát vọng dân tộc được nâng lên thành ý chí lịch sử bền bỉ, có lộ trình, có cơ sở và có quyết tâm chính trị cao. Đây chính là biểu hiện sinh động của tầm nhìn chiến lược và năng lực cầm quyền của Đảng trong giai đoạn mới.

Tóm lại, có thể khẳng định: Mục tiêu tổng quát của Đại hội XIV là sự hội tụ của tầm nhìn chiến lược, bản lĩnh chính trị và khát vọng phát triển mãnh liệt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Đó là khát vọng xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; một quốc gia phát triển nhanh và bền vững, dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; một xã hội hạnh phúc, nơi con người được tôn trọng và phát triển toàn diện; một đất nước có vị thế ngày càng cao trong cộng đồng quốc tế. Một khi khát vọng ấy thấm sâu vào ý chí và hành động của cả dân tộc, mục tiêu phát triển mà Đại hội XIV xác định sẽ thực sự trở thành động lực lịch sử, đưa đất nước vững vàng tiến mạnh vào kỷ nguyên phát triển mới.

Phần thứ tư

**TIẾP TỤC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN ĐỒNG BỘ
THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ
BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC**

Câu hỏi 28: Vì sao Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục xác định xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược?

Trả lời:

Việc Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu *tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước*, coi đó là *nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược*, không phải là sự lặp lại về mặt ngôn từ, mà là một kết luận được rút ra từ cả cơ sở lý luận lẫn thực tiễn cách mạng Việt Nam, phản ánh yêu cầu cấp bách của giai đoạn phát triển mới. Có thể nói, yêu cầu này xuất phát từ bốn căn cứ cơ bản sau đây:

Thứ nhất, về mặt lý luận, thể chế là nền tảng quyết định sự vận hành của toàn bộ quá trình phát triển.

Nếu mục tiêu phát triển là đích đến, nguồn lực là điều kiện, khoa học, công nghệ là động lực, thì thể chế chính là



“luật chơi”, là khuôn khổ tổ chức và điều tiết toàn bộ các yếu tố đó. Không có một thể chế phù hợp, mọi nguồn lực dù dồi dào đến đâu cũng khó phát huy hiệu quả; mọi chủ trương, chính sách dù đúng đắn đến đâu cũng khó đi vào cuộc sống.

Thực tiễn thế giới và trong nước đều chứng minh: quốc gia nào có thể chế tiến bộ, minh bạch, ổn định, quốc gia đó phát triển nhanh và bền vững; ngược lại, thể chế lạc hậu, chống chèo sẽ trở thành lực cản lớn nhất của tăng trưởng. Vì vậy, hoàn thiện thể chế thực chất là hoàn thiện “hạ tầng mềm” của phát triển, là xây dựng nền móng cho toàn bộ công cuộc hiện đại hóa đất nước.

Thứ hai, về mặt thực tiễn, tổng kết 40 năm đổi mới cho thấy mọi bước đột phá của đất nước đều bắt đầu từ đổi mới thể chế.

Từ việc xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thừa nhận kinh tế nhiều thành phần, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đến mở cửa hội nhập quốc tế - mỗi quyết sách mang tính thể chế đều tạo ra những bước chuyển mình mạnh mẽ. Chính đổi mới thể chế đã giải phóng sức sản xuất, khơi dậy tiềm năng to lớn của nhân dân, đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng, vươn lên nhóm nước có thu nhập trung bình và có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế.

Nói cách khác, thành tựu đổi mới trước hết là thành tựu của đổi mới tư duy và đổi mới thể chế. Bài học lịch sử ấy càng khẳng định: muốn phát triển, phải bắt đầu từ cải cách thể chế.

Thứ ba, trong bối cảnh hiện nay, thể chế đang trở thành “điểm nghẽn” lớn nhất của phát triển, đòi hỏi phải được tháo gỡ một cách quyết liệt.

Chúng ta không còn thiếu khát vọng, không thiếu nguồn lực xã hội, không thiếu cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Điều đáng lo hơn cả chính là những rào cản về cơ chế, chính sách pháp luật còn chồng chéo; thủ tục hành chính còn rườm rà; phân cấp, phân quyền còn nhiều hạn chế, chưa rõ, chưa đồng bộ giữa quyền lực với trách nhiệm và nguồn lực; tâm lý sợ trách nhiệm còn tồn tại. Những “nút thắt” đó làm chậm giải ngân đầu tư, kìm hãm sáng tạo, bỏ lỡ thời cơ phát triển.

Nếu không tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế, đất nước khó có thể tăng tốc, càng khó bứt phá. Vì vậy, cải cách thể chế không chỉ là yêu cầu lâu dài, mà còn là đòi hỏi cấp bách của thực tiễn.

Thứ tư, mục tiêu và khát vọng phát triển trong giai đoạn mới đòi hỏi một hệ thống thể chế hiện đại, đi trước mở đường.

Đại hội XIV đặt ra những mục tiêu rất cao đến năm 2030 và 2045. Những mục tiêu ấy chỉ có thể đạt được khi chúng ta xây dựng được một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện đại; một nền quản trị quốc gia hiệu lực, hiệu quả; một môi trường kinh doanh minh bạch, thông thoáng, khuyến khích đổi mới sáng tạo và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

Điều đó có nghĩa là thể chế không thể đi sau, càng không thể trở thành lực cản, mà phải *đi trước một bước để kiến tạo phát triển*, mở đường cho khoa học, công nghệ,

doanh nghiệp và người dân phát huy tối đa mọi tiềm năng, mọi nguồn lực.

Từ những căn cứ đó có thể khẳng định: Việc xác định xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược chính là sự lựa chọn mang tính tất yếu lịch sử. Đây là khâu đột phá để giải phóng mọi nguồn lực, khơi dậy mọi động lực, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và củng cố niềm tin của nhân dân.

Câu hỏi 29: Nội dung mới về thể chế phát triển đất nước được xác định như thế nào trong Văn kiện Đại hội XIV?

Trả lời:

Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục khẳng định xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược; đồng thời, có bước phát triển mới quan trọng trong nhận thức và xác định nội dung thể chế. Điểm nổi bật là cách tiếp cận *toàn diện, hệ thống và đồng bộ*, vượt ra khỏi phạm vi thể chế kinh tế thuần túy, mở rộng thành *thể chế phát triển tổng hợp*, bao trùm các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và quản trị quốc gia. Có thể khái quát những nội dung mới chủ yếu sau đây:

1. Về kinh tế: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng hiện đại, đồng bộ, vận hành đầy đủ

So với trước, điểm mới không chỉ là “hoàn thiện” mà nhấn mạnh yêu cầu *hiện đại hóa và vận hành thông suốt theo*

các quy luật thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Trọng tâm là: bảo đảm đầy đủ quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh hợp pháp của người dân và doanh nghiệp; xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, tháo gỡ rào cản hành chính, khắc phục chồng chéo pháp luật; phát triển đồng bộ các loại thị trường, nhất là thị trường đất đai, vốn, lao động, khoa học - công nghệ, dữ liệu; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển, chuyển mạnh từ can thiệp trực tiếp sang tạo lập môi trường và điều tiết bằng pháp luật.

Như vậy, thể chế kinh tế được định hướng theo yêu cầu thông thoáng hơn, minh bạch hơn, cạnh tranh hơn và hội nhập sâu hơn, nhằm giải phóng tối đa các nguồn lực xã hội.

2. Về văn hóa: Hoàn thiện thể chế phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, coi văn hóa là nền tảng tinh thần và động lực nội sinh

Đại hội XIV thể hiện bước chuyển rõ nét trong tư duy: phát triển không chỉ là tăng trưởng kinh tế mà là phát triển con người và đời sống tinh thần xã hội.

Do đó, yêu cầu đặt ra là: thể chế hóa chủ trương phát triển văn hóa thành hệ thống chính sách, cơ chế cụ thể; xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa; bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc gắn với hội nhập quốc tế; xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và



chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới; tạo môi trường thuận lợi cho sáng tạo, phổ biến và thụ hưởng các giá trị văn hóa.

Điểm mới căn bản là chuyển từ cách tiếp cận “bảo tồn, vận động” sang *quản trị và phát triển văn hóa bằng thể chế*, coi văn hóa là nguồn lực nội sinh của phát triển bền vững.

3. Về xã hội: Hoàn thiện thể chế bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển con người toàn diện

Thể chế xã hội được xác định theo hướng bao trùm, nhân văn và phát triển. Trọng tâm là: xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bền vững, bao phủ mọi nhóm dân cư; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng các dịch vụ công; thu hẹp chênh lệch vùng, miền, hỗ trợ nhóm yếu thế; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng với kinh tế số và thị trường lao động mới.

Điểm mới thể hiện ở việc chuyển mạnh từ tư duy “cứu trợ, hỗ trợ” sang *đầu tư cho phát triển con người*, coi con người là chủ thể, mục tiêu và động lực trung tâm của phát triển.

4. Về môi trường: Xây dựng thể chế phát triển xanh, bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng và bảo vệ thiên nhiên

Đại hội XIV xác định bảo vệ môi trường là điều kiện tiên quyết của phát triển, chứ không phải vấn đề xử lý sau tăng trưởng. Các định hướng chính gồm: lồng ghép yêu cầu môi

trường trong mọi chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo; kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai.

Như vậy, thể chế môi trường được thiết kế theo hướng *phòng ngừa và phát triển bền vững ngay từ đầu*, thay cho mô hình “phát triển trước, xử lý sau”.

5. Về quản trị quốc gia: Hoàn thiện thể chế Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và quản trị hiện đại

Đây là khung thể chế bảo đảm cho toàn bộ các lĩnh vực vận hành hiệu quả. Trọng tâm là: xây dựng Nhà nước pháp quyền tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phân cấp, phân quyền rõ ràng, gắn với kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, quản trị công khai, minh bạch; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

Điểm mới nổi bật là chuyển từ *mô hình quản lý hành chính sang quản trị quốc gia hiện đại, phục vụ người dân và doanh nghiệp*, coi hiệu quả và sự hài lòng của xã hội là thước đo.

Tóm lại, điểm mới căn bản của Văn kiện Đại hội XIV là *mở rộng khái niệm thể chế từ kinh tế sang toàn bộ đời sống phát triển*, xây dựng một hệ thống thể chế đồng bộ giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quản trị quốc gia và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Nói một cách khái quát: *thể chế kinh tế để giải phóng nguồn lực; thể chế văn hóa để bồi đắp sức mạnh tinh thần; thể chế xã hội để bảo đảm công bằng; thể chế môi trường để phát triển bền vững; thể chế quản trị để bảo đảm tất cả vận hành thông suốt.* Chính sự đồng bộ ấy tạo nên hệ thống thể chế phát triển mới - nền tảng chiến lược cho mục tiêu đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển phồn vinh, hùng cường.

Phần thứ năm

NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Câu hỏi 30: Vì sao Văn kiện Đại hội XIV đặt vấn đề xác lập mô hình tăng trưởng mới? Nội dung cốt lõi của mô hình tăng trưởng mới là gì?

Trả lời:

1. Văn kiện Đại hội XIV đặt vấn đề xác lập mô hình tăng trưởng mới xuất phát từ một số căn cứ:

Tăng trưởng kinh tế của nước ta giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân khoảng 6,2%/năm, thuộc nhóm nước tăng trưởng cao của khu vực và thế giới, đặc biệt tăng trưởng kinh tế năm 2025 đạt khoảng 8%, tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên từ năm 2026 và các năm tiếp theo. Quy mô GDP năm 2025 đạt khoảng trên 514 tỉ USD, gấp 1,48 lần so với năm 2020, xếp thứ 32 trên thế giới, GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD. Chất lượng tăng trưởng chuyển biến tích cực, đóng góp của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 47%.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế vẫn dưới mức tiềm năng, chưa đạt mục tiêu đề ra. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và



sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân 5 năm ước đạt 5,3%, thấp hơn mục tiêu đề ra, hệ số sử dụng vốn (ICOR) vẫn còn cao (6,4). Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm. Năng lực, trình độ công nghệ còn yếu, thiếu những ngành công nghiệp nền tảng, công nghệ chiến lược làm nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa trở thành động lực chính cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển đất nước. Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, còn yếu, thiếu và chưa theo kịp yêu cầu. Việc khai thông, huy động và phân bổ nguồn lực phát triển còn hạn chế.

Vì vậy, trong giai đoạn 2026 - 2030, để thích ứng với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quan điểm chỉ đạo là xác lập mô hình tăng trưởng mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia là động lực chính và phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất.

2. Nội dung cốt lõi của mô hình tăng trưởng mới bao gồm một số nội hàm:

Thứ nhất, xác lập mô hình tăng trưởng mới với mục tiêu là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Tập trung tạo lập sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao, trọng tâm là kinh tế dữ liệu, kinh tế số; đẩy mạnh

chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực.

Thứ hai, đổi mới tư duy và đẩy mạnh cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Thứ ba, xây dựng và hoàn thiện thể chế phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế số, nhất là công nghệ tài chính, tài sản số, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, các ngành công nghệ mới.

Thứ tư, đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới; phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo, phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất mới, trọng tâm là phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số, thân thiện với môi trường sinh thái.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng như: Năng lượng, cơ khí chế tạo,

luyện kim, vật liệu mới, hóa chất, công nghệ số và sinh học. Ưu tiên phát triển, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất trong một số ngành công nghiệp mới nổi như: Công nghiệp chip bán dẫn, công nghiệp robot và tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, vật liệu phục vụ công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp sinh học, công nghiệp môi trường, năng lượng tái tạo, năng lượng mới. Xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia về dịch vụ, du lịch mang đậm bản sắc văn hóa, con người Việt Nam.

Câu hỏi 31: Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và huy động nguồn lực cho phát triển được Văn kiện Đại hội XIV xác định như thế nào? Đây là nội dung đổi mới trong tư duy quản lý phát triển nền kinh tế của đất nước?

Trả lời:

1. Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm ổn định kinh tế vĩ mô được Văn kiện Đại hội XIV xác định trên một số bình diện:

Thứ nhất, đổi mới tư duy và đẩy mạnh cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước.

Thứ hai, hoàn thiện chính sách tài chính, tiền tệ. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên; tạo đột phá mạnh về cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công. Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng; đẩy mạnh việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, sở hữu chéo, nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát hoạt động tài chính, ngân hàng.

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng pháp luật và nâng cao chất lượng các dự án luật; tiếp tục hoàn thiện việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp địa phương. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Phát huy vai trò của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ trong xây dựng thể chế phát triển, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, quản lý vĩ mô, cơ chế phân cấp, phân quyền, phân công, phối hợp và kiểm tra, giám sát.

2. Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm huy động nguồn lực cho phát triển gồm:

Thứ nhất, mục tiêu tỷ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 đạt 18% GDP. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ,

tạo đột phá để sớm hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội, khẳng định vai trò quyết định của thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển.

Thứ hai, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tự chủ sản xuất trong nước với việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, xây dựng và hiện đại hóa nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chính, lấy hội nhập quốc tế làm phương thức để huy động mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú trọng hợp tác quốc tế trong việc quản lý và sử dụng nguồn nước bảo đảm lợi ích quốc gia.

Thứ ba, huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cơ chế ưu đãi quốc tế phục vụ chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật bảo vệ chủ quyền quốc gia. Chủ động chuẩn bị nguồn lực quốc gia, nâng cao khả năng huy động đáp ứng yêu cầu trong mọi tình huống quốc phòng, an ninh.

3. Nội dung đổi mới trong tư duy quản lý phát triển nền kinh tế của đất nước gồm:

Thứ nhất, hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển kinh tế - xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững; phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ,



công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quá trình già hóa dân số, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Tăng cường sự tham gia của các chủ thể, sự giám sát của nhân dân; gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội.

Thứ hai, đẩy mạnh xây dựng chính phủ số, xã hội số, đáp ứng yêu cầu kiến tạo phát triển và quản lý phát triển xã hội bền vững. Hoàn thiện cơ chế, chính sách điều phối và quản lý phát triển vùng. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững; giải quyết tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an ninh, an sinh, an toàn, an dân, nhất là các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế, lực lượng lao động trong khu vực phi chính thức, phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Câu hỏi 32: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn mới được hiểu như thế nào? Điểm mới trong đường lối của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong kỷ nguyên mới?

Trả lời:

1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn mới được hiểu là:

Thứ nhất, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tự chủ sản xuất trong nước với việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, xây dựng và hiện đại hóa nền công

nghiệp quốc gia vững mạnh, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chính, lấy hội nhập quốc tế làm phương thức để huy động mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ hai, đẩy nhanh tốc độ nâng cao chất lượng đô thị hóa bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới.

Thứ ba, chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD), phát triển kinh tế không gian tầm thấp, khai thác hiệu quả không gian ngầm, nhất là tàu điện ngầm tại các đô thị lớn. Mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên phát triển nhà ở xã hội.

Thứ tư, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Thứ năm, phát triển mạnh các ngành kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển, phát triển kinh tế biển sâu để khai thác, sử dụng hiệu quả không gian biển. Phát triển đồng bộ các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái, chuỗi đô thị, hành lang giao thông đường bộ ven biển... Xây dựng các trung tâm hậu cần nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm; phát triển nuôi trồng hải sản

trên biển quy mô lớn, công nghệ cao. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trên một số đảo trọng điểm, chiến lược.

2. Những điểm mới trong đường lối của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Một là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa luôn gắn liền với xác lập mô hình tăng trưởng mới; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia là động lực chính và phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất.

Hai là, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước, gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với đô thị hóa. Lấy hội nhập quốc tế làm phương thức để huy động mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba là, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp.

Câu hỏi 33: Văn kiện Đại hội XIV xác định vai trò, vị trí và mối quan hệ giữa các khu vực kinh tế như thế nào? Điểm mới là gì?

Trả lời:

1. Văn kiện Đại hội XIV xác định vai trò, vị trí và mối quan hệ giữa các khu vực kinh tế như sau:

Một là, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm



ổn định vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; góp phần phát huy giá trị văn hóa và tiến bộ công bằng, an sinh xã hội; là nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh.

Hai là, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững.

Ba là, phát triển kinh tế nhà nước hiệu quả, thật sự giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm ổn định vĩ mô, các cân đối lớn, định hướng chiến lược và dẫn dắt nền kinh tế; phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng.

Bốn là, xây dựng một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò trụ cột, tiên phong trong một số lĩnh vực quan trọng như năng lượng, công nghệ thông tin, viễn thông, công nghiệp chế tạo, công nghiệp vật liệu mới, tài chính - ngân hàng, kết cấu hạ tầng...

Có chính sách phù hợp, tạo môi trường thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận bình đẳng và

sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa thị trường, xây dựng và phát triển thương hiệu, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Chú trọng phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam lớn, mạnh, ngang tầm khu vực và thế giới.

Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài; tập trung chủ yếu cho phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, phát thải thấp. Tăng cường thu hút đầu tư gián tiếp, đặc biệt là các quỹ đầu tư. Thúc đẩy kết nối khu vực FDI với khu vực kinh tế trong nước, thực hiện có hiệu quả quá trình chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý và đào tạo nguồn nhân lực; hình thành hệ sinh thái và tăng cường chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong nước.

Hỗ trợ tích cực và tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, hộ nông nghiệp và phi nông nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, công nghệ, thị trường. Phát triển các làng nghề gắn với phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường.

2. Điểm mới so với trước là:

Các khu vực kinh tế đều được phát huy đầy đủ chức năng, vai trò trong nền kinh tế. Phát triển kinh tế nhà nước hiệu quả, thật sự giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm ổn

định vĩ mô, các cân đối lớn, định hướng chiến lược và dẫn dắt nền kinh tế. Phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng. Cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng.

Câu hỏi 34: Đẩy mạnh liên kết vùng, mở rộng và cơ cấu lại không gian phát triển phù hợp với không gian hành chính mới có nội dung và ý nghĩa như thế nào đối với mô hình tăng trưởng quốc gia? Cách tiếp cận mới của Văn kiện Đại hội XIV về đẩy mạnh liên kết vùng là gì?

Trả lời:

1. Đẩy mạnh liên kết vùng, mở rộng và cơ cấu lại không gian phát triển gồm các nội dung:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế, chính sách điều phối và quản lý phát triển vùng. Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Nâng cao hiệu quả liên kết vùng; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền một cách khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với

bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát; bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của địa phương.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện việc vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, khai thác hiệu quả không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, vùng phù hợp với đặc thù từng địa bàn, gắn với yêu cầu phát triển vùng, liên kết vùng. Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, chế độ dinh dưỡng cho người dân, nhất là các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương.

Thứ ba, tăng cường xây dựng và phát triển đồng bộ, chất lượng cao hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát huy vai trò của các vùng động lực quốc gia, cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế, các đô thị lớn, các trung tâm kinh tế.

Thứ tư, có chính sách để duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, trên các vùng, miền, trên biển; xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh.

Thứ năm, phát huy vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương,

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân, giữa các vùng, địa phương. Quan tâm các lĩnh vực giáo dục, y tế ở các địa bàn khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

2. Đẩy mạnh liên kết vùng, mở rộng và cơ cấu lại không gian phát triển có ý nghĩa quan trọng đối với mô hình tăng trưởng quốc gia:

Thứ nhất, tạo điều kiện cho các địa phương được tổ chức như một chỉnh thể kinh tế, mỗi nơi làm đúng thế mạnh của mình, tránh tình trạng cạnh tranh lẫn nhau, trùng lặp hạ tầng, ngành, nghề. Tạo cơ hội hình thành mô hình tăng trưởng dựa trên chuyên môn hóa vùng, chuỗi giá trị liên vùng và đổi mới sáng tạo và logistics thay vì tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn - lao động - đất đai.

Thứ hai, phát huy lợi thế so sánh của từng vùng. Giảm chênh lệch phát triển, tăng tính bao trùm, tạo điều kiện giảm áp lực lên đô thị lõi cũng như lan tỏa tăng trưởng sang vùng khó khăn.

Thứ ba, tăng cường liên kết vùng, tạo nền tảng cho nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong dài hạn thông qua có điều kiện tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Hơn nữa, liên kết vùng tạo cơ sở tăng chủ động, tăng sức chống chịu trước biến động kinh tế - xã hội và biến đổi khí hậu cho vùng, liên vùng, quốc gia.

3. Cách tiếp cận mới của Văn kiện Đại hội XIV về đẩy mạnh liên kết vùng là:

Đổi mới tư duy từ quản lý sang quản trị, kiến tạo phát triển; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện cụ thể của từng địa phương, vùng và cả nước.

Câu hỏi 35: Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và khai thác không gian phát triển mới được đặt ra trên cơ sở nào? Vị trí, vai trò và giải pháp phát triển đô thị được xác định như thế nào trong giai đoạn phát triển mới của đất nước?

Trả lời:

1. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại được đặt ra trên một số cơ sở

Thứ nhất, tăng cường xây dựng và phát triển đồng bộ, chất lượng cao hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức (đường sắt, đường sông, đường biển, đường bộ, đường hàng không), hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; hạ tầng công nghệ phục vụ cho quá trình quản lý, quản trị và kiến tạo phát triển. Tập trung phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thứ ba, xây dựng một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò trụ cột, tiên phong trong một số lĩnh vực quan trọng như năng lượng, công nghệ thông tin, viễn thông, công nghiệp chế tạo, công nghiệp vật liệu mới, tài chính - ngân hàng, kết cấu hạ tầng...

2. Khai thác không gian phát triển mới được đặt ra trên một số cơ sở

Thứ nhất, đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới.

Thứ hai, ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ các công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ hạt nhân, năng lượng nguyên tử, năng lượng mới, công nghệ không gian vũ trụ; giữ vững chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng.

Thứ ba, chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển không gian giao thông công cộng (TOD). Đồng thời, phát triển kinh tế không gian tầm thấp. Khai thác hiệu quả không gian ngầm, nhất là tàu điện ngầm tại các đô thị lớn.

Thứ tư, phát triển mạnh các ngành kinh tế biển, không gian biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển, phát triển kinh tế

biển sâu để khai thác, sử dụng hiệu quả không gian biển. Thực hiện tốt quy hoạch không gian biển quốc gia, hoàn thiện và xây dựng cơ sở dữ liệu, cơ chế quản lý tổng hợp về biển, đảo.

3. Vị trí, vai trò và giải pháp phát triển đô thị được xác định trong giai đoạn phát triển mới của đất nước như sau:

Thứ nhất, đô thị hóa được đặt ngang tầm công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ hai, đô thị hóa được đặt ngang tầm với các vùng động lực quốc gia, cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế và các trung tâm kinh tế.

Thứ ba, việc hình thành các đô thị được đặt ngang việc hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đặc khu kinh tế thế hệ mới ngang tầm khu vực và toàn cầu.

Để đạt mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50% vào năm 2030, một số giải pháp cần được thực hiện:

Một là, đẩy nhanh tốc độ nâng cao chất lượng đô thị hóa bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới. Chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD), phát triển kinh tế không gian tầm thấp, khai thác hiệu quả không gian ngầm, nhất là tàu điện ngầm tại các đô thị lớn.

Hai là, phát triển đồng bộ các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái, chuỗi đô thị, hành lang giao thông

đường bộ ven biển... Tăng cường xây dựng, phát triển đồng bộ và phát huy vai trò của hạ tầng đô thị lớn cũng như phát huy vai trò của các đô thị lớn.

Ba là, thực hiện hiệu quả chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; xử lý ngập, ứng tại các đô thị lớn. Khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở các đô thị lớn, làng nghề, đặc biệt là ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Phấn đấu tỷ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí (AQI) ở mức tốt và trung bình tại các đô thị đặc biệt đạt 75 - 80%.

Bốn là, phát triển đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu hỏi 36: Văn kiện Đại hội XIV xác định, phát triển các loại hình kinh tế mới có vai trò như thế nào trong mô hình tăng trưởng quốc gia cũng như xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia? Những giải pháp trọng tâm nhằm phát triển các loại hình kinh tế mới là gì?

Trả lời:

1. Phát triển các loại hình kinh tế mới có vai trò kiến tạo động lực mới trong mô hình tăng trưởng quốc gia. Cụ thể là:

Thứ nhất, các loại hình kinh tế mới như chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn đóng góp vào phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, làm động lực cho việc xác lập mô hình tăng trưởng

mới với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Thứ hai, các loại hình kinh tế dữ liệu, kinh tế tầm thấp, kinh tế di sản là những loại hình kinh tế dựa trên nền tảng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, kỹ thuật số góp phần kiến tạo những động lực mới cho phát triển kinh tế góp phần vào thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số cũng như mở rộng quy mô nền kinh tế.

2. Phát triển các loại hình kinh tế mới có vai trò tạo lập, khai thác và thúc đẩy xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia. Cụ thể là:

Thứ nhất, phát triển các loại hình kinh tế mới là động lực quan trọng trong xây dựng và phát triển thương hiệu quốc gia, góp phần định vị hình ảnh quốc gia hiện đại, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững; nâng cao giá trị, sức cạnh tranh và bản sắc của sản phẩm, dịch vụ quốc gia; thu hút đầu tư, nhân tài và đối tác quốc tế, đồng thời gia tăng uy tín, sức mạnh mềm và vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Thứ hai, các loại hình kinh tế mới sản xuất các sản phẩm thế hệ mới, tạo lập và đóng góp cho thương hiệu quốc gia. Chẳng hạn, việc xuất khẩu drone sang Hàn Quốc đã là một lời quảng bá thương hiệu giá trị của Việt Nam. Cũng như vậy, việc số hóa các sản phẩm du lịch của các di sản như Hạ Long, Cát Bà, Vịnh Hạ Long góp phần quảng bá di sản dân tộc...

Thứ ba, việc phát triển các loại hình kinh tế mới giúp khai thác và làm gia tăng giá trị của các nguồn lực đầu vào của

quốc gia. Hơn nữa, việc phát triển các loại hình kinh tế mới giúp tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài. Trên tổng thể, phát triển các loại hình kinh tế mới góp phần tăng cường giá trị thương hiệu quốc gia.

3. Những giải pháp trọng tâm của các loại hình kinh tế mới

Về kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn: Để thực hiện mục tiêu đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Một số giải pháp cần quán triệt: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế số, nhất là công nghệ tài chính, tài sản số, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, các ngành công nghệ mới. Phát triển công dân số, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để người dân tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số.

Về kinh tế dữ liệu: Phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn, kinh tế dữ liệu. Xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu quản lý, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Hoàn thiện và xây dựng cơ sở dữ liệu, cơ chế quản lý tổng hợp về biển, đảo. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành và liên thông với dữ liệu quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã; tổ chức một cửa liên thông số, kết nối dân cư - đất đai - an sinh - doanh nghiệp..., cập nhật thời gian thực từ cơ sở tới Trung ương; đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ

thông tin, bảo đảm vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia, quản trị địa phương, nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, đáp ứng yêu cầu “kiểm tra, giám sát trên dữ liệu”, nhất là kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ diện cấp ủy quản lý.

Về kinh tế di sản: Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp; công nghiệp phục vụ quốc phòng, an ninh; công nghiệp xây dựng hiện đại; công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản. Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản.

Về kinh tế không gian tầm thấp: Phát triển kinh tế không gian tầm thấp, khai thác hiệu quả không gian ngầm, nhất là tàu điện ngầm tại các đô thị lớn.

Phần thứ sáu

**NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI, CON NGƯỜI**

Câu hỏi 37: Vì sao Đại hội XIV nhấn mạnh vai trò của văn hóa là một trụ cột của phát triển bền vững?

Trả lời:

Đại hội XIV nhấn mạnh văn hóa là một trụ cột của phát triển bền vững vì:

Trong điều kiện phát triển mới, văn hóa không chỉ là lĩnh vực tinh thần mà còn là nguồn lực nội sinh, động lực phát triển và hệ điều tiết của sự phát triển bền vững đất nước.

Thực tiễn phát triển của Việt Nam và thế giới cho thấy, tăng trưởng kinh tế thuần túy không bảo đảm tự thân cho sự phát triển lâu dài. Một quốc gia chỉ có thể phát triển bền vững khi quá trình tăng trưởng được nâng đỡ và dẫn dắt bởi các giá trị văn hóa, đạo đức và bản sắc dân tộc. Vì vậy, Đại hội XIV coi văn hóa là một trong những trụ cột quan trọng của chiến lược phát triển.



Vai trò đó thể hiện trên các phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

Văn hóa hình thành hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức, niềm tin và lý tưởng sống, tạo nên bản sắc và sức mạnh tinh thần của dân tộc. Đây là cơ sở để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường đồng thuận xã hội và ổn định chính trị - xã hội. Một xã hội thiếu nền tảng văn hóa vững chắc dễ rơi vào khủng hoảng niềm tin, suy thoái đạo đức, lối sống thực dụng, từ đó làm suy giảm động lực phát triển. Do đó, văn hóa giữ vai trò định hướng tư tưởng, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân cách và tạo môi trường xã hội lành mạnh cho phát triển.

Thứ hai, văn hóa là nguồn lực nội sinh và sức mạnh mềm của quốc gia.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, sức mạnh của một quốc gia không chỉ được đo bằng tiềm lực kinh tế hay quân sự mà còn bằng sức mạnh mềm - tức là giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc và uy tín quốc gia. Một nền văn hóa giàu bản sắc, nhân văn và tiến bộ là điều kiện không thể thiếu để: Khơi dậy lòng yêu nước và khát vọng phát triển; tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; nâng cao hình ảnh, vị thế và khả năng thu hút nguồn lực quốc tế.

Như vậy, văn hóa trở thành một *nguồn lực nội sinh quan trọng*, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và bảo đảm phát triển độc lập, tự chủ trong hội nhập.

Thứ ba, văn hóa là động lực trực tiếp của phát triển.

Văn hóa tác động trực tiếp đến chất lượng con người - yếu tố quyết định của mọi quá trình phát triển. Những phẩm chất như ý thức trách nhiệm, kỷ luật lao động, tinh thần sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa công vụ... đều là sản phẩm của môi trường văn hóa. Bên cạnh đó, trong điều kiện kinh tế tri thức và chuyển đổi số, văn hóa còn trực tiếp tham gia tạo ra của cải thông qua các ngành công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo, du lịch văn hóa và các dịch vụ nội dung số.

Vì vậy, đầu tư cho văn hóa không chỉ nhằm nâng cao đời sống tinh thần mà còn góp phần tạo giá trị kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng.

Thứ tư, văn hóa là hệ điều tiết phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Đây là phương diện có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đặc biệt quan trọng.

Thực tế cho thấy, nếu phát triển kinh tế thiếu sự điều tiết của các chuẩn mực văn hóa, xã hội có thể xuất hiện nhiều hệ lụy như chạy theo lợi ích vật chất thuần túy, gia tăng bất bình đẳng, suy thoái đạo đức, thương mại hóa các giá trị tinh thần, ô nhiễm môi trường và khủng hoảng niềm tin. Những hệ quả này có thể làm xói mòn thành quả phát triển.

Với tư cách là hệ thống giá trị và chuẩn mực xã hội, văn hóa thực hiện chức năng điều tiết thông qua: Định hướng giá trị phát triển đúng đắn; điều chỉnh hành vi cá nhân và tổ chức; củng cố kỷ cương, trách nhiệm xã hội; bảo đảm sự hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường.

Nhờ đó, văn hóa giúp cho phát triển: Không chỉ nhanh mà còn đúng hướng; không chỉ giàu có mà còn nhân văn; không chỉ hiện đại mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc. Có thể khẳng định: kinh tế tạo ra của cải vật chất, còn văn hóa quyết định chất lượng và tính bền vững của sự phát triển. Vì vậy, Đại hội XIV coi văn hóa là một trụ cột không thể thiếu của chiến lược phát triển đất nước.

Câu hỏi 38: Nội dung mới trong nhận thức và định hướng chính sách về văn hóa của Văn kiện Đại hội XIV là gì?

Trả lời:

Kế thừa quan điểm nhất quán của Đảng về *văn hóa là nền tảng của xã hội*, Đại hội XIV có những bước phát triển mới quan trọng trong nhận thức và định hướng chính sách.

Thứ nhất, từ nhấn mạnh vai trò tinh thần sang nhấn mạnh vai trò nguồn lực và động lực phát triển của văn hóa. Nếu trước đây văn hóa chủ yếu được nhìn nhận ở chức năng giáo dục tư tưởng và đạo đức, thì nay được xác định rõ hơn là nguồn lực nội sinh, sức mạnh mềm và động lực trực tiếp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, gắn chặt văn hóa với phát triển bền vững. Văn hóa không còn được xem là lĩnh vực đi sau kinh tế mà là yếu tố đi cùng, định hướng và bảo đảm chất lượng tăng trưởng; bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

Thứ ba, đề cao vai trò trung tâm của con người và hệ giá trị quốc gia. Chuyển trọng tâm từ xây dựng thiết chế văn hóa sang xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, hình thành hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người thời kỳ mới, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Thứ tư, chú trọng phát triển công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo. Lần đầu tiên nhấn mạnh việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa, kinh tế sáng tạo, kết hợp bảo tồn di sản với khai thác giá trị kinh tế, góp phần biến văn hóa thành lĩnh vực tạo giá trị gia tăng.

Thứ năm, mở rộng phạm vi xây dựng văn hóa trên mọi lĩnh vực của đời sống. Nhấn mạnh xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhà trường, cộng đồng, cơ quan, doanh nghiệp và trong hệ thống chính trị; đề cao văn hóa trong Đảng, văn hóa công vụ, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa số.

Tóm lại, Đại hội XIV nhấn mạnh vai trò của văn hóa vì nhận thức rõ rằng văn hóa là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh, động lực phát triển và hệ điều tiết bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. So với các nhiệm kỳ trước, nhận thức về văn hóa đã phát triển toàn diện và thực chất hơn, chuyển từ cách tiếp cận thiên về xây dựng đời sống tinh thần sang cách tiếp cận coi văn hóa là một trụ cột chiến lược của phát triển quốc gia.

Việc phát huy sức mạnh văn hóa vì thế trở thành điều kiện quan trọng để khơi dậy khát vọng phát triển, củng cố

sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và bảo đảm cho Việt Nam phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

Câu hỏi 39: Văn kiện Đại hội XIV nêu những giải pháp nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong kỷ nguyên mới là gì?

Trả lời:

Một là, xây dựng văn hóa được đặt trong tầm nhìn chiến lược phát triển đất nước.

Văn kiện Đại hội XIV xác định: Văn hóa không chỉ là lĩnh vực tinh thần, mà là nền tảng, động lực và mục tiêu của phát triển bền vững, gắn chặt với con người, với kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh. Hiện đại hóa văn hóa, vừa giữ vững cốt cách văn hóa dân tộc, coi đây là điều kiện căn bản để củng cố sức mạnh mềm quốc gia và nền tảng tinh thần xã hội.

Vì vậy, các giải pháp xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không được tiếp cận theo lối phong trào hay hành chính, mà phải được triển khai đồng bộ, lâu dài, có chiều sâu và tính hệ thống.

Hai là, đột phá về thể chế và phương thức lãnh đạo: Đưa văn hóa ngang tầm kinh tế, chính trị.

Giải pháp đầu tiên và mang tính dẫn dắt là việc xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với các giá trị cốt lõi: Dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học. Đảng xác lập quan điểm

phải bảo đảm phát triển văn hóa ngang tầm với chính trị, kinh tế, xã hội để văn hóa thực sự là nền tảng, nguồn lực nội sinh, động lực to lớn và là hệ điều tiết cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Để thực hiện điều này, các báo cáo văn kiện đề xuất đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, cũng như quản trị của Nhà nước nhằm tạo ra sự thống nhất từ Trung ương đến cơ sở. Đặc biệt, cần hoàn thiện các khung pháp lý để tháo gỡ điểm nghẽn, vướng mắc trong việc thu hút các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa, đặc biệt là thông qua cơ chế hợp tác công - tư và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư.

Ba là, hoàn thiện hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực xã hội làm “trục xoay” của phát triển.

Một trong những giải pháp then chốt được Văn kiện nhấn mạnh là xây dựng đồng bộ hệ giá trị gồm: hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Đây không chỉ là định hướng lý luận mà là khung tham chiếu để điều chỉnh hành vi xã hội, định hình nhân cách, lối sống và khát vọng phát triển.

Việc xây dựng hệ giá trị này nhằm khắc phục tình trạng lệch chuẩn, lai căng, thực dụng, suy thoái đạo đức trong một bộ phận xã hội; đồng thời tạo ra “điểm tựa tinh thần” vững chắc cho con người Việt Nam trước những biến động nhanh chóng của thời đại số.

Bốn là, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc gắn với đổi mới, sáng tạo.

Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc không theo cách bảo tàng hóa, mà phải gắn với sáng tạo, thích ứng với đời sống hiện đại và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Giải pháp đặt ra là: khai thác giá trị văn hóa truyền thống trong phát triển du lịch, phát triển “kinh tế di sản”, công nghiệp văn hóa, xây dựng thương hiệu quốc gia; bảo vệ và phục hồi các không gian văn hóa đặc thù của vùng, miền, dân tộc; đồng thời đấu tranh với xu hướng thương mại hóa, dung tục hóa, làm biến dạng bản sắc văn hóa.

Năm là, đẩy mạnh chuyển đổi số và quản trị văn hóa trên không gian mạng.

Nhận diện thách thức từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Đảng đề xuất giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và phát triển văn hóa. Việc xây dựng và quản lý tốt môi trường văn hóa số, phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa số là yêu cầu cấp thiết để văn hóa thấm sâu vào đời sống hiện đại.

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hệ thống giám sát, cảnh báo trên không gian mạng để sớm phát hiện, ngăn chặn và bóc gỡ các thông tin xấu, độc, phản cảm ảnh hưởng đến đạo đức xã hội. Xây dựng nền báo chí, xuất bản, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại đóng vai trò nòng cốt trong việc dẫn dắt dư luận và lan tỏa các giá trị tốt đẹp.

Sáu là, phát triển con người Việt Nam toàn diện, lấy con người làm trung tâm của văn hóa.

Đại hội XIV tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán: Con người là chủ thể sáng tạo, là trung tâm và là mục tiêu của phát triển văn hóa. Do đó, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trước hết là xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, nhân cách, thể chất và năng lực sáng tạo.

Các giải pháp văn hóa phải gắn chặt với giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống; bồi dưỡng tinh thần yêu nước, tự cường, khát vọng cống hiến; đề cao trách nhiệm xã hội, ý thức pháp luật và văn hóa ứng xử trong đời sống hiện đại. Đây là điểm nhấn quan trọng nhằm bảo đảm văn hóa không chỉ “đẹp trong lời nói” mà “sống trong hành động” của mỗi cá nhân.

Bảy là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong từng thiết chế xã hội.

Đại hội XIV xác định xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh là giải pháp có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng đời sống tinh thần xã hội. Văn hóa phải được nuôi dưỡng từ gia đình - nhà trường - cộng đồng - cơ quan - không gian số.

Các giải pháp tập trung xây dựng văn hóa trong Đảng, trong bộ máy nhà nước; văn hóa công vụ, văn hóa doanh nghiệp; văn hóa học đường; đồng thời quản lý, định hướng phát triển văn hóa trên không gian mạng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh với các sản phẩm độc hại, phản văn hóa.

Tám là, đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện công tác văn hóa.

Một điểm mới rất rõ trong Văn kiện Đại hội XIV là nhấn mạnh yêu cầu “nói ít - làm nhiều - làm đến cùng” trong lĩnh vực văn hóa. Văn hóa chỉ thực sự phát triển khi có cơ chế, chính sách phù hợp, có nguồn lực đủ mạnh và có đội ngũ cán bộ văn hóa tâm huyết, chuyên nghiệp.

Giải pháp đặt ra là hoàn thiện thể chế, tăng đầu tư cho văn hóa tương xứng với vai trò của văn hóa; phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong sáng tạo và thụ hưởng văn hóa; tăng cường kiểm tra, giám sát, khắc phục bệnh hình thức, phong trào trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

Câu hỏi 40: Vì sao xây dựng đồng bộ các hệ giá trị được coi là “nền móng tinh thần” của giai đoạn phát triển mới? Việc xây dựng và thực hiện đồng bộ các giá trị được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?

Trả lời:

1. Xây dựng đồng bộ các hệ giá trị được coi là “nền móng tinh thần” của giai đoạn phát triển mới vì:

Bước vào giai đoạn phát triển mới, đất nước ta đứng trước những yêu cầu và thách thức chưa từng có: phát triển nhanh nhưng phải bền vững; hội nhập sâu nhưng phải giữ vững bản sắc; chuyển đổi số mạnh mẽ nhưng không để rạn nứt xã hội; tăng trưởng kinh tế cao nhưng không đánh đổi đạo đức, văn hóa và niềm tin xã hội.

Trong bối cảnh đó, Đại hội XIV khẳng định: Phát triển bền vững trước hết phải dựa vào con người và văn hóa. Muốn vậy, xã hội cần có một nền móng tinh thần vững chắc, làm “la bàn giá trị” định hướng cho nhận thức, hành vi và sự lựa chọn của mỗi cá nhân, mỗi tổ chức và của cả hệ thống chính trị. Đó chính là lý do Văn kiện Đại hội XIV đặt ra yêu cầu xây dựng và thực hiện đồng bộ các hệ giá trị.

Điểm cốt lõi ở đây không chỉ là xây dựng từng hệ giá trị riêng lẻ, mà là xây dựng một chỉnh thể giá trị thống nhất, liên thông, bổ trợ lẫn nhau, đủ sức dẫn dắt xã hội trong điều kiện phát triển mới.

Văn kiện Đại hội XIV chỉ rõ: Phát triển bền vững không thể chỉ dựa vào tăng trưởng kinh tế, đầu tư hay công nghệ, mà phải dựa vào sức mạnh nội sinh của con người và văn hóa. Khi hệ giá trị rõ ràng, thống nhất: Xã hội có chuẩn mực chung để phân biệt đúng - sai, tiến bộ - lạc hậu; Con người có định hướng hành động và động lực cống hiến; Nhà nước và hệ thống chính trị có điểm tựa tinh thần để hoạch định và thực thi chính sách; Sự phát triển được điều chỉnh theo hướng nhân văn, hài hòa, dài hạn.

Ngược lại, nếu hệ giá trị mờ nhạt, thiếu đồng bộ hoặc bị lệch chuẩn, sẽ dẫn đến tình trạng khủng hoảng niềm tin, xung đột lợi ích, suy thoái đạo đức, thực dụng hóa các quan hệ xã hội, làm suy giảm sức mạnh nội sinh của đất nước.

Vì vậy, việc xây dựng đồng bộ các hệ giá trị không chỉ là vấn đề văn hóa - tư tưởng, mà là điều kiện căn bản để bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững lâu dài.



2. Văn kiện Đại hội XIV xác định rõ yêu cầu xây dựng và thực hiện đồng bộ các hệ giá trị sau:

- Hệ giá trị quốc gia: Đây là hệ giá trị ở tầm chiến lược, phản ánh khát vọng phát triển, mục tiêu và bản sắc của dân tộc Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Hệ giá trị văn hóa: Hệ giá trị văn hóa kết tinh những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Hệ giá trị gia đình: Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường đầu tiên và bền vững nhất hình thành nhân cách con người.

- Chuẩn mực con người Việt Nam trong giai đoạn mới: Đây là điểm hội tụ của các hệ giá trị trên, thể hiện ở phẩm chất, năng lực, trách nhiệm, khát vọng và ý thức công dân của mỗi người Việt Nam.

Các hệ giá trị nêu trên không tồn tại rời rạc, mà có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung và nâng đỡ lẫn nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, trong đó: *Hệ giá trị quốc gia* đóng vai trò định hướng chiến lược, tạo “trục giá trị” chung cho xã hội, định hướng cho mọi chiến lược, chính sách và hành động phát triển; *Hệ giá trị văn hóa* cụ thể hóa hệ giá trị quốc gia trong đời sống tinh thần, lối sống và ứng xử xã hội. Đây là nguồn lực mềm, góp phần hình thành bản lĩnh, nhân cách, lối sống và cách ứng xử của con người Việt Nam trong hội nhập quốc tế; *Hệ giá trị gia đình* là môi trường nền tảng để các giá trị quốc gia và văn hóa được “thấm thấu” tự nhiên, bền vững vào mỗi con người. *Hệ giá trị gia đình* giữ vai trò



truyền dẫn và nuôi dưỡng các giá trị quốc gia và văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác; *Chuẩn mực con người Việt Nam* là kết quả và cũng là thước đo hiệu quả của việc xây dựng các hệ giá trị nói trên. Con người Việt Nam là chủ thể trực tiếp hiện thực hóa các hệ giá trị trong đời sống xã hội.

Có thể khẳng định, nếu thiếu sự đồng bộ giữa các hệ giá trị, thì hệ giá trị quốc gia sẽ khó đi vào đời sống; văn hóa sẽ thiếu sức sống; gia đình khó giữ vai trò nền tảng; và con người khó trở thành chủ thể phát triển như mong muốn.

Vì thế việc xác định xây dựng đồng bộ các hệ giá trị là “nền móng tinh thần” mang ý nghĩa rất thiết thực, thể hiện thông điệp nhất quán và sâu sắc của Đại hội XIV: Phát triển bền vững không chỉ bắt đầu từ kinh tế, mà bắt đầu từ nền móng tinh thần của xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ các hệ giá trị chính là cách để củng cố nền móng đó, khơi dậy sức mạnh nội sinh, định hướng sự phát triển của đất nước theo con đường nhân văn, tiến bộ và bền vững trong kỷ nguyên mới.

Câu hỏi 41: Công nghiệp văn hóa là gì? Vì sao phát triển công nghiệp văn hóa trở thành yêu cầu chiến lược trong xây dựng, phát triển đất nước trong điều kiện mới? Văn kiện Đại hội XIV đưa ra nội dung giải pháp như thế nào để phát triển công nghiệp văn hóa?

Trả lời:

1. Công nghiệp văn hóa là lĩnh vực tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ văn hóa dựa trên

nền tảng sáng tạo, tri thức, bản sắc văn hóa dân tộc và ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, nhằm vừa tạo ra giá trị kinh tế, vừa bồi đắp, lan tỏa các giá trị tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ và nhân văn của văn hóa Việt Nam.

Theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIV, công nghiệp văn hóa bao gồm các lĩnh vực như: điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật - nhiếp ảnh - triển lãm, quảng cáo, thiết kế, thời trang, du lịch văn hóa, trò chơi giải trí, nội dung số, truyền thông sáng tạo... Đây là những lĩnh vực mà sáng tạo con người giữ vai trò quyết định, hàm lượng tri thức cao, ít tiêu hao tài nguyên thiên nhiên nhưng tạo ra giá trị gia tăng lớn và sức lan tỏa mạnh trong xã hội.

Cách tiếp cận này cho thấy một bước chuyển quan trọng: văn hóa không chỉ “tiêu dùng ngân sách” mà có thể tạo ra của cải, việc làm, thương hiệu và sức mạnh mềm quốc gia.

2. Phát triển công nghiệp văn hóa trở thành yêu cầu chiến lược trong điều kiện mới, vì:

Thứ nhất, phát triển công nghiệp văn hóa là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Đại hội XIV xác định đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu tăng trưởng nhanh nhưng bền vững, dựa nhiều hơn vào khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn lực nội sinh. Trong bối cảnh đó, công nghiệp văn hóa trở thành không gian phát triển mới của kinh tế tri thức, góp phần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, giảm phụ thuộc vào khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ.

Thứ hai, công nghiệp văn hóa là công cụ quan trọng để bảo vệ và lan tỏa bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong điều kiện toàn cầu hóa và bùng nổ không gian số, nếu không chủ động phát triển các sản phẩm văn hóa của chính mình, xã hội rất dễ bị lấn át bởi các sản phẩm ngoại lai, dẫn đến nguy cơ phai nhạt bản sắc. Phát triển công nghiệp văn hóa giúp chủ động “xuất khẩu văn hóa”, kể câu chuyện Việt Nam bằng ngôn ngữ hiện đại, qua đó vừa giữ gìn bản sắc, vừa nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế

Thứ ba, công nghiệp văn hóa gắn chặt với phát triển con người và khơi dậy khát vọng sáng tạo.

Văn kiện Đại hội XIV coi con người là trung tâm, chủ thể và mục tiêu của phát triển. Công nghiệp văn hóa tạo môi trường để mỗi cá nhân, nhất là giới trẻ, phát huy năng lực sáng tạo, tài năng nghệ thuật, tư duy thẩm mỹ và tinh thần khởi nghiệp. Đây chính là cách chuyển hóa “khát vọng phát triển đất nước” thành động lực sáng tạo cụ thể trong đời sống xã hội.

3. Nội dung giải pháp phát triển công nghiệp văn hóa theo Văn kiện Đại hội XIV

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, chính sách để công nghiệp văn hóa thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng. Văn kiện nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về sở hữu trí tuệ, thị trường văn hóa, đầu tư, thuế, tín dụng... nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các chủ thể sáng tạo, doanh nghiệp văn hóa phát triển. Đặc biệt,

cần khắc phục tư duy quản lý văn hóa nặng về “cấp phép - kiểm soát”, chuyển mạnh sang kiến tạo phát triển, khuyến khích sáng tạo.

Thứ hai, phát triển đồng bộ thị trường văn hóa và hệ sinh thái công nghiệp văn hóa, gắn phát triển công nghiệp văn hóa với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời tăng cường liên kết giữa các khâu sáng tạo - sản xuất - phân phối - tiêu dùng. Phát triển công nghiệp văn hóa không tách rời nhiệm vụ giữ gìn bản sắc. Các sản phẩm văn hóa phải dựa trên chất liệu văn hóa Việt Nam, phản ánh giá trị nhân văn, tinh thần yêu nước, khát vọng vươn lên của dân tộc; đồng thời tránh xu hướng thương mại hóa dung tục, sao chép máy móc mô hình nước ngoài; tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước về văn hóa, trong đó có công nghiệp văn hóa. Đẩy mạnh phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa số.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực sáng tạo chất lượng cao cho công nghiệp văn hóa. Văn kiện đặt ra yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục, đào tạo trong các lĩnh vực nghệ thuật, truyền thông, thiết kế, công nghệ sáng tạo; có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng tài năng; hình thành đội ngũ nghệ sĩ, nhà sáng tạo, nhà quản lý văn hóa chuyên nghiệp, có khả năng hội nhập quốc tế.

Thứ tư, phát triển thị trường và hạ tầng cho công nghiệp văn hóa gắn với chuyển đổi số. Đại hội XIV đặc biệt nhấn mạnh vai trò của công nghệ số trong phát triển



công nghiệp văn hóa. Việc phát triển hạ tầng số, nền tảng phân phối nội dung, kinh tế dữ liệu, không gian sáng tạo số sẽ mở rộng đáng kể quy mô thị trường văn hóa, đồng thời tạo điều kiện để sản phẩm văn hóa Việt Nam tiếp cận công chúng toàn cầu.

Thứ năm, phát huy vai trò của doanh nghiệp và xã hội trong phát triển công nghiệp văn hóa. Nhà nước giữ vai trò định hướng, kiến tạo; doanh nghiệp là trung tâm đầu tư, tổ chức sản xuất; nhân dân là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng. Văn kiện khuyến khích các mô hình hợp tác công - tư, xã hội hóa mạnh mẽ lĩnh vực văn hóa, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa và lợi ích cộng đồng.

Câu hỏi 42: Tại sao Văn kiện Đại hội XIV yêu cầu phải khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tự cường và khát vọng phát triển đất nước? Nội dung giải pháp để thực hiện yêu cầu đó là gì?

Trả lời:

1. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu phải khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tự cường và khát vọng phát triển đất nước vì:

Thứ nhất, đây là truyền thống lịch sử và giá trị cốt lõi tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta chứng minh rằng, mỗi khi đất nước đứng trước khó khăn, thử thách, chính lòng yêu nước, ý chí độc lập, tự lực, tự cường

và tinh thần đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành nguồn sức mạnh to lớn giúp dân tộc vượt qua mọi trở ngại, giành thắng lợi.

Trong thời kỳ hòa bình và phát triển, những giá trị ấy tiếp tục là nền tảng tinh thần để: Củng cố niềm tin xã hội; tăng cường đồng thuận; huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc cho mục tiêu phát triển. Do đó, phát huy truyền thống yêu nước và tự cường là sự kế thừa quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đòi hỏi phải phát huy mạnh mẽ nguồn lực nội sinh.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, Việt Nam đặt mục tiêu cao hơn: Tăng trưởng nhanh, chất lượng cao, nâng cao vị thế quốc gia, hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Những mục tiêu đó không thể chỉ dựa vào vốn, tài nguyên hay nguồn lực bên ngoài. Thực tiễn cho thấy, yếu tố quyết định thành công lâu dài chính là: Ý chí vươn lên của toàn xã hội; tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân; động lực cống hiến, sáng tạo của con người. Đây chính là biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước và khát vọng phát triển.

Vì vậy, khơi dậy sức mạnh tinh thần của nhân dân chính là *khơi dậy nguồn lực nội sinh quan trọng nhất cho phát triển.*

Thứ ba, bối cảnh quốc tế nhiều biến động đòi hỏi tăng cường tự chủ, tự cường dân tộc.

Thế giới đang diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược gay gắt, rủi ro kinh tế - chính trị gia tăng, các thách thức

an ninh truyền thống và phi truyền thống ngày càng lớn. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải: Giữ vững độc lập, tự chủ; nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế; hạn chế phụ thuộc vào bên ngoài. Tinh thần tự tin, tự cường dân tộc, tự lực, tự chủ trong phát triển là điều kiện bảo đảm để đất nước vững vàng trước biến động và chủ động nắm bắt cơ hội.

Do đó, khơi dậy ý chí tự cường không chỉ mang ý nghĩa tinh thần mà còn có ý nghĩa chiến lược đối với an ninh và phát triển quốc gia.

Thứ tư, khát vọng phát triển là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo và cố gắng.

Khát vọng phát triển thể hiện mong muốn xây dựng đất nước giàu mạnh, nhân dân hạnh phúc. Khi khát vọng ấy được lan tỏa, nó sẽ chuyển hóa thành: Tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới; ý chí vượt qua khó khăn; quyết tâm nâng cao năng suất và hiệu quả lao động. Ngược lại, nếu thiếu khát vọng, xã hội dễ rơi vào tâm lý thỏa mãn, an phận, trì trệ, kìm hãm sự phát triển.

Vì vậy, khơi dậy khát vọng phát triển là yếu tố quan trọng tạo động lực tinh thần cho công cuộc đổi mới và hiện đại hóa đất nước.

Từ đó có thể khẳng định: Yêu nước, tự cường và khát vọng phát triển chính là nền tảng tinh thần, động lực nội sinh và sức mạnh quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

2. Nội dung giải pháp chủ yếu để thực hiện

Thứ nhất, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc. Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục trong nhà trường, gia đình và xã hội; phát huy vai trò của báo chí, truyền thông, văn học - nghệ thuật trong bồi dưỡng lý tưởng, niềm tin và khát vọng phát triển.

Thứ hai, xây dựng môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh. Hình thành các chuẩn mực đạo đức, lối sống; phát huy giá trị tốt đẹp của gia đình và cộng đồng; xây dựng văn hóa trong Đảng, trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế, chính sách để khuyến khích cống hiến và sáng tạo. Tạo điều kiện để mọi người dân, doanh nghiệp phát huy tài năng; có cơ chế bảo vệ người dám nghĩ, dám làm; khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; bảo đảm công bằng trong thụ hưởng thành quả phát triển.

Thứ tư, phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường đối thoại, đồng thuận xã hội; huy động mọi nguồn lực và sự tham gia của toàn dân vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Thứ năm, nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu về tinh thần trách nhiệm, ý chí phấn đấu và khát vọng cống hiến; lấy hành động thực tiễn để lan tỏa giá trị tích cực trong xã hội.

Tóm lại, việc khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tự cường và khát vọng phát triển đất nước là yêu cầu có ý nghĩa chiến lược của Đại hội XIV nhằm phát huy tối đa nguồn lực

nội sinh, củng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và tạo động lực tinh thần mạnh mẽ cho sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững. Đây vừa là kế thừa truyền thống lịch sử của dân tộc, vừa là điều kiện quyết định để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong giai đoạn mới.

Câu hỏi 43: Quan điểm của Đảng về phát triển toàn diện con người được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào? Vì sao con người được đặt vào trung tâm của phát triển?

Trả lời:

1. Quan điểm của Đảng về phát triển toàn diện con người trong Văn kiện Đại hội XIV

Đại hội XIV xác định yêu cầu *phát triển con người Việt Nam toàn diện, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam*, coi đây là điều kiện nền tảng để phát triển nhanh và bền vững.

Quan điểm đó được thể hiện trên các nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, xác định con người là trung tâm của chiến lược phát triển.

Mọi chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội đều hướng tới mục tiêu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, hạnh phúc của nhân dân. Phát triển không chỉ đo bằng tốc độ tăng trưởng mà quan trọng hơn là bằng chất lượng cuộc

sống và sự phát triển toàn diện của con người. Điều này thể hiện rõ tư tưởng: phát triển kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội.

Thứ hai, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện cả về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tâm hồn và năng lực sáng tạo.

Đại hội nhấn mạnh yêu cầu phát triển đồng bộ các mặt: Nâng cao dân trí, trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp; bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân; chăm lo sức khỏe thể chất, tinh thần; phát huy tinh thần sáng tạo, khát vọng cống hiến. Đây là cách tiếp cận toàn diện, không chỉ chú trọng đào tạo kỹ năng lao động mà còn chú trọng hình thành nhân cách và giá trị con người.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Văn kiện Đại hội XIV coi giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nhân tài là quốc sách hàng đầu; tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế. Nguồn nhân lực chất lượng cao được xác định là nhân tố quyết định nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và sức mạnh quốc gia.

Thứ tư, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo các nhóm yếu thế, thu hẹp khoảng cách phát triển, tạo cơ hội tiếp cận bình đẳng về giáo dục, y tế, việc làm

và các dịch vụ xã hội cơ bản. Đây là điều kiện để mọi người dân được tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển. Qua đó, khẳng định phát triển con người không chỉ là trách nhiệm đạo đức mà còn là yêu cầu của phát triển bền vững.

Thứ năm, phát huy vai trò chủ thể và sức sáng tạo của nhân dân.

Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là lực lượng trực tiếp tham gia sáng tạo, sản xuất, quản lý xã hội. Vì vậy, cần phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, khuyến khích đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, tạo môi trường để mọi người phát huy tài năng, cống hiến cho đất nước, thể hiện rõ quan điểm “lấy dân làm gốc” trong điều kiện phát triển mới.

2. Việc đặt con người vào vị trí trung tâm xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn cơ bản sau:

Thứ nhất, con người là mục tiêu cao nhất của phát triển.

Mục đích cuối cùng của chủ nghĩa xã hội là vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân. Mọi thành tựu kinh tế - xã hội suy cho cùng đều phải hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Nếu tăng trưởng kinh tế mà đời sống nhân dân không được cải thiện thì phát triển không có ý nghĩa thực chất.

Thứ hai, con người là chủ thể sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần.

Mọi nguồn lực như vốn, tài nguyên, công nghệ chỉ phát huy tác dụng thông qua hoạt động của con người. Trình độ,

năng lực, ý chí và tinh thần trách nhiệm của con người quyết định hiệu quả sử dụng các nguồn lực đó. Do đó, con người chính là yếu tố quyết định thành bại của quá trình phát triển.

Thứ ba, trong thời đại kinh tế tri thức, con người trở thành nguồn lực quyết định nhất.

Khi khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giữ vai trò chủ đạo, lợi thế cạnh tranh của quốc gia phụ thuộc trước hết vào chất lượng nhân lực, tri thức và khả năng sáng tạo. Vì vậy, đầu tư cho con người là đầu tư cho tương lai phát triển lâu dài.

Thứ tư, phát triển bền vững đòi hỏi sự tham gia và đồng thuận của toàn xã hội.

Không có sự đồng thuận và tham gia tích cực của nhân dân thì mọi chủ trương, chính sách khó có thể đi vào cuộc sống. Khi con người được tôn trọng, bảo đảm quyền lợi và tạo cơ hội phát triển, họ sẽ trở thành lực lượng tích cực, tự giác tham gia xây dựng đất nước.

Tóm lại, Văn kiện Đại hội XIV khẳng định rõ quan điểm nhất quán của Đảng về phát triển toàn diện con người, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là chủ thể, vừa là động lực quan trọng nhất của sự phát triển. Đặt con người vào trung tâm không chỉ thể hiện bản chất nhân văn của chế độ ta mà còn là yêu cầu khách quan của phát triển bền vững trong thời đại kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế sâu rộng. Phát huy giá trị và sức mạnh con người Việt Nam vì vậy trở thành nhân tố quyết định để hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Câu hỏi 44: Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào? Đây là những nội dung mới mang tính đột phá trong nhận thức về giáo dục?

Trả lời:

1. Nội dung xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới theo tinh thần Đại hội XIV gồm:

Trước hết, giáo dục phải hướng tới phát triển con người toàn diện, cả về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo và trách nhiệm xã hội. Đây là sự kế thừa và phát triển nhất quán quan điểm “con người là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và động lực của phát triển”.

Thứ hai, nền giáo dục quốc dân phải gắn chặt với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Giáo dục không chỉ cung cấp kiến thức mà phải hình thành năng lực tư duy khoa học, tư duy số, khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của thị trường lao động và tiến bộ công nghệ.

Thứ ba, Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu hiện đại hóa hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, các loại hình đào tạo, giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên, giữa đào tạo trong nước với

hợp tác quốc tế. Đây là điều kiện để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Thứ tư, giáo dục phải gắn với nhu cầu thực tiễn của nền kinh tế và xã hội, đặc biệt là nhu cầu về nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ chiến lược, công nghiệp nền tảng, kinh tế số, kinh tế xanh. Điều này thể hiện rõ quan điểm chuyển từ đào tạo theo khả năng cung ứng sang đào tạo theo nhu cầu phát triển.

2. Những nội dung mới mang tính đột phá trong nhận thức về giáo dục

So với các nhiệm kỳ trước, Đại hội XIV có nhiều đột phá quan trọng trong tư duy và nhận thức về giáo dục:

Thứ nhất, chuyển mạnh từ giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học. Văn kiện nhấn mạnh yêu cầu hình thành con người có tư duy độc lập, sáng tạo, có khả năng tự học, học tập suốt đời và thích ứng với biến đổi nhanh của xã hội hiện đại. Đây là bước chuyển căn bản từ “dạy cái có sẵn” sang “trang bị năng lực để tự tạo ra cái mới”.

Thứ hai, giáo dục được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với đổi mới sáng tạo và phát triển lực lượng sản xuất mới. Đại hội XIV coi giáo dục như một bộ phận cấu thành của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, gắn chặt với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và thị trường lao động. Đây là sự thay đổi quan trọng so với cách tiếp cận giáo dục tương đối tách rời thực tiễn sản xuất trước đây.

Thứ ba, nhận thức về giáo dục được mở rộng từ phạm vi nhà trường sang xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Điều này phản ánh tư duy mới phù hợp với kinh tế tri thức và chuyển đổi số và việc học không còn giới hạn trong độ tuổi hay không gian lớp học.

Thứ tư, Đại hội XIV coi chất lượng giáo dục là yếu tố quyết định, thay vì chạy theo số lượng, hình thức hay thành tích. Việc đánh giá giáo dục gắn với chất lượng nguồn nhân lực, với hiệu quả đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Câu hỏi 45: Tại sao Văn kiện Đại hội XIV đề ra yêu cầu xây dựng xã hội học tập suốt đời? Nội dung giải pháp xây dựng xã hội học tập suốt đời?

Trả lời:

1. Văn kiện Đại hội XIV đặt ra yêu cầu xây dựng xã hội học tập suốt đời trở thành yêu cầu tất yếu trong giai đoạn phát triển mới vì:

Thứ nhất, sự biến đổi nhanh chóng của tri thức, khoa học - công nghệ và thị trường lao động khiến mô hình học tập “một lần cho cả đời” không còn phù hợp. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế số... đang làm thay đổi sâu sắc cơ cấu nghề nghiệp, kỹ năng và phương thức lao động. Trong bối cảnh đó, nếu con người không học tập thường xuyên,

liên tục cập nhật tri thức, kỹ năng mới, thì nguy cơ tụt hậu, bị đào thải là hiện hữu. Vì vậy, học tập suốt đời trở thành điều kiện để mỗi cá nhân thích ứng, làm chủ sự thay đổi và phát triển bền vững.

Thứ hai, mục tiêu phát triển con người toàn diện, đặt con người vào trung tâm của phát triển - một quan điểm xuyên suốt trong Văn kiện Đại hội XIV - đòi hỏi giáo dục không chỉ giới hạn trong nhà trường mà phải mở rộng ra toàn xã hội, suốt cả vòng đời con người. Xây dựng xã hội học tập chính là tạo môi trường để mọi người dân, ở mọi lứa tuổi, mọi hoàn cảnh, đều có cơ hội học tập, hoàn thiện nhân cách, nâng cao tri thức, năng lực và giá trị sống.

Thứ ba, yêu cầu xây dựng xã hội kỷ cương, văn minh, sáng tạo và phát triển bền vững đòi hỏi nâng cao mặt bằng dân trí, ý thức pháp luật, văn hóa ứng xử và năng lực công dân. Một xã hội học tập suốt đời sẽ góp phần hình thành những công dân có tư duy độc lập, tinh thần trách nhiệm, khả năng tự học, tự hoàn thiện, từ đó củng cố nền tảng tinh thần, văn hóa và trí tuệ cho sự phát triển lâu dài của đất nước.

2. Nội dung giải pháp xây dựng xã hội học tập suốt đời theo Văn kiện Đại hội XIV

Văn kiện Đại hội XIV xác định xây dựng xã hội học tập suốt đời là một nhiệm vụ tổng thể, đòi hỏi cách tiếp cận đồng bộ, toàn diện và thực chất, với những nội dung giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, hoàn thiện nhận thức và thể chế về xã hội học tập suốt đời. Cần khẳng định học tập suốt đời là quyền, đồng thời là trách nhiệm của mỗi công dân; là trách nhiệm chung của Nhà nước, xã hội, gia đình và bản thân người học. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật tạo hành lang thuận lợi cho các hình thức học tập linh hoạt, mở, liên thông giữa giáo dục chính quy và không chính quy, giữa học tập trong nhà trường và ngoài xã hội.

Thứ hai, phát triển mạnh mẽ các thiết chế và hình thức học tập suốt đời. Bên cạnh hệ thống giáo dục quốc dân, cần phát huy vai trò của các trung tâm học tập cộng đồng, thư viện, bảo tàng, không gian văn hóa, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, nền tảng số... để mở rộng cơ hội học tập cho mọi người dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, học tập trực tuyến, học tập kết hợp nhằm vượt qua rào cản về không gian, thời gian và điều kiện kinh tế.

Thứ ba, xây dựng văn hóa học tập trong gia đình, cộng đồng và toàn xã hội. Học tập suốt đời không chỉ là chính sách, mà phải trở thành nếp sống, giá trị và chuẩn mực xã hội. Gia đình khuyến học, dòng họ khuyến học, cộng đồng học tập cần được phát triển thực chất, gắn với phong trào thi đua, tôn vinh những tấm gương tự học, học tập suốt đời.

Thứ tư, nâng cao vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trí thức và người đứng đầu trong việc nêu gương học tập suốt đời. Cán bộ càng giữ vị trí cao càng phải học tập thường xuyên để nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, tư duy

chiến lược và đạo đức công vụ. Đây vừa là yêu cầu tự thân, vừa là thông điệp lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội.

Câu hỏi 46: Vì sao quản lý phát triển xã hội theo hướng bao trùm, bền vững trở thành yêu cầu cấp thiết trong kỷ nguyên mới? Văn kiện Đại hội XIV đưa ra những nội dung giải pháp nào để hiện thực hóa mục tiêu đó?

Trả lời:

Trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với chuyển đổi số, kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế sâu rộng - sự phát triển của đất nước không chỉ được đo bằng tốc độ tăng trưởng kinh tế mà ngày càng được đánh giá bằng chất lượng phát triển xã hội, mức độ bao trùm và tính bền vững. Quản lý phát triển xã hội theo hướng bao trùm, bền vững không còn là lựa chọn chính sách mang tính bổ trợ, mà đã trở thành yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với sự phát triển đất nước.

1. Quản lý phát triển xã hội theo hướng bao trùm, bền vững trở thành yêu cầu cấp thiết trong kỷ nguyên mới vì:

Thứ nhất, những biến đổi sâu sắc về cơ cấu kinh tế - xã hội đang đặt ra nhiều thách thức mới đối với quản lý phát triển xã hội. Quá trình đô thị hóa nhanh, dịch chuyển lao động mạnh mẽ, sự phân tầng xã hội ngày càng rõ nét,

cùng tác động của kinh tế số và tự động hóa đã làm xuất hiện nhiều nhóm xã hội dễ bị tổn thương mới. Nếu không có phương thức quản lý xã hội phù hợp, nguy cơ gia tăng bất bình đẳng, phân hóa giàu - nghèo, đứt gãy gắn kết xã hội sẽ ngày càng hiện hữu.

Thứ hai, những cú sốc phi truyền thống như đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, già hóa dân số... cho thấy mô hình phát triển xã hội thiếu bền vững sẽ nhanh chóng bộc lộ những điểm yếu. Thực tiễn nhiệm kỳ Đại hội XIII đã chứng minh: nơi nào có hệ thống an sinh xã hội vững chắc, quản trị xã hội linh hoạt, lấy con người làm trung tâm, thì nơi đó có khả năng chống chịu và phục hồi tốt hơn trước các khủng hoảng.

Thứ ba, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển dân chủ, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội đòi hỏi quản lý phát triển xã hội phải chuyển mạnh từ tư duy “quản lý - kiểm soát” sang tư duy “kiến tạo - phục vụ - đồng hành”. Quản lý xã hội không chỉ nhằm duy trì trật tự, ổn định, mà phải chủ động tạo điều kiện để mọi người dân được tham gia, thụ hưởng và đóng góp vào quá trình phát triển.

Thứ tư, về mặt chiến lược, mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao không thể đạt được nếu phát triển xã hội tụt hậu so với phát triển kinh tế. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh: phát



triển nhanh phải đi đôi với phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế phải gắn với phát triển văn hóa, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Đây chính là nền tảng của một xã hội ổn định, đồng thuận và có sức sáng tạo cao.

2. Văn kiện Đại hội XIV đã đưa ra hệ thống quan điểm, mục tiêu và giải pháp đồng bộ nhằm hiện thực hóa quản lý phát triển xã hội theo hướng bao trùm, bền vững:

Thứ nhất, đổi mới tư duy và cách tiếp cận trong quản lý phát triển xã hội. Văn kiện khẳng định phát triển xã hội phải đặt con người ở vị trí trung tâm, chủ thể và mục tiêu của phát triển. Quản lý xã hội không chỉ giải quyết các vấn đề phát sinh, mà phải chủ động dự báo, phòng ngừa rủi ro xã hội; chuyển từ phản ứng bị động sang quản trị phát triển xã hội hiện đại, dựa trên dữ liệu, khoa học và sự tham gia của người dân.

Thứ hai, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống chính sách an sinh xã hội theo hướng bao trùm. Đại hội XIV nhấn mạnh xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt, bền vững, bảo đảm bao phủ toàn dân, nhất là các nhóm yếu thế, người nghèo, người lao động phi chính thức, người cao tuổi. Các chính sách giảm nghèo được chuyển mạnh từ hỗ trợ đơn thuần sang tạo sinh kế bền vững, nâng cao năng lực tự vươn lên của người dân.



Thứ ba, tăng cường quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Văn kiện đặt ra yêu cầu thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư; chú trọng phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo. Đồng thời, bảo đảm tiếp cận công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng dân số và chất lượng cuộc sống. Đại hội XIV coi đây là giải pháp căn cơ của phát triển xã hội bền vững. Quản lý xã hội phải gắn chặt với quản lý phát triển con người, thích ứng với xu hướng già hóa dân số, thay đổi cơ cấu lao động, yêu cầu mới của thị trường việc làm trong kỷ nguyên số.

Thứ năm, xây dựng môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, trật tự, kỷ cương. Văn kiện nhấn mạnh việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội, tội phạm công nghệ cao; tăng cường quản lý xã hội trong không gian số, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Thứ sáu, phát huy vai trò của toàn xã hội trong quản lý phát triển xã hội. Đại hội XIV đề cao sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Nhà nước giữ vai trò định hướng, kiến tạo; xã hội và người dân là lực lượng đồng hành, thực thi và giám sát.

Có thể khẳng định, định hướng quản lý phát triển xã hội theo hướng bao trùm, bền vững trong Văn kiện Đại hội XIV không chỉ nhằm giải quyết những vấn đề trước mắt, mà còn tạo nền tảng xã hội vững chắc cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong dài hạn. Đây là cơ sở để củng cố niềm tin xã hội, tăng cường đồng thuận, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, từ đó hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới.

Câu hỏi 47: Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội được cụ thể hóa như thế nào trong Văn kiện Đại hội XIV?

Trả lời:

Văn kiện Đại hội XIV đã cụ thể hóa quan điểm tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội như sau:

Thứ nhất, nhấn mạnh quan điểm phát triển con người là trung tâm, chủ thể và mục tiêu của phát triển. Theo đó, tăng trưởng kinh tế không được xem là mục tiêu tự thân, mà là phương tiện quan trọng để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Thứ hai, chuyển mạnh từ tư duy “ưu tiên tăng trưởng trước, giải quyết xã hội sau” sang tư duy phát triển đồng thời, hài hòa giữa kinh tế và xã hội. Mọi chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế đều phải tích hợp mục tiêu xã hội ngay từ khâu thiết kế chính sách, chứ không chỉ điều chỉnh ở khâu phân phối lại.

Thứ ba, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội để điều tiết hợp lý thu nhập, thu hẹp dần khoảng cách giàu - nghèo, chênh lệch vùng, miền.

Thứ tư, xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội theo hướng bao trùm, bền vững, thích ứng với bối cảnh mới. Tăng trưởng kinh tế phải tạo đủ nguồn lực để mở rộng và nâng cao chất lượng các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, giảm nghèo đa chiều.

Thứ năm, bảo đảm người dân được tiếp cận công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Thứ sáu, gắn tăng trưởng kinh tế với quản lý phát triển xã hội bền vững. Phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh; chủ động phòng ngừa, kiểm soát các rủi ro xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển.

Câu hỏi 48: Chủ trương của Đảng về các vấn đề an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và an ninh con người được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào? Đây là điểm mới trong tư duy chính sách về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và an ninh con người?

Trả lời:

1. Chủ trương của Đảng về các vấn đề an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và an ninh con người được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIV cụ thể như sau:

Thứ nhất, về an sinh xã hội:

- Mở rộng diện bao phủ và nâng cao chất lượng các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đặc biệt chú trọng khu vực lao động phi chính thức, nông dân, người yếu thế. Đây là bước phát triển từ tư duy “hỗ trợ có điều kiện” sang tư duy “bảo vệ phổ quát”;

- Tiếp tục thực hiện giảm nghèo theo chuẩn đa chiều, bền vững, chuyển trọng tâm từ hỗ trợ trực tiếp sang tạo sinh kế, nâng cao năng lực, khả năng tự vươn lên của người dân. Văn kiện nhấn mạnh giảm nghèo không chỉ là tăng thu nhập mà còn là cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản;

- Tăng cường khả năng ứng phó của hệ thống an sinh xã hội trước các cú sốc lớn như dịch bệnh, thiên tai, khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu. Điều này cho thấy an sinh xã hội được nhìn nhận như một “lá chắn xã hội” trong điều kiện phát triển nhiều rủi ro.

Thứ hai, về phúc lợi xã hội:

- Không dừng lại ở mục tiêu bảo đảm mức sống tối thiểu, mà nhấn mạnh từng bước nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phúc lợi xã hội được tiếp cận theo hướng hiện đại, bao gồm cả phúc lợi nhà nước, phúc lợi cộng đồng và phúc lợi doanh nghiệp;

- Nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận các dịch vụ công thiết yếu như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, văn hóa, thể thao; đồng thời khuyến khích xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực cung ứng phúc lợi;

- Phúc lợi xã hội được gắn chặt với phát triển con người toàn diện, không chỉ chăm lo đời sống vật chất mà còn chú

trọng đời sống tinh thần, môi trường sống, sự an toàn và cảm giác được bảo vệ của mỗi người dân.

Thứ ba, về an ninh con người:

Đồng thời với việc bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, Văn kiện đặt con người vào trung tâm của an ninh.

An ninh con người phải bảo đảm an toàn cho người dân trước các mối đe dọa của an ninh truyền thống và phi truyền thống, phòng ngừa và kiểm soát các rủi ro xã hội ngay từ sớm, từ xa, không để bị động, bất ngờ. Cách tiếp cận này cho thấy sự chuyển biến quan trọng từ tư duy “giữ ổn định xã hội” sang tư duy “xây dựng xã hội an toàn, có khả năng chống chịu và phục hồi”, trong đó mỗi người dân được bảo vệ và có cơ hội phát triển.

2. So với các nhiệm kỳ trước, tư duy chính sách về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và an ninh con người trong Văn kiện Đại hội XIV có một số điểm mới nổi bật như sau:

Thứ nhất, chuyển từ tư duy hỗ trợ sang tư duy đầu tư cho con người. An sinh và phúc lợi xã hội không còn được xem chủ yếu là chi tiêu ngân sách, mà là đầu tư cho nguồn lực phát triển lâu dài. Coi trọng con người, con người là trung tâm, là động lực và nhân dân phải được hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới đất nước, không chỉ được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản mà còn được bảo đảm chất lượng dịch vụ.

Thứ hai, chuyển từ tiếp cận phân mảnh sang tiếp cận tích hợp. Các chính sách an sinh, phúc lợi, an ninh con người được

thiết kế gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế, quản lý phát triển xã hội, phát triển bền vững.

Thứ ba, nhấn mạnh tính chủ động, phòng ngừa rủi ro. Thay vì chỉ xử lý hậu quả, Văn kiện yêu cầu tăng cường dự báo, cảnh báo sớm, xây dựng năng lực chống chịu của xã hội.

Thứ tư, đề cao sự tham gia của toàn xã hội. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt; người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội cùng tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát chính sách.

Việc thể hiện rõ và nâng tầm chủ trương về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và an ninh con người trong Văn kiện Đại hội XIV cho thấy bước phát triển mới trong tư duy lãnh đạo của Đảng: lấy con người làm trung tâm một cách thực chất, toàn diện và hiện đại. Đây là nền tảng quan trọng để củng cố ổn định xã hội, tăng cường đồng thuận, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, từ đó hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới.

Câu hỏi 49: Chủ trương về nhà ở xã hội và Quỹ nhà ở quốc gia có ý nghĩa gì và dự báo sẽ có tác động xã hội ra sao?

Trả lời:

1. Chủ trương phát triển nhà ở xã hội trong Văn kiện Đại hội XIV có ý nghĩa to lớn:

Văn kiện Đại hội XIV tiếp cận vấn đề nhà ở xã hội không chỉ như một chương trình hỗ trợ, mà là một cấu phần của



chiến lược phát triển xã hội bao trùm, bền vững. Trước hết, chủ trương này thể hiện rõ quan điểm lấy con người làm trung tâm, coi việc bảo đảm điều kiện sống tối thiểu và ổn định cho người dân là nền tảng của phát triển.

Nhà ở xã hội góp phần hiện thực hóa mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong quá trình phát triển kinh tế. Thông qua việc hỗ trợ các nhóm thu nhập thấp tiếp cận nhà ở phù hợp, Đảng và Nhà nước tạo điều kiện để người dân yên tâm lao động, học tập, gắn bó với cộng đồng, từ đó phát huy tốt hơn vai trò chủ thể của mình trong phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, phát triển nhà ở xã hội còn có ý nghĩa quan trọng trong quản lý đô thị và phát triển bền vững. Khi nhà ở cho người lao động được quy hoạch đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, sẽ góp phần hạn chế sự phát triển tự phát, giảm áp lực lên các khu vực đô thị trung tâm, nâng cao chất lượng không gian sống.

2. Dự báo tác động xã hội của chủ trương nhà ở xã hội và Quỹ nhà ở quốc gia

Về ngắn hạn và trung hạn, việc đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và hình thành Quỹ nhà ở quốc gia sẽ góp phần cải thiện rõ rệt điều kiện sống của hàng triệu người lao động, công nhân, người thu nhập thấp. Khi nhu cầu nhà ở cơ bản được đáp ứng, người dân sẽ giảm bớt áp lực chi tiêu, nâng cao chất lượng cuộc sống, từ đó tác động tích cực đến sức khỏe, giáo dục, văn hóa và sự gắn kết gia đình.

Về lâu dài, chủ trương này có tác động tích cực đến sự ổn định xã hội và phát triển nguồn nhân lực. Nhà ở ổn định giúp người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với doanh nghiệp và địa phương, góp phần giảm biến động lao động, nâng cao năng suất và chất lượng tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, việc bảo đảm nhà ở cho các nhóm yếu thế cũng góp phần thu hẹp khoảng cách xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ở tầm vĩ mô, phát triển nhà ở xã hội gắn với Quỹ nhà ở quốc gia sẽ góp phần điều tiết thị trường bất động sản theo hướng lành mạnh, cân đối hơn giữa các phân khúc; hạn chế đầu cơ, bong bóng giá; tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến an sinh xã hội.

Có thể khẳng định, chủ trương về nhà ở xã hội và Quỹ nhà ở quốc gia trong Văn kiện Đại hội XIV không chỉ giải quyết một vấn đề xã hội cụ thể, mà còn phản ánh bước tiến quan trọng trong tư duy phát triển của Đảng: từ chỗ chú trọng tăng trưởng kinh tế sang chú trọng đồng thời chất lượng sống và an ninh con người.

Đây là một trong những nền tảng quan trọng để xây dựng xã hội ổn định, bao trùm, nhân văn; tạo điều kiện để mọi người dân có chỗ ở an toàn, phù hợp, từ đó đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới.

Câu hỏi 50: Việc mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế và nâng cao tuổi thọ được đặt ra trong Văn kiện Đại hội XIV có ý nghĩa như thế nào đối với chiến lược phát triển của đất nước?

Trả lời:

Trong chiến lược phát triển đất nước giai đoạn mới, việc mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân và không ngừng nâng cao tuổi thọ của nhân dân không chỉ là một chính sách xã hội đơn thuần, mà mang ý nghĩa chiến lược toàn diện về phát triển con người, ổn định xã hội và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Đây là biểu hiện sinh động của quan điểm phát triển lấy con người làm trung tâm của mọi chiến lược phát triển, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Thứ nhất, bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân có ý nghĩa trực tiếp trong việc củng cố nền tảng an sinh xã hội và giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Sức khỏe là nhu cầu thiết yếu nhất của mỗi con người, nhưng chi phí y tế lại luôn tiềm ẩn nguy cơ đẩy các gia đình, nhất là người nghèo và nhóm yếu thế, vào tình trạng tái nghèo hoặc bần cùng hóa. Khi hệ thống bảo hiểm y tế được mở rộng, mọi người dân đều được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản, gánh nặng chi tiêu y tế được chia sẻ bởi cộng đồng, rủi ro xã hội được phân tán. Điều đó không chỉ thể hiện tính nhân văn của chính sách, mà còn tạo ra sự an tâm trong đời sống, củng cố niềm tin của nhân dân đối với chế độ, tăng cường đồng thuận xã hội.

Một xã hội có mạng lưới an sinh vững chắc sẽ hạn chế sự bất ổn, giảm xung đột tiềm ẩn và tạo môi trường ổn định lâu dài cho phát triển. Vì vậy, bảo hiểm y tế toàn dân thực chất là một “*hạ tầng xã hội*” quan trọng, có ý nghĩa nền móng đối với phát triển bền vững.

Thứ hai, nâng cao tuổi thọ và chăm sóc sức khỏe nhân dân chính là đầu tư trực tiếp cho chất lượng nguồn nhân lực, một yếu tố quyết định của tăng trưởng trong thời đại kinh tế tri thức. Một dân số khỏe mạnh sẽ có khả năng học tập tốt hơn, lao động hiệu quả hơn và cống hiến lâu dài hơn cho xã hội. Khi thể lực, trí lực và chất lượng sống của người dân được nâng cao, năng suất lao động tăng lên, chi phí điều trị bệnh tật giảm xuống, gánh nặng phụ thuộc xã hội được hạn chế. Tuổi thọ tăng không chỉ mang ý nghĩa *sống lâu hơn*, mà quan trọng hơn là *sống khỏe hơn, sống có ích hơn*, kéo dài thời gian tham gia và đóng góp cho nền kinh tế. Ở tầm vĩ mô, đây chính là quá trình tích lũy và phát triển *vốn con người* - nguồn lực quý giá nhất của quốc gia. Do đó, chỉ cho y tế không đơn thuần là chỉ tiêu tiêu dùng, mà chính là đầu tư phát triển, tạo ra lợi ích kinh tế - xã hội lâu dài.

Thứ ba, sâu xa hơn, việc chăm lo sức khỏe toàn dân và nâng cao tuổi thọ còn phản ánh bản chất tốt đẹp và định hướng nhân văn của mô hình phát triển mà Đảng Cộng sản Việt Nam kiên định theo đuổi. Phát triển không chỉ được đo bằng tốc độ tăng trưởng GDP hay quy mô kinh tế, mà trước hết phải được đo bằng chất lượng cuộc sống và



hạnh phúc của nhân dân. Một quốc gia chỉ thực sự phát triển khi người dân được sống khỏe mạnh, an toàn và có cơ hội phát triển toàn diện. Vì vậy, mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế và nâng cao tuổi thọ chính là thước đo cụ thể của tiến bộ và công bằng xã hội, thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ, khẳng định mục tiêu phát triển vì con người và không để ai bị bỏ lại phía sau.

Tóm lại, mở rộng bảo hiểm y tế và nâng cao tuổi thọ không chỉ là nhiệm vụ của ngành y tế, mà là một cấu phần chiến lược trong tổng thể đường lối phát triển đất nước. Đó vừa là giải pháp bảo đảm dân sinh, củng cố ổn định xã hội, vừa là đầu tư cho nguồn nhân lực và tăng trưởng dài hạn, đồng thời khẳng định giá trị nhân văn và định hướng tiến bộ của chế độ. Chính vì vậy, đây là một trong những nội dung có ý nghĩa nền tảng, góp phần tạo dựng cơ sở xã hội - con người vững chắc cho mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.

Câu hỏi 51: Vì sao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là động lực then chốt để xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới?

Trả lời:

Đại hội XIV của Đảng xác định, *khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số* là động lực then chốt của chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới không chỉ

xuất phát từ yêu cầu nội tại của quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, mà còn từ sức ép khách quan của thời đại, nhất là tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đây thực chất là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định năng lực cạnh tranh, vị thế quốc gia và tương lai phát triển lâu dài của dân tộc.

Thứ nhất, khoa học, công nghệ là con đường căn bản để tạo ra tăng trưởng mới và vượt qua giới hạn của mô hình phát triển truyền thống. Thực tiễn cho thấy, mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên, lao động giá rẻ và mở rộng đầu tư theo chiều rộng đã dần bộc lộ những điểm nghẽn như: năng suất thấp, hiệu quả sử dụng nguồn lực giảm, sức cạnh tranh suy yếu, sự phát triển không bền vững. Trong khi đó, tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho phép nâng cao hàm lượng tri thức trong từng sản phẩm, tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí, tiết kiệm tài nguyên và tạo ra các ngành, nghề, thị trường mới. Nhờ vậy, nền kinh tế có thể phát triển theo chiều sâu, dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, thay vì chỉ dựa vào số lượng. Nói cách khác, muốn phát triển nhanh và bền vững thì không thể chỉ *làm nhiều hơn*, mà phải *làm thông minh hơn*, và đó chính là vai trò cốt lõi, sống còn của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh mới.

Thứ hai, trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cạnh tranh giữa các quốc gia ngày nay thực chất là cạnh tranh về công nghệ, dữ liệu, tiêu chuẩn và năng lực đổi mới. Quốc gia nào làm chủ được công nghệ lõi,

xây dựng được hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và kinh tế số phát triển thì quốc gia đó sẽ nắm giữ vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đẩy mạnh chuyển đổi số giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, giảm chi phí giao dịch, tăng khả năng kết nối thị trường, đáp ứng nhanh các tiêu chuẩn xanh và số của thương mại quốc tế. Nhờ vậy, nền kinh tế không chỉ thu hút đầu tư mà còn có điều kiện tham gia sâu hơn vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Đây là con đường thiết thực để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và nâng tầm vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ ba, chuyển đổi số cũng là nền tảng quan trọng để hiện đại hóa quản trị quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và chất lượng phục vụ nhân dân. Khi quản lý dựa trên dữ liệu số, hệ thống thông tin liên thông và các nền tảng công nghệ hiện đại, việc hoạch định chính sách sẽ kịp thời, chính xác hơn; thủ tục hành chính được đơn giản hóa; chi phí xã hội giảm xuống; tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình được tăng cường. Qua đó, xây dựng nền hành chính phục vụ, kiến tạo phát triển, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đây là yêu cầu khách quan của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện đại.

Thứ tư, trong kỷ nguyên số, công nghệ còn gắn chặt với vấn đề độc lập, tự chủ và an ninh quốc gia. Chủ quyền ngày nay không chỉ thể hiện ở lãnh thổ vật lý mà còn ở

không gian mạng, dữ liệu và hạ tầng số. Nếu phụ thuộc vào công nghệ và nền tảng bên ngoài, nền kinh tế sẽ dễ bị tổn thương trước những biến động địa - chính trị và cạnh tranh chiến lược toàn cầu. Do đó, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chính là điều kiện quan trọng để củng cố tự chủ chiến lược, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế và bảo đảm an ninh quốc gia trong bối cảnh mới.

Đặc biệt, sức ép của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư càng làm nổi bật tính cấp thiết của nhiệm vụ này. Với sự phát triển theo cấp số nhân của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật và tự động hóa thông minh, các phương thức sản xuất kinh doanh và quản trị truyền thống đang bị thay thế nhanh chóng. Quốc gia nào chậm đổi mới sẽ nhanh chóng tụt hậu, bị gạt ra khỏi chuỗi giá trị toàn cầu; ngược lại, quốc gia biết nắm bắt thời cơ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo sẽ có cơ hội “đi tắt, đón đầu”, rút ngắn khoảng cách phát triển. Trong bối cảnh đó, đầu tư cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số không còn là lựa chọn mang tính khuyến khích, mà là yêu cầu mang tính sống còn: Không đổi mới sẽ mất cơ hội, không làm chủ công nghệ sẽ phụ thuộc, và chỉ bằng sáng tạo mới có thể bứt phá.

Tóm lại, Đại hội XIV của Đảng xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt của phát triển thể hiện tầm nhìn chiến lược và tư duy phát triển hiện đại. Đó vừa là động lực thúc đẩy



tăng trưởng, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh, vừa là nền tảng để hiện đại hóa quản trị quốc gia, củng cố tự chủ chiến lược và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Câu hỏi 52: Văn kiện Đại hội XIV đề ra những giải pháp nào nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia? Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia có ý nghĩa gì đối với việc thực hiện các mục tiêu xây dựng, phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới?

Trả lời:

1. Văn kiện Đại hội XIV đã đề ra những giải pháp toàn diện, đồng bộ để nâng cao hiệu quả hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, đó là:

Thứ nhất, đặt hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển đất nước.

Văn kiện Đại hội XIV xác định rõ: Trong bối cảnh thế giới đang chuyển mạnh sang mô hình phát triển dựa trên tri thức, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, đổi mới sáng tạo không còn là lĩnh vực hỗ trợ, mà trở thành động lực then chốt, quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia, năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng. Vì vậy, việc xây dựng và nâng cao hiệu quả hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia được coi là một nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong kỷ nguyên mới.

Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia không chỉ bao gồm hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, mà là một chỉnh thể liên thông, trong đó Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, đội ngũ trí thức, thị trường và các thể chế chính sách cùng tham gia, tương tác và hỗ trợ lẫn nhau. Trên cơ sở nhận thức đó, Văn kiện Đại hội XIV đề ra nhiều giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống này.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Một trong những giải pháp trọng tâm được Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh là hoàn thiện thể chế phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng đồng bộ, thông thoáng, lấy hiệu quả và sản phẩm đầu ra làm thước đo. Văn kiện yêu cầu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, khắc phục tình trạng hành chính hóa, bao cấp, dàn trải trong đầu tư nghiên cứu; chuyển từ quản lý theo quá trình sang quản lý theo kết quả, gắn nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn của phát triển kinh tế - xã hội.

Đặc biệt, Văn kiện nhấn mạnh việc tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi để doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ và làm chủ công nghệ mới. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt, hỗ trợ thông qua chính sách tài chính, thuế, tín dụng, bảo hộ sở hữu trí tuệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.



Thứ ba, phát triển mạnh nguồn nhân lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Văn kiện Đại hội XIV khẳng định con người là yếu tố quyết định thành công của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Do đó, giải pháp có tính nền tảng là phát triển mạnh nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học, kỹ sư, nhà quản lý công nghệ, doanh nhân đổi mới sáng tạo.

Văn kiện yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển năng lực sáng tạo, tư duy khoa học, kỹ năng số; tăng cường gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu và nhu cầu của thị trường lao động. Đồng thời, có cơ chế đặc thù để thu hút, trọng dụng nhân tài, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế, tạo điều kiện để đội ngũ trí thức yên tâm cống hiến, phát huy năng lực sáng tạo vì sự phát triển của đất nước.

Thứ tư, tăng cường liên kết giữa các chủ thể trong hệ thống đổi mới sáng tạo.

Một điểm nhấn quan trọng trong Văn kiện Đại hội XIV là yêu cầu khắc phục tình trạng chia cắt, thiếu liên thông giữa các khâu trong hệ thống đổi mới sáng tạo. Văn kiện đề ra giải pháp thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp; giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng với thương mại hóa kết quả nghiên cứu; giữa khu vực công và khu vực tư.

Việc hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo được xác định

là công cụ quan trọng để kết nối các chủ thể, lan tỏa tri thức và công nghệ, thúc đẩy hình thành các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học - công nghệ trong mọi lĩnh vực.

Văn kiện Đại hội XIV coi chuyển đổi số gắn với đổi mới sáng tạo là giải pháp đột phá để nâng cao hiệu quả hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Cần đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... trong quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

Thông qua chuyển đổi số, tri thức được lan tỏa nhanh hơn, chi phí đổi mới sáng tạo được giảm xuống, khả năng kết nối giữa các chủ thể trong hệ thống được tăng cường, từ đó tạo ra động lực mới cho tăng trưởng và phát triển bền vững.

2. Ý nghĩa của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia đối với mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

Thứ nhất, hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia là động lực trực tiếp nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, giúp Việt Nam thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình và vươn lên nhóm nước phát triển có thu nhập cao.

Thứ hai, hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia góp phần bảo đảm tính tự chủ, tự cường của nền kinh tế, nâng cao

năng lực làm chủ công nghệ, giảm phụ thuộc vào bên ngoài trong các lĩnh vực then chốt, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và biến động toàn cầu ngày càng phức tạp.

Thứ ba, đổi mới sáng tạo tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, phù hợp với mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc mà Văn kiện Đại hội XIV đã xác định.

Có thể khẳng định, Văn kiện Đại hội XIV đã tiếp cận vấn đề hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia với tầm nhìn chiến lược, toàn diện và dài hạn. Những giải pháp được đề ra không chỉ nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động khoa học - công nghệ trước mắt, mà còn hướng tới xây dựng nền tảng phát triển quốc gia dựa trên tri thức, sáng tạo và con người, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới. Đây là nội dung cốt lõi cần được quán triệt sâu sắc trong quá trình học tập và triển khai Nghị quyết Đại hội XIV.

Câu hỏi 53. Nội dung Nghị quyết Đại hội XIV về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là gì, có ý nghĩa như thế nào? Những giải pháp đột phá về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong giai đoạn tới là gì?

Trả lời:

1. Nội dung của Nghị quyết Đại hội XIV về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Văn kiện Đại hội XIV khẳng định quan điểm nhất quán: Tài nguyên là tài sản quốc gia đặc biệt quan trọng; môi trường là nền tảng của sự sống và phát triển bền vững. Nghị quyết xác định một số nội dung trọng tâm sau:

Thứ nhất, quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các loại tài nguyên, nhất là đất đai, nước, khoáng sản, rừng, biển và tài nguyên sinh học. Việc khai thác tài nguyên phải gắn với quy hoạch tổng thể quốc gia, bảo đảm lợi ích lâu dài của đất nước, tránh khai thác ngắn hạn, tận thu, gây hệ lụy cho các thế hệ sau.

Thứ hai, bảo vệ môi trường trở thành yêu cầu xuyên suốt trong mọi chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Đại hội XIV nhấn mạnh không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần; phát triển phải hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và cam kết quốc tế của Việt Nam.

Thứ ba, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế và xã hội. Đây là nội dung được nhấn mạnh hơn so với các nhiệm kỳ trước, phản ánh yêu cầu cấp bách trong bối cảnh thiên tai, thời tiết cực đoan, nước biển dâng ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh lương thực, sinh kế và ổn định xã hội.

2. Chủ trương của Đại hội XIV về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường có ý nghĩa chiến lược trên nhiều phương diện:

Trước hết, đây là điều kiện tiên quyết để bảo đảm phát triển bền vững lâu dài. Tài nguyên thiên nhiên hữu hạn, môi trường dễ bị tổn thương; nếu không được quản lý tốt, những tổn thất về môi trường sẽ làm triệt tiêu thành quả phát triển kinh tế, thậm chí gây khủng hoảng xã hội.

Thứ hai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh quốc gia. Việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn sẽ giúp giảm chi phí xã hội, nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế ngày càng khắt khe.

Thứ ba, đây còn là yếu tố quan trọng bảo đảm an ninh con người và ổn định xã hội. Môi trường trong lành, tài nguyên được sử dụng hợp lý là nền tảng của sức khỏe cộng đồng, sinh kế bền vững và niềm tin xã hội.

3. Những giải pháp đột phá về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong giai đoạn tới

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các cam kết quốc tế. Tăng cường kỷ luật,

kỷ cương; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

Thứ hai, đổi mới phương thức quản lý tài nguyên theo hướng tổng hợp, liên ngành, dựa trên hệ sinh thái, khắc phục tình trạng quản lý phân tán, cục bộ theo từng lĩnh vực. Quản lý tài nguyên đất, nước, rừng, biển cần được đặt trong mối quan hệ thống nhất, gắn với không gian phát triển và bảo vệ môi trường sinh thái.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý tài nguyên và môi trường. Việc sử dụng dữ liệu lớn, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo sẽ nâng cao năng lực dự báo, giám sát, quản lý và ra quyết định, góp phần sử dụng hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên và kiểm soát ô nhiễm.

Thứ tư, phát triển mạnh kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, khuyến khích doanh nghiệp và người dân thay đổi mô hình sản xuất, tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường. Đây là giải pháp vừa bảo vệ môi trường, vừa tạo ra động lực tăng trưởng mới, phù hợp với xu thế phát triển toàn cầu.

Thứ năm, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và sự tham gia của toàn xã hội trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước, mà còn là nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi tổ chức, cá nhân; cần xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, lối sống xanh, bền vững trong cộng đồng.

Nghị quyết Đại hội XIV về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường thể hiện tư duy phát triển bền vững, tầm nhìn dài hạn và trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai. Việc xác định rõ nội dung, ý nghĩa và các giải pháp đột phá trong lĩnh vực này không chỉ nhằm giải quyết những vấn đề trước mắt, mà còn tạo nền tảng vững chắc để đất nước phát triển nhanh, bền vững, hài hòa với tự nhiên trong kỷ nguyên mới. Đây là yêu cầu xuyên suốt, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong quá trình triển khai Nghị quyết Đại hội XIV.

Phần thứ bảy

NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

Câu hỏi 54: Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV là gì?

Trả lời:

1. Quan điểm về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV là: Phát huy sức mạnh, bản lĩnh, trí tuệ của con người Việt Nam, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thế trận lòng dân; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường với củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc.



2. Mục tiêu, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV là: Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ thành quả cách mạng, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ nền văn hóa và uy tín, vị thế quốc tế của đất nước; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng; tăng cường quốc phòng toàn dân, phòng thủ chủ động; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, giữ vững và củng cố môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước.

Câu hỏi 55: Nội dung, giải pháp tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bối cảnh mới được Văn kiện Đại hội XIV xác định như thế nào?

Trả lời:

Thứ nhất, tăng cường tiềm lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia; xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ chủ động vững chắc.

Thứ hai, thực hiện có hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa

quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại để phát huy sức mạnh mềm Việt Nam góp phần tạo thế và lực mới cho đất nước.

Thứ ba, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật bảo vệ chủ quyền quốc gia. Chủ động chuẩn bị nguồn lực quốc gia, nâng cao khả năng huy động đáp ứng yêu cầu trong mọi tình huống quốc phòng, an ninh.

Thứ tư, đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại; chú trọng tăng đầu tư hợp lý cho quốc phòng, an ninh, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân trong bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước mọi tình huống, nhất là chiến tranh công nghệ cao.

Thứ năm, chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, mất an ninh, trật tự từ sớm, từ xa. Bảo đảm về mọi mặt để giữ vững ổn định chính trị, xã hội, không để xảy ra bạo loạn, khủng bố; ứng phó kịp thời, hiệu quả thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Thứ sáu, kiên quyết đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh.

Thứ bảy, đẩy mạnh hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng, an ninh, tích cực tham gia hiệu quả các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm họa, khắc phục hậu quả chiến tranh.

Thứ tám, tập trung nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học quân sự, khoa học an ninh, thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại. Chú trọng tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận về quốc phòng, an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam, nghệ thuật chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

Câu hỏi 56: Những yêu cầu mới trong Văn kiện Đại hội XIV về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là gì? Vì sao phải xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại?

Trả lời:

1. Những yêu cầu mới trong Văn kiện Đại hội XIV về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Thứ nhất, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, kiên định với mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng;

bảo đảm chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu cao, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, xây dựng nền quốc phòng vững mạnh, hiện đại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

Thứ hai, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, giữ vững và phát huy truyền thống Quân đội nhân dân, phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” và phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam; thực hiện tốt chức năng đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động, sản xuất.

Thứ tư, tiếp tục hoàn chỉnh tổ chức bộ máy Công an nhân dân theo hướng “Bộ tinh, tỉnh toàn diện, xã vững mạnh, bám cơ sở”. Giữ vững và phát huy truyền thống Công an nhân dân “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ”.

Thứ năm, xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, trên các vùng, miền, trên biển; xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh.

Thứ sáu, quan tâm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho lực lượng vũ trang; thực hiện tốt chính sách đối với lực lượng vũ trang và chính sách hậu phương quân đội, công an.



2. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại là yêu cầu khách quan, cấp thiết, xuất phát từ bối cảnh thế giới, khu vực, tình hình trong nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên phát triển mới

Thứ nhất, bối cảnh tình hình thế giới và khu vực đang biến động sâu sắc, nhanh chóng và khó dự báo. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, nhất là trên các lĩnh vực quân sự, công nghệ cao, kinh tế và tư tưởng. Chiến tranh, xung đột diễn ra dưới nhiều hình thức mới như chiến tranh mạng, chiến tranh thông tin, chiến tranh tâm lý, can thiệp chính trị, gây bất ổn từ bên trong..., đòi hỏi Quân đội và Công an phải không ngừng nâng cao sức mạnh tổng hợp và khả năng ứng phó hiệu quả.

Thứ hai, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức lực lượng vũ trang, phương thức tác chiến quân sự và bảo đảm an ninh quốc gia. Quốc phòng, an ninh ngày nay không chỉ là bảo vệ lãnh thổ hữu hình mà còn bảo vệ không gian mạng, chủ quyền số, an ninh tư tưởng, an ninh kinh tế và an ninh xã hội. Nhiều quốc gia đã và đang tổ chức lại lực lượng, đẩy mạnh hiện đại hóa Quân đội và Công an với vũ khí công nghệ cao, vũ khí thông minh, trí tuệ nhân tạo. Cùng với đó, các loại tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, xuyên quốc gia, ngày càng tinh vi, phức tạp hơn.

Thứ ba, sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng và bước vào kỷ nguyên phát triển mới đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; song cũng phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức, nhất là âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và các cách thức, thủ đoạn tội phạm mới.

Thứ tư, yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đòi hỏi Quân đội nhân dân và Công an nhân dân phải tiếp tục điều chỉnh tổ chức lực lượng theo hướng tinh, gọn, mạnh, cơ cấu hợp lý, giảm đầu mối trung gian, nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, bảo đảm phù hợp với đường lối quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới.

Thứ năm, những thành tựu to lớn qua 40 năm đổi mới nói chung, thành tựu của quá trình xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân nói riêng là điều kiện, tiền đề để xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân hiện đại, đủ sức bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi tình huống.

Câu hỏi 57: Tại sao Văn kiện Đại hội XIV yêu cầu kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại với quốc phòng, an ninh trong kỷ nguyên phát triển mới?

Trả lời:

Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại với quốc phòng, an ninh trong kỷ nguyên phát triển mới, vì:

Thứ nhất, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại là yêu cầu mang tính nguyên tắc, chiến lược, xuyên suốt, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, thực hiện sự kết hợp này thời gian qua bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế, bất cập. Bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa được chú trọng đúng mức.

Thứ hai, bối cảnh tình hình mới vừa đem lại thời cơ, thuận lợi nhưng cũng đặt ra nhiều nguy cơ, thách thức về bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; về giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, văn hóa, con người Việt Nam. Các thách thức an ninh phi truyền thống, như: an ninh con người, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia có tổ chức, tội phạm công nghệ cao, di cư bất hợp pháp, thảm họa môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai. Điều đó càng đòi hỏi quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc không thể tách rời mà phải được triển khai

đồng bộ, chặt chẽ ngay trong hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại.

Thứ ba, trong điều kiện nguồn lực đất nước còn hạn chế, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại với quốc phòng, an ninh sẽ tránh phân tán, chồng chéo, lãng phí, phát huy hiệu quả tổng hợp các nguồn lực; qua đó có thể huy động, khai thác hiệu quả tính lưỡng dụng của kết cấu hạ tầng, khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực quốc phòng, an ninh; đồng thời gắn xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh với nâng cao năng lực phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế, văn hóa Việt Nam.

Thứ tư, việc kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại với quốc phòng, an ninh nhằm củng cố vững chắc thể trận lòng dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững mạnh từ cơ sở. Bởi phát triển kinh tế, văn hóa gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân sẽ gia tăng niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, tạo sức mạnh nội sinh quyết định trong bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại với quốc phòng, an ninh là giải pháp quan trọng để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, bằng biện pháp hòa bình là chủ yếu. Phát huy vai trò của đối ngoại trong giữ vững môi trường hòa bình, ổn định;



nâng cao vị thế, uy tín quốc gia; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ xung đột, không để bị động, bất ngờ về chiến lược, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho đất nước phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới.

Để mối quan hệ phối hợp này nâng lên tầm cao mới, thực sự chặt chẽ, hiệu quả, tháo gỡ được những hạn chế vướng mắc đã tồn tại từ trước đến nay cần phải:

Một là, xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả thể chế, chính sách, pháp luật về kết hợp giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại với quốc phòng, an ninh phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Hai là, từ gợi mở đồng thời cũng là chỉ đạo chiến lược của Tổng Bí thư Tô Lâm, công tác quốc phòng, an ninh cùng nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống, còn phải thực sự trở thành động lực trực tiếp cho sự phát triển đất nước.

Câu hỏi 58: Quan điểm mới về phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV là gì?

Trả lời:

Quan điểm mới về phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV là: *“Đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại”*. Quan điểm này thể hiện tư duy mới, tầm nhìn chiến lược của

Đảng về phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, phù hợp với bối cảnh, tình hình và yêu cầu sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên phát triển mới.

Thứ nhất, đây là lần đầu tiên Đảng ta khẳng định phải “đột phá phát triển” thay vì chỉ “phát triển” hoặc “xây dựng” như trong các văn kiện đại hội và nghị quyết của Đảng trước đây về phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh. Đồng thời, cùng với tiếp tục quan điểm “*lương dụng, hiện đại*” của Đại hội XIII, Đảng bổ sung các thành tố “*tự chủ, tự lực, tự cường*” trong phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Thứ hai, xác định đầy đủ 5 thành tố “*tự chủ, tự lực, tự cường, lương dụng, hiện đại*” trong phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh tại Đại hội XIV nhằm: (1) Phát huy nội lực, tự lực, tiến tới tự chủ chiến lược trong suốt quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất và phát triển. (2) Khai thác tối đa tính lương dụng của sản phẩm, giảm chi phí và nâng cao giá trị sử dụng. (3) Không ngừng đổi mới, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, bảo đảm chất lượng sản phẩm ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước mọi tình huống, nhất là chiến tranh công nghệ cao.

Thứ ba, quan điểm mới này thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Đảng, nhằm tạo ra bước chuyển căn bản về chất, đưa công nghiệp quốc phòng, an ninh phát triển tự chủ,

tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, đủ sức đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống và đóng góp thiết thực cho sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Câu hỏi 59: Quan điểm mới của Đại hội XIV về đối ngoại và hội nhập quốc tế là gì?

Trả lời:

Thứ nhất, Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế” và nâng cấp vai trò, vị thế của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế ngang hàng với công tác quốc phòng, an ninh, cùng giữ vị trí “trọng yếu, thường xuyên”. Quan điểm chỉ đạo thứ hai trong Báo cáo chính trị viết: “Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; *tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên*”.

Quan điểm nâng cấp vai trò, vị thế của công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc. *Về lý luận*, chủ nghĩa Mác - Lênin đề cao vai trò quan trọng của công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế của các đảng cộng sản cầm quyền để xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời rất coi trọng vai trò của đối ngoại, xem đó là một bộ phận hợp thành của chiến lược cách mạng Việt Nam, một mặt trận quan trọng nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức

mạnh thời đại để bảo vệ độc lập, chủ quyền và xây dựng đất nước.

Về thực tiễn, lịch sử thế giới và Việt Nam cho thấy công tác đối ngoại/ngoại giao luôn đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và hưng thịnh của quốc gia. Việc luôn đặt cách mạng Việt Nam trong mối liên hệ với khu vực và thế giới giúp Đảng ta huy động sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và phá thế bao vây, cấm vận, vươn mình hội nhập, phát triển để có cơ đồ, tiềm lực và vị thế như ngày nay.

Quan điểm chỉ đạo mới này phản ánh sự ghi nhận và tin tưởng ngày càng cao của Đảng với những đóng góp, vai trò ngày càng quan trọng của công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế. Đồng thời, cho phép nâng cao vai trò của Bộ Ngoại giao và những cơ quan làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế khác ở Trung ương và địa phương; là cơ sở để tạo lập các phương thức ngoại giao, như: “ngoại giao kinh tế”, “ngoại giao văn hóa”, “đối ngoại quốc phòng, an ninh”, “ngoại giao công nghệ”... để thu hút vốn, công nghệ, nguồn lực quốc tế và gia tăng sức mạnh mềm quốc gia.

Thứ hai, Đại hội XIV của Đảng bổ sung nội hàm “tự cường” trong đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, tự cường, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển” và bổ sung thêm nội dung “phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước”. Về hội nhập quốc tế, Đại hội đặt ra yêu cầu “hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, đồng bộ và hiệu quả”, “nâng cao



vai trò, vị trí của Việt Nam trong nền chính trị thế giới, kinh tế toàn cầu và văn minh nhân loại”, “tham gia chủ động, có trách nhiệm hơn vào việc giải quyết các vấn đề chung của quốc tế và khu vực” và “góp phần kiến tạo trật tự quốc tế và khu vực công bằng, bình đẳng, cùng có lợi, dựa trên luật pháp quốc tế”.

“Tự cường” hàm ý mạnh mẽ về thể chất, tinh thần, ý chí, bản lĩnh, tự tin vào khả năng của bản thân, của dân tộc, dám đối mặt với khó khăn, thử thách, không chịu khuất phục hay phụ thuộc vào nước ngoài, sánh vai cùng các cường quốc năm châu, đồng hành cùng cộng đồng quốc tế giải quyết những thách thức chung. Quan điểm mới này phản ánh sự tự tin, tính chủ động trong quan hệ quốc tế, tư duy nhìn nhận tầm vóc, vị thế quốc gia trong kỷ nguyên mới một cách toàn diện, bao hàm quy mô phát triển kinh tế, giá trị lịch sử, chiều sâu văn hóa, bản sắc Việt Nam... mà tiền nhân đã dày công vun đắp; đồng thời khẳng định khả năng đóng góp của đất nước vào hòa bình, hợp tác và phát triển của nhân loại. Sự phát triển nhận thức này của Đảng ta là thỏa đáng dựa trên cơ sở truyền thống hào hùng của dân tộc từ thuở dựng nước đến nay và thành tựu to lớn của đất nước ta qua 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Thứ ba, về phương hướng nhiệm vụ và phương thức tiến hành hoạt động đối ngoại, Đại hội XIV nhấn mạnh nội dung “đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương”, “chủ động tham gia xây dựng, định hình các thể chế đa phương”, “phát huy hiệu quả các phương thức ngoại giao đa dạng, đặc biệt



là cấp cao, ngoại giao chuyên ngành”, “triển khai có hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế”, “xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp”, “đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao” và “bảo đảm nguồn lực cho đối ngoại tương xứng với thế và lực mới của đất nước để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”. Những điểm mới này là sự phát triển nhận thức của Đảng ta từ quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng thời gian qua, căn cứ tiềm lực của đất nước đã tích lũy được qua 40 năm đổi mới và trong tương quan sức mạnh quốc gia trong cộng đồng quốc tế cũng như đáp ứng yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước trong giai đoạn tới.

Câu hỏi 60: Những nội dung, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh triển khai hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đã được Đại hội XIV xác định như thế nào?

Trả lời:

Thứ nhất, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc,



hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. Chủ động, tích cực đóng góp vào hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững trên tinh thần là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; tham gia chủ động, có trách nhiệm vào việc giải quyết các vấn đề chung của khu vực và quốc tế.

Thứ hai, tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại, phối hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh, các ngành, các cấp, các địa phương chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; tranh thủ các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài cho sự phát triển đất nước.

Thứ ba, kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam; thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển bằng các biện pháp hòa bình, tăng cường hợp tác quốc tế, bảo đảm an ninh, an toàn, tự do hàng hải và hàng không ở Biển Đông trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Xây dựng, củng cố đường biên giới hòa bình, hữu nghị, an ninh, hợp tác và phát triển; phối hợp giải quyết các vấn đề còn tồn tại và nảy sinh liên quan đến đường biên giới trên bộ, trên biển với các nước láng giềng.

Thứ tư, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên cả 3 trụ cột: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp với đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao. Bảo đảm nguồn lực cho đối ngoại tương xứng với thế và lực mới của đất nước để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thứ năm, nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong nền chính trị thế giới, kinh tế toàn cầu và văn minh nhân loại. Phát huy hiệu quả các phương thức ngoại giao đa dạng, đặc biệt là ngoại giao cấp cao, ngoại giao chuyên ngành. Coi trọng và đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, công tác lãnh sự, bảo hộ công dân, triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Đẩy mạnh ngoại giao toàn diện phục vụ phát triển, trọng tâm là ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ. Nâng cao hiệu quả của ngoại giao văn hóa, quốc phòng, an ninh; rà soát, đôn đốc triển khai thực hiện có hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế; chú trọng các hoạt động quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện lý luận về đường lối đối ngoại Việt Nam.

Thứ sáu, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, đồng bộ và hiệu quả nhằm phát huy tiềm năng,

thế và lực mới của đất nước, tạo động lực quan trọng để phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng, các nước lớn, các nước Đông Nam Á, các nước bạn bè truyền thống và các đối tác quan trọng, tiềm năng khác đi vào chiều sâu, thực chất, ổn định, tăng độ tin cậy và bền vững lâu dài. Tranh thủ và phát huy tối đa cơ hội từ các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện.

Thứ bảy, đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương; đề cao, bảo vệ và phát huy vai trò của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc; vai trò thành viên chủ động, tích cực, quan trọng và có trách nhiệm tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là các cơ chế có tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước như: ASEAN, hợp tác tiểu vùng Mê Kông, Liên hợp quốc, APEC...; phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể; chủ động tham gia xây dựng, định hình các thể chế đa phương.

Thứ tám, chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN tăng cường hiệu quả hợp tác, xây dựng Cộng đồng vững mạnh; củng cố đoàn kết và vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực và góp phần kiến tạo trật tự quốc tế và khu vực công bằng, bình đẳng, cùng có lợi, dựa trên luật pháp quốc tế.

Phần thứ tám

**NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

Câu hỏi 61: Phát huy vai trò chủ thể, trung tâm của nhân dân trong công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?

Trả lời:

Phát huy vai trò chủ thể, trung tâm của nhân dân trong công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như sau:

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu.

Thứ hai, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện



pháp luật về dân chủ ở cơ sở. Thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở; chống các biểu hiện dân chủ hình thức. Thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Thứ ba, phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Thực hiện nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về các quyết định của mình.

Thứ tư, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có cơ chế phù hợp, thuận lợi và tin cậy để nhân dân tham gia ý kiến vào quá trình hoạch định đường lối, chính sách, quyết định những vấn đề lớn và quan trọng của đất nước; nêu cao trách nhiệm tiếp thu, trách nhiệm thông tin, giải trình của các cơ quan Đảng, Nhà nước đối với những kiến nghị, đề xuất của nhân dân.

Thứ năm, cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, trách nhiệm, đạo đức xã hội. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân trong đại diện thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Thứ sáu, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường trách nhiệm, trật tự, kỷ cương xã hội; tăng cường đồng thuận xã hội gắn với đề cao ý thức trách nhiệm của công dân; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân,

lợi dụng dân chủ chống phá Đảng, Nhà nước, làm mất ổn định chính trị - xã hội, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xâm phạm quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Câu hỏi 62: Nội dung cơ bản và giải pháp về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?

Trả lời:

1. Nội dung cơ bản về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV:

Thứ nhất, khẳng định dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển, gắn chặt với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ lợi ích chính đáng của nhân dân.

Thứ hai, bảo đảm và tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực, thực hiện đầy đủ phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Thứ ba, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tập hợp, phản ánh

ý chí, nguyện vọng của nhân dân; tăng cường giám sát, phản biện xã hội.

Thứ tư, kết hợp chặt chẽ phát huy dân chủ với tăng cường kỷ cương, pháp luật, phòng, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực; bảo đảm dân chủ đi vào thực chất, hiệu quả, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

2. Giải pháp phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường trách nhiệm, trật tự, kỷ cương xã hội; tăng cường đồng thuận xã hội gắn với đề cao ý thức trách nhiệm của công dân.

Thứ hai, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Thứ ba, có cơ chế phù hợp, thuận lợi và tin cậy để nhân dân tham gia ý kiến vào quá trình hoạch định đường lối, chính sách, quyết định những vấn đề lớn và quan trọng của đất nước; nêu cao trách nhiệm tiếp thu, trách nhiệm thông tin, giải trình của các cơ quan Đảng, Nhà nước đối với những kiến nghị, đề xuất của nhân dân. Thực hiện đầy đủ

các quyền dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở; chống các biểu hiện dân chủ hình thức.

Thứ tư, cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, trách nhiệm, đạo đức xã hội. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân trong đại diện thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Thứ năm, đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong giai đoạn mới.

Câu hỏi 63: Nội dung và giải pháp phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào? Những điểm mới nổi bật là gì?

Trả lời:

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã xác định rõ nội dung cơ bản và giải pháp xuyên suốt, tập trung vào các điểm cốt lõi về phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc như sau:

1. Nội dung phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng

Thứ nhất, xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh

giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đánh giá đầy đủ tiềm năng, thế mạnh và phát huy mạnh mẽ vai trò của mọi tầng lớp nhân dân trong đại gia đình dân tộc, từ giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân, đến thế hệ, lứa tuổi, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, cựu Công an nhân dân, người cao tuổi, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ hai, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm mục tiêu cao nhất; giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích; bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc, giai cấp, tầng lớp xã hội và mỗi người dân trong tiếp cận cơ hội và thụ hưởng thành quả phát triển; nêu cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, cộng đồng với quốc gia - dân tộc.

Thứ ba, đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân về truyền thống yêu nước, nhân ái, tương thân tương ái; “Dân là gốc”, nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới toàn diện, xây dựng, bảo vệ và phát triển bền vững đất nước.

2. Các giải pháp để phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Thứ nhất, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới nội dung,



phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân để tập hợp, vận động nhân dân tốt hơn. Gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, tạo cơ sở vật chất vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chú trọng thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, chăm lo cho các đối tượng chính sách, người yếu thế, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Thứ hai, phát huy dân chủ, tôn trọng và bảo đảm quyền con người. Thực hiện tốt dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Lắng nghe, phản biện, tiếp thu ý kiến của nhân dân. Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của mọi người dân. Quan tâm xây dựng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Tập trung đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; dựa vào dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Thứ ba, tăng cường đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng các dân tộc. Bảo đảm bình đẳng, tương trợ, cùng phát triển; phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng dân tộc, tôn giáo. Phát huy mạnh mẽ nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, xem đây là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi để họ đóng góp xây dựng quê hương, đất nước.

3. Những điểm mới nổi bật trong Văn kiện Đại hội XIV về phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Thứ nhất, nhấn mạnh yếu tố “niềm tin” và “đồng thuận xã hội”. Lần đầu tiên, Văn kiện Đại hội XIV đặt vấn đề “củng cố, phát huy niềm tin của nhân dân” như một nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm. Đây là điểm then chốt, vì sự đoàn kết chỉ bền vững khi dựa trên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Đề cao việc “tạo sự đồng thuận cao trong xã hội”, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là phương pháp để phát huy sức mạnh tập thể của cả dân tộc.

Thứ hai, gắn kết chặt chẽ đại đoàn kết với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Nhận thức rõ rằng muốn đoàn kết dân tộc, trước hết phải đoàn kết nội bộ Đảng, phải làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh. Việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được xác định là nhiệm vụ then chốt để giữ vững niềm tin và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ ba, tiếp cận đại đoàn kết một cách toàn diện và sâu rộng hơn. Trong lĩnh vực kinh tế: Khuyến khích, tạo môi trường để mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, doanh nghiệp, doanh nhân đều có thể đóng góp, cùng phát triển đất nước giàu mạnh. Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: Coi trọng vai trò của trí thức, văn nghệ sĩ, chuyên gia; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, tinh thần cống hiến trong mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên. Với cộng đồng người

Việt Nam ở nước ngoài: Có cách tiếp cận mở, thiết thực hơn, coi trọng cả nguồn lực vật chất và trí tuệ; đồng thời, tạo điều kiện để họ giữ gìn bản sắc văn hóa, hướng về Tổ quốc.

Thứ tư, phương thức thực hiện được nhấn mạnh là “tiếp tục đổi mới”: Nhấn mạnh việc “đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức tập hợp, vận động nhân dân” của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể nhân dân một cách thiết thực, hiệu quả. Cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với từng nhóm đối tượng trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tóm lại, điểm mới nổi bật về đại đoàn kết toàn dân tộc trong Văn kiện Đại hội XIV là chuyển từ nhận thức về “phát huy” sang tập trung xây dựng, củng cố nền tảng của đại đoàn kết toàn dân tộc, đó chính là niềm tin và đồng thuận xã hội, thông qua việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát triển kinh tế - xã hội và thực hành dân chủ rộng rãi, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Câu hỏi 64: Quan điểm của Đại hội XIV về hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là gì? Các giải pháp hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới?

Trả lời:

Quan điểm của Đại hội XIV về hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định:

“Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; luôn phải đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Nghiên cứu sửa đổi tổng thể Hiến pháp năm 2013 phù hợp với thực tiễn, yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới”.

Nội dung giải pháp hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới:

Thứ nhất, tiếp tục xây dựng Quốc hội thực sự là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân; phát huy tính dân chủ, pháp quyền, hiện đại, chuyên nghiệp, khoa học, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm giải thích pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đổi mới tư duy, hoàn thiện phương thức và quy trình xây dựng pháp luật bảo đảm tính chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.

Thứ hai, tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan

ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Phát huy vai trò của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ trong xây dựng thể chế phát triển, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, quản lý vĩ mô, cơ chế phân cấp, phân quyền, phân công, phối hợp và kiểm tra, giám sát. Tiếp tục đổi mới, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, giảm mạnh các thủ tục hành chính trong hoạt động của Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền địa phương.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế, mối quan hệ công tác giữa các cấp chính quyền. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Tiếp tục hoàn thiện việc vận hành chính quyền địa phương hai cấp, khai thác hiệu quả không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, vùng phù hợp với đặc thù từng địa bàn, gắn với yêu cầu phát triển vùng, liên kết vùng.

Thứ tư, tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và hoạt động hiệu lực, hiệu quả của hệ thống Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; hoàn thiện các thiết chế trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư pháp và các thiết chế khác, góp phần xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; nâng cao hiệu quả các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án; tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ



tư pháp, trợ giúp pháp lý. Tiếp tục đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của Kiểm toán Nhà nước.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, công bằng, dân chủ, minh bạch, khả thi, ổn định để tạo lập nền tảng cho hệ thống quản lý, quản trị phát triển hiện đại, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển các lĩnh vực mới, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc; khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, chú trọng công tác giải thích pháp luật, hướng dẫn áp dụng pháp luật, bảo đảm việc hiểu, áp dụng pháp luật một cách thống nhất.

Thứ sáu, xây dựng hệ thống quản lý nhà nước, quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, phục vụ và kiến tạo phát triển, xây dựng chính phủ số, chính quyền số. Nâng cao hiệu quả liên kết vùng; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền một cách khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát; bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của địa phương.

Thứ bảy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhất là cấp chiến lược và cấp cơ sở, có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, thực sự chuyên nghiệp,

liêm chính, thực hiện nghiêm trách nhiệm và đạo đức công vụ. Có chính sách đãi ngộ, chế độ tiền lương, thu nhập bảo đảm đời sống để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, liêm chính, công tâm, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thứ tám, nghiên cứu sửa đổi tổng thể Hiến pháp năm 2013 phù hợp với thực tiễn, yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Đây là định hướng quan trọng nhất trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Do tính chất và vai trò của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật, để sửa đổi toàn diện Hiến pháp năm 2013, cần có sự tổng kết việc thi hành Hiến pháp, bám sát những định hướng, chủ trương lớn của Đảng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, từ đó có cơ sở đánh giá khoa học, thực tiễn xác định những vấn đề cần phải sửa đổi, bổ sung phù hợp.

Câu hỏi 65: Nội dung giải pháp nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và quản trị phát triển của Nhà nước trong Văn kiện Đại hội XIV là gì?

Trả lời:

Đại hội XIV của Đảng đã đề ra yêu cầu nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và quản trị phát triển của Nhà nước với những nội dung giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản lý nhà nước.

Đại hội XIV nhấn mạnh hoàn thiện thể chế phát triển, tức là khung pháp luật, thể chế kinh tế, chính sách quản lý, để tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển xã hội, đổi mới sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, với các nội dung cụ thể là:

- Đột phá về thể chế phát triển, tăng cường năng lực hoạch định, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Điều chỉnh cơ chế, chính sách để khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

- Giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; thúc đẩy hoàn thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cạnh tranh minh bạch và hiệu quả.

Thứ hai, phân cấp, phân quyền và tăng cường tự chủ ở các cấp.

Đại hội xác định phân cấp, phân quyền quản lý giữa Trung ương và địa phương là một giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị phát triển.

- Gia tăng tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong giải quyết các vấn đề quản lý, phát triển kinh tế - xã hội tại chỗ.

- Đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình để bảo đảm chất lượng quản lý.

Thứ ba, đổi mới bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ

Một trong những giải pháp cốt lõi là củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý ở tất cả các cấp, nhất là cấp chiến lược và cấp cơ sở.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất, năng lực, tư duy chiến lược, chuyên môn sâu, trình độ ngang tầm quốc tế.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng nhân tài, chính sách đãi ngộ để thu hút và giữ chân người có năng lực phục vụ đất nước.

- Đổi mới công tác cán bộ theo tiêu chuẩn cao hơn về đạo đức, phẩm chất, năng lực tổ chức thực hiện, trách nhiệm cao trong hành động.

Thứ tư, chuyển đổi số, hiện đại hóa quản lý nhà nước.

Đại hội XIV coi chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, phát triển dịch vụ công trực tuyến là giải pháp then chốt để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý:

- Số hóa dữ liệu, quy trình, tích hợp hệ thống để giảm thủ tục, tăng tính minh bạch, rút ngắn thời gian giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phân tích, dự báo, ra quyết định và giám sát quá trình tổ chức thực hiện.

- Xây dựng nền hành chính thông minh dựa trên dữ liệu và phân tích để phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển.

Thứ năm, tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và quan liêu, nâng cao kỷ luật, kỷ cương.

Đại hội khẳng định kiên trì, kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và quan liêu để củng cố quản trị quốc gia, xây dựng một hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện:

- Xây dựng cơ chế minh bạch hơn trong quy trình ra quyết định và chỉ tiêu công.

- Xây dựng, ban hành và sớm áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức, trách nhiệm giải trình.

- Tăng cường giám sát nội bộ và giám sát xã hội đối với hoạt động công quyền và cán bộ nắm giữ quyền lực trong hệ thống công quyền.

Thứ sáu, kết hợp đổi mới tư duy quản lý với đổi mới mô hình phát triển.

Đại hội đặt trọng tâm chuyển đổi từ tư duy quản lý “hành chính” sang tư duy kiến tạo phát triển, xem Nhà nước là chủ thể tạo môi trường thuận lợi cho sáng tạo, đổi mới, cạnh tranh lành mạnh, hợp tác phát triển và hội nhập quốc tế.

Tóm lại, để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và quản trị phát triển của Nhà nước, Đại hội XIV đã đề ra một hệ thống những giải pháp bao quát toàn diện, có quan hệ chặt chẽ, bao gồm các vấn đề về hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản lý nhà nước; phân cấp, phân quyền và tăng cường tự chủ ở các cấp, đổi mới bộ máy; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ; chuyển đổi số, hiện đại hóa quản lý nhà nước; tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và quan liêu, nâng cao kỷ luật, kỷ cương và đổi mới tư duy quản lý kết hợp với đổi mới mô hình phát triển.

Câu hỏi 66: Phương hướng công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIV phản ánh yêu cầu gì mới đối với Đảng cầm quyền?

Trả lời:

Đại hội XIV xác định phương hướng công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIV là: *Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn, tự đổi mới để Đảng ta thật sự là đạo đức, là văn minh, nâng tầm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng.* Phương hướng đó phản ánh hai yêu cầu mới đối với Đảng hiện nay như sau:

Thứ nhất, nâng tầm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Qua 40 năm đổi mới, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã có sự phát triển, tiến bộ trên các phương diện chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Tuy nhiên, để đủ sức lãnh đạo thành công những mục tiêu vĩ đại của kỷ nguyên phát triển mới, yếu tố quyết định là phải nâng tầm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, tức là phải có bước phát triển mang tính nhảy vọt về chất năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, tạo bước chuyển mình từ “xây dựng, chỉnh đốn” sang xây dựng phát triển Đảng toàn diện, hiện đại. Và như vậy, đòi hỏi toàn Đảng phải nỗ lực và sáng tạo mạnh mẽ.

Thứ hai, Đảng phải thật sự là đạo đức, là văn minh. Đây không chỉ là lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà còn là mục tiêu để Đảng thích ứng với những đòi hỏi ngày càng cao trong kỷ nguyên phát triển mới. *Đảng là đạo đức*, tức Đảng



phải là hiện thân của những giá trị đạo đức tốt đẹp nhất. *Đảng là văn minh*, tức Đảng phải là hiện thân của tiến bộ, trí tuệ, nhân văn và hiện đại. Phải xây dựng Đảng văn minh trong tư duy và trí tuệ; văn minh trong tổ chức và hoạt động; văn minh trong ứng xử với nhân dân, với thế giới.

Câu hỏi 67: Vì sao Đại hội XIV đặt nhiệm vụ xây dựng Đảng ta thật sự là đạo đức, văn minh?

Trả lời:

Đại hội XIV đặt nhiệm vụ xây dựng Đảng ta thật sự là đạo đức, văn minh vì những lý do sau:

Thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”. Theo Người, Đảng phải tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm và danh dự của dân tộc mới xứng đáng là người lãnh đạo. Xây dựng Đảng về văn minh là bước tiếp tục hiện thực hóa sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta thực sự “là đạo đức, là văn minh”.

Thứ hai, xây dựng Đảng văn minh là sự kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tạo ra một mối liên kết bền chặt giữa Đảng với nhân dân và dân tộc.

Thứ ba, xây dựng Đảng văn minh góp phần nâng cao uy tín và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, giúp củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng.

Thứ tư, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, muốn xứng đáng với vai trò người lãnh đạo, Đảng phải đổi mới, nâng cao tầm trí tuệ, đạo đức,



nhất là đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo để phù hợp với những biến đổi nhanh chóng của thời đại. Đảng văn minh sẽ đưa đất nước phát triển tiến kịp cùng thế giới.

Thứ năm, hai yếu tố “đạo đức” và “văn minh” của Đảng không tách rời mà gắn bó hữu cơ, bổ sung cho nhau. Văn minh của Đảng chính là sự kết tinh của đạo đức và trí tuệ. Xây dựng Đảng về đạo đức đã được Đại hội XII của Đảng xác định là nội dung cơ bản trong xây dựng Đảng. Đại hội XIV của Đảng xác định nhiệm vụ xây dựng Đảng văn minh là bước tiếp tục để vừa thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, vừa “đồng bộ hóa” mục tiêu xây dựng Đảng “là đạo đức, là văn minh”.

Thứ sáu, kinh nghiệm thực tiễn cho thấy rằng, một đảng cộng sản chỉ có thể lãnh đạo cách mạng thành công khi đảng đó là một đảng văn minh, trong sạch, vững mạnh, minh bạch, dân chủ, tiên phong; có tư duy khoa học, hiện đại; có phương thức lãnh đạo dân chủ, hiệu quả; có khả năng tự đổi mới, thích ứng với những thay đổi của thời đại, được nhân dân tin yêu, ủng hộ.

Thứ bảy, khắc phục các bất cập hiện nay trong Đảng và công tác xây dựng Đảng. Trong xây dựng Đảng, bên cạnh những ưu điểm, thành tựu, trong Đảng ta vẫn còn những hạn chế, yếu kém, không phù hợp với một chính đảng văn minh.

Từ những điều trình bày ở trên, cho thấy việc Đại hội XIV đặt nhiệm vụ xây dựng Đảng ta thật sự là đạo đức, văn minh không chỉ là sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn là



yêu cầu khách quan, bức thiết từ chính thực tiễn xây dựng Đảng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới, là điều kiện để Đảng ta giữ vững vai trò cầm quyền trong thời kỳ mới.

Câu hỏi 68: Nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV có những điểm gì mới? Vì sao?

Trả lời:

Nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV có những điểm mới sau:

Thứ nhất, trong xây dựng Đảng về chính trị: Đại hội XIV đề ra nhiệm vụ mới: “Kế thừa, bổ sung, phát triển Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới”. Nhiệm vụ mới này xuất phát từ những lý do chính sau:

(i) Đến năm 2031 là tròn 40 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, quá trình thực hiện *Cương lĩnh* trong 35 năm qua, bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta còn không ít hạn chế, khó khăn cần khắc phục, vượt qua. Đại hội XIV đã đánh dấu thời điểm quan trọng: Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Do đó, việc tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 35 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ*

lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là rất cần thiết để bổ sung, phát triển Cương lĩnh của Đảng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới.

(ii) Điều lệ của Đảng hiện nay đã được ban hành từ Đại hội XI (2011). Các Đại hội XII, XIII, XIV đều không sửa Điều lệ mà điều chỉnh bằng các quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Trong quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng và lãnh đạo cách mạng, nhận thức của Đảng đã có nhiều phát triển. Nhất là tình hình hiện nay đã có nhiều thay đổi đòi hỏi phải có bổ sung, điều chỉnh các quy định về tổ chức, hoạt động của Đảng. Với vai trò là “bộ luật cao nhất” của Đảng, việc tổng kết, bổ sung, phát triển Điều lệ của Đảng phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới là rất cần thiết.

Thứ hai, trong xây dựng Đảng về tư tưởng:

- Đại hội XIV đề ra nhiệm vụ mới: Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930 - 2030). Nhiệm vụ mới này xuất phát từ lý do:

(i) Ngày 3/2/2030 sẽ đánh dấu 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2030). Đây không chỉ là sự kiện trọng đại đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, mà còn là dấu mốc quan trọng đối với toàn thể nhân dân Việt Nam, cũng như sự phát triển của đất nước và phong trào cộng sản quốc tế.

(ii) Với dấu mốc 100 năm thành lập Đảng, việc tổng kết 100 năm Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng có ý nghĩa vô cùng quan trọng và cần thiết. Đây không chỉ là một

hoạt động kỷ niệm mang tính lịch sử, mà còn là một quá trình nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn rất quan trọng trong hoạt động tư tưởng, lý luận của Đảng, giúp đánh giá sâu sắc, toàn diện sự lãnh đạo của Đảng, để củng cố, phát triển và định hướng cho tương lai của Đảng và dân tộc Việt Nam. Tổng kết là cơ hội để làm sâu sắc những thành tựu vĩ đại mà Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được, từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đến công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho tương lai. Những bài học kinh nghiệm và đánh giá từ quá khứ sẽ là cơ sở quan trọng để Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới, hướng tới mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

(iii) Tổng kết giúp nhận diện những cơ hội và thách thức mới, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thay đổi; đề xuất mục tiêu, các định hướng lớn trong lãnh đạo cách mạng và xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu trong kỷ nguyên phát triển mới.

- Đại hội XIV nhấn mạnh nhiệm vụ: “Lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền, báo chí, xuất bản, truyền thông; quản lý có hiệu quả an ninh mạng”. Điểm mới này xuất phát từ những lý do:

(i) Đại hội XIV đánh dấu thời điểm quan trọng để Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Công tác tuyên truyền có nhiệm vụ tạo sự đồng thuận xã hội trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp, lan tỏa những giá trị tích cực, các mô hình hay và cách làm sáng tạo để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, huy động nguồn lực trong toàn Đảng, toàn dân để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội XIV đề ra.

(ii) Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự bùng nổ của kỷ nguyên số và trí tuệ nhân tạo (AI) và các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới, thông tin lan truyền với tốc độ chóng mặt, khiến việc kiểm soát thông tin trở nên khó khăn hơn. An ninh mạng hiện nay không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà là an ninh quốc gia. Công tác truyền thông và an ninh mạng phải đi trước một bước để định hướng dư luận, không để bị động trước các luồng thông tin sai lệch. Quản lý tốt mạng xã hội giúp ngăn chặn thông tin xấu độc, bảo vệ bí mật nhà nước và sự an toàn của hệ thống hạ tầng thông tin quốc gia.

(iii) Các thế lực thù địch liên tục sử dụng không gian mạng để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, xuyên tạc lịch sử và bôi nhọ cán bộ. Báo chí và xuất bản được coi là vũ khí sắc bén để đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái. Tuyên truyền tốt giúp củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới.

Thứ ba, trong xây dựng Đảng về đạo đức: Đại hội XIV nhấn mạnh nhiệm vụ: “Nâng cao hơn nữa nhận thức xây dựng Đảng về đạo đức trong cấp ủy các cấp, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên. Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng... Nghiên cứu, tiếp tục hoàn thiện lý luận xây dựng Đảng về đạo đức, để Đảng ta thực sự “là đạo đức, là văn minh” trong tình hình mới”. Điều này xuất phát từ những lý do chính sau:

(i) Xây dựng Đảng về đạo đức là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa có tính chiến lược, ảnh hưởng đến sinh mệnh của Đảng cầm quyền. Bên cạnh những tiến bộ, xây dựng Đảng về đạo đức vẫn còn biểu hiện chưa được nhận thức sâu sắc trong cán bộ, đảng viên, thể hiện ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả những đảng viên là cán bộ cấp cao, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, dẫn đến vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vi phạm những chuẩn mực đạo đức cách mạng.

(ii) Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhận thức chưa sâu sắc nhiệm vụ xây dựng Đảng về đạo đức trong cán bộ, đảng viên là do lý luận xây dựng Đảng về đạo đức, để định hướng hoạt động xây dựng Đảng ta thực sự “là đạo đức, là văn minh” chưa được quan tâm đầu tư nghiên cứu đúng mức, làm hạn chế công tác tuyên truyền xây dựng Đảng về đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Chính vì vậy, trong thời gian tới cần quan tâm hơn đến việc nghiên cứu, tiếp tục hoàn thiện lý luận xây dựng Đảng về đạo đức.

Câu hỏi 69: Nhiệm vụ xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ trong Văn kiện Đại hội XIV có những điểm gì mới?

Trả lời:

1. Nhiệm vụ xây dựng Đảng về tổ chức trong Văn kiện Đại hội XIV có những điểm mới sau:

Thứ nhất, bảo đảm hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Vận hành tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới thông suốt, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Thứ hai, tập trung xây dựng các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương thực sự là hạt nhân trí tuệ, là “bộ tổng tham mưu chiến lược”; đổi mới mạnh mẽ hoạt động của các ban, cơ quan của Đảng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tham mưu chiến lược cho Trung ương. Đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng pháp luật và nâng cao chất lượng các dự án luật.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai các quy định mới về phân cấp, phân quyền, bảo đảm đúng mục tiêu. Trung ương tăng

cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm. Chính phủ tập trung cụ thể hóa, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, hiệu quả; tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan thanh tra, điều tra, thi hành án, hỗ trợ tư pháp đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung cho cơ sở, gắn bó với đoàn viên, hội viên, đáp ứng yêu cầu công tác vận động quần chúng của Đảng; xây dựng các cơ quan tham mưu của cấp ủy, của chính quyền địa phương thực sự tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Thứ tư, tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ các tổ chức, bảo đảm các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động thông suốt, phục vụ tốt người dân và xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Thứ năm, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong của các cơ quan, tổ chức theo nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính, thực hiện phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính

triệt để, bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; số hóa tài liệu, quản lý và sử dụng trụ sở, tài sản sau sắp xếp tổ chức tránh lãng phí, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Thứ sáu, tập trung xây dựng chính quyền số, xã hội số, công dân số, bình dân học vụ số; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành và liên thông với dữ liệu quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã; tổ chức một cửa liên thông số, kết nối dân cư - đất đai - an sinh - doanh nghiệp..., cập nhật thời gian thực từ cơ sở tới Trung ương; đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia, quản trị địa phương, nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp.

Thứ bảy, tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa bàn, trong đó quan tâm các lĩnh vực giáo dục, y tế ở các địa bàn khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường, đặc khu và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với tình hình mới.

2. Nhiệm vụ xây dựng Đảng về cán bộ trong Văn kiện Đại hội XIV có những điểm mới sau:

Thứ nhất, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, trọng tâm là cấp chiến lược và cấp cơ sở, nhất là người đứng đầu.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng và bảo đảm quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu.

Thứ hai, khẩn trương thực hiện hiệu quả, đồng bộ thể chế về công tác cán bộ; đặc biệt tập trung triển khai nghiêm các quy định mới ban hành, nhất là trong đánh giá, đào tạo, sử dụng cán bộ, bảo đảm dân chủ, công khai, công tâm, khách quan theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí, gắn với sản phẩm cụ thể, theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh; coi trọng uy tín trong Đảng và tín nhiệm trong nhân dân; theo đúng chủ trương “có vào có ra”, “có lên có xuống”. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Quan tâm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước; tăng cường cán bộ cho các địa bàn khó khăn, lĩnh vực trọng yếu; ưu tiên đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Thứ ba, tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả; kiên quyết khắc phục những yếu kém, bất cập, xử lý nghiêm đối với cấp ủy, người đứng đầu vi phạm quy chế, nguyên tắc của Đảng trong công tác cán bộ. Đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các hành vi chạy chức, chạy quyền; coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng tự trọng và danh dự của cán bộ. Kịp thời thay thế, cho từ chức

những cán bộ yếu kém về năng lực, thiếu trách nhiệm, uy tín thấp, sai phạm và cán bộ ở những cơ quan, đơn vị, địa phương có kết quả thực hiện nhiệm vụ yếu kém mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm.

Thứ tư, kiên quyết phòng, chống các biểu hiện bè phái, “lợi ích nhóm” và chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ; chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, chống phá của các thế lực thù địch. Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác quản lý cán bộ, đảng viên.

Câu hỏi 70: Văn kiện Đại hội XIV yêu cầu củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên như thế nào, cần tập trung vào những giải pháp gì?

Trả lời:

Tăng cường, củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Đẩy mạnh phong trào thi đua



xây dựng “Chi bộ 4 tốt”, “Đảng bộ cơ sở 4 tốt”, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới hoạt động và nâng cao chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên, khắc phục tình trạng hình thức trong sinh hoạt chi bộ, trong đánh giá xếp loại hằng năm đối với tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm điểm, phê bình, tự phê bình và đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên một cách thực chất, hiệu quả.

Thứ ba, tăng cường giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức cho đảng viên. Đổi mới nội dung, phương pháp học tập lý luận chính trị. Chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, nêu gương của đảng viên trước nhân dân.

Thứ tư, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ, chuyển đổi số; thực hiện giám sát trên cơ sở dữ liệu và thông tin trong công tác đảng; năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện cho đội ngũ cấp ủy viên và cán bộ chuyên trách công tác đảng tại cơ sở.

Thứ năm, tăng cường công tác quản lý chặt chẽ đảng viên, nhất là đảng viên sinh hoạt tại nơi cư trú và đảng viên công tác xa; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ sáu, tập trung phát triển đảng ở những nơi quan trọng (nông thôn, doanh nghiệp, trường học); quan tâm

phát triển đảng viên trong công nhân, cán bộ quản lý doanh nghiệp, khu vực ngoài nhà nước, người có tôn giáo, người ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số.

Câu hỏi 71: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng được Văn kiện Đại hội XIV xác định những vấn đề mới nào?

Trả lời:

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, được Văn kiện Đại hội XIV xác định rõ những vấn đề mới sau đây:

Thứ nhất, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, gắn kiểm tra, giám sát với các phương thức kiểm soát quyền lực khác, kiểm tra, giám sát là phương thức lãnh đạo chủ yếu, rất quan trọng để giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng.

Thứ hai, chuyển trọng tâm sang giám sát thường xuyên; chủ động, ngay từ đầu, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của cấp ủy các cấp; bảo đảm mọi chủ trương, đường lối của Đảng được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; không để “khoảng trống”, “vùng tối” mà công tác kiểm tra, giám sát của Đảng không vươn tới được.

Thứ ba, chú trọng công tác tự kiểm tra, tự giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng ngay từ cơ sở, chủ động phòng ngừa, cảnh báo, xử lý vi phạm từ sớm, từ xa, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm lớn. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, chủ động phát hiện, xử lý nghiêm đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

Thứ tư, cấp ủy, tổ chức đảng phải thực hiện toàn diện, hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chức năng được giao. Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, hoạt động của hệ thống cơ quan ủy ban kiểm tra của Đảng; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra của Đảng.

Thứ năm, phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật và giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân.

Thứ sáu, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, đáp ứng yêu cầu “kiểm tra, giám sát trên dữ liệu”, nhất là kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ diện cấp ủy quản lý.

Câu hỏi 72: Nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?

Trả lời:

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực với những nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, thực hiện đồng bộ các biện pháp để xây dựng, hoàn thiện cơ chế “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Thứ hai, kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, với quyết tâm chính trị rất cao, từ Trung ương đến cơ sở; trong đó phòng ngừa là chính, cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá.

Thứ ba, hoàn thiện, kiên quyết thực hiện đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả thể chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực. Nâng cao tính chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; chủ động phòng ngừa, tự phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực trong

nội bộ. Kiểm soát chặt chẽ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

Thứ tư, tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng, truy bắt, dẫn độ những đối tượng bỏ trốn.

Thứ năm, xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, có chế độ tiền lương và đãi ngộ phù hợp với cống hiến, tài năng để không muốn và không cần tham nhũng, tiêu cực.

Câu hỏi 73: Nhiệm vụ, giải pháp đổi mới công tác dân vận được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?

Trả lời:

Nhiệm vụ, giải pháp đổi mới công tác dân vận được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như sau:

Thứ nhất, đổi mới công tác dân vận, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp,

nhất là người đứng đầu đến mỗi cán bộ, đảng viên phải làm tốt công tác dân vận theo chức trách, nhiệm vụ của mình gần dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”, “nói ít, làm nhiều”, “nói đi đôi với làm” vì lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động nhân dân. Phát huy vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân, giữa các vùng, địa phương.

Thứ ba, thực hiện dân chủ ở cơ sở, tổ chức có hiệu quả, thực chất việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Gắn công tác dân vận với thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nhất là từ cơ sở. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” kết quả phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Thứ tư, đổi mới phương thức lãnh đạo, vận động, tập hợp và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo, tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt



là người có uy tín trong dân tộc, tôn giáo; nắm chắc tình hình nhân dân, chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm những điểm nóng, vụ việc phức tạp.

Thứ năm, xây dựng, củng cố niềm tin trong nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; lấy sự hài lòng của nhân dân làm thước đo về đánh giá hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước trong phát triển sản xuất, chăm lo đời sống, phục vụ nhân dân.

Câu hỏi 74: Văn kiện Đại hội XIV nêu nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới như thế nào? Những điểm cần lưu ý là gì?

Trả lời:

1. Văn kiện Đại hội XIV nêu nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới gồm: Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về Đảng lãnh đạo, cầm quyền. Cụ thể hóa và thực hiện hiệu quả mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng bảo đảm rõ trọng tâm, rõ nguồn lực, rõ kết quả, bảo đảm nghị quyết ban hành thực sự đi vào cuộc sống. Chăm lo xây dựng, củng cố và phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân lãnh đạo của cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu. Hoàn thiện thể chế, thực hiện

nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, xây dựng tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, biên chế của hệ thống chính trị, đẩy mạnh phân cấp, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, vai trò nêu gương của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng; đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo, tham mưu của Đảng từ Trung ương tới cơ sở. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, quy trình công tác, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng.

2. Nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIV có những điểm mới cần chú ý sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về Đảng lãnh đạo, cầm quyền. Đây là nhiệm vụ đã được đặt ra từ Đại hội XII, tuy nhiên đến nay, lý luận về Đảng lãnh đạo, cầm quyền, nhất là về nội dung cầm quyền, phương thức cầm quyền vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau, gây khó khăn cho thống nhất nhận thức và hoạt động lãnh đạo. Vì vậy, trong nhiệm kỳ này, Đại hội XIV đặt nhiệm vụ đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về Đảng lãnh đạo, cầm quyền.

Thứ hai, trong đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng, Đại hội XIV nhấn mạnh thêm yêu cầu bảo đảm rõ “trọng tâm, rõ nguồn lực, rõ kết quả”, bảo đảm nghị quyết ban hành thực sự đi vào cuộc sống. Yêu cầu mới này nhằm bảo đảm tăng tính hành động cho các nghị quyết; khắc phục tình trạng nghị quyết có nội dung dàn trải, nghị quyết có tính hình thức, chủ quan, không khả thi.

Thứ ba, trong phương thức lãnh đạo bằng công tác cán bộ, Đại hội nhấn mạnh yêu cầu “Chăm lo xây dựng, củng cố” cấp ủy các cấp, người đứng đầu, chứ không chỉ “phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân lãnh đạo” của họ. Yêu cầu mới này thể hiện nhận thức đầy đủ, biện chứng hơn đối với đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ. Muốn đội ngũ cán bộ phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo thì họ phải được chăm lo xây dựng, củng cố. Đội ngũ cán bộ phải được lựa chọn, bố trí sử dụng đúng; được đào tạo, bồi dưỡng cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý thường xuyên; phải được đãi ngộ xứng đáng...

Thứ tư, trong phương thức lãnh đạo bằng công tác tổ chức, Đại hội XIV đặt ra hai nhiệm vụ, giải pháp mới:

(1) Phải hoàn thiện thể chế, thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, xây dựng tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, biên chế của hệ thống chính trị. Nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, xây dựng tổ chức bộ máy, công tác

cán bộ, biên chế của hệ thống chính trị đã được quy định từ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nguyên tắc này đã được từng bước thể chế hóa và thực hiện, tuy nhiên, việc thực hiện vẫn còn hạn chế từ nhận thức đến chấp hành, do nhiều nguyên nhân, trong đó trước hết là thể chế về nguyên tắc chưa hoàn thiện. Vì vậy, nhiệm vụ cấp thiết trong thời gian tới là phải tập trung hoàn thiện thể chế để thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, xây dựng tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, biên chế của hệ thống chính trị.

(2) Chú trọng sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, quy trình công tác, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng. Việc xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã thành chế độ bắt buộc và thực hiện thành nền nếp. Tuy nhiên, không ít nơi vẫn còn tình trạng thực hiện chưa nghiêm túc quy chế làm việc hoặc quy chế làm việc chưa đủ rõ, nhất là quy định về các mối quan hệ giữa cấp ủy đảng với chính quyền, giữa người đứng đầu với tập thể lãnh đạo nên lúng túng trong lãnh đạo, điều hành của người đứng đầu cấp ủy, dẫn đến bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng. Vì vậy, Đại hội XIV yêu cầu



phải chú trọng sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp.

Câu hỏi 75: Những giải pháp đột phá của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIV được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?

Trả lời:

Trong giai đoạn mới, tiếp tục cụ thể hóa, triển khai quyết liệt, đồng bộ, tập trung vào ba nhóm giải pháp đột phá về công tác xây dựng Đảng sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đổi mới đồng bộ phương thức và nâng cao năng lực tự đổi mới, tự hoàn thiện để tăng cường hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, nhất là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Triển khai hoạt động có hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới bảo đảm vận hành thông suốt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ bảo đảm thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ theo đúng chủ trương “có vào có ra”, “có lên có xuống”. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược và cấp cơ sở

thực sự tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước.

Thứ ba, tăng cường kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước; tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; củng cố niềm tin, sự gắn bó mật thiết của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Phần thứ chín

**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
VÀ ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC**

Câu hỏi 76: Những nội dung mới về nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ mới được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào? Có những điểm mới gì?

Trả lời:

Báo cáo chính trị tại Đại hội XIV trình bày 6 nhiệm vụ trọng tâm theo kết cấu và có những nội dung mới gắn liền với mục tiêu đưa đất nước bước vào “Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”: (1) Về xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; (2) Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; (3) Về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (5) Phát triển con người, văn hóa, xã hội bền vững; (6) Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Điểm mới trong cách sắp xếp và thể hiện nội dung tổng quát các nhiệm vụ trọng tâm trong Văn kiện Đại hội XIV là

thể hiện rõ tầm nhìn và đổi mới tư duy phát triển trong kỷ nguyên mới: Yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước, đó phải là sự kết hợp hài hòa giữa tốc độ tăng trưởng nhanh với chất lượng cao, bảo đảm cân bằng vững chắc giữa kinh tế, xã hội và môi trường trong quá trình phát triển; xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực trung tâm; thể chế hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao là nền tảng; phát triển xanh, bền vững, hiệu quả, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu là yêu cầu bắt buộc; hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng suất lao động là thước đo chất lượng tăng trưởng. Do vậy, bên cạnh việc tích hợp các nội dung khác, đã bổ sung trọng tâm về thể chế phát triển và khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Những nội dung này được xác định là những điểm nghẽn và nguồn lực, động lực phát triển mới trong nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng.

Văn kiện đặc biệt nhấn mạnh khâu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm. Nhiều chủ trương, quyết sách đúng sẽ vẫn “nằm trên giấy” nếu thực thi chậm, thực thi kém hiệu quả, hoặc bị “lệch chuẩn” trong quá trình triển khai. Vì vậy, Văn kiện đặt trọng tâm vào việc thiết kế chương trình hành động, cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả; coi dữ liệu, chỉ số và phản hồi của nhân dân là một căn cứ quan trọng để điều chỉnh chính sách và xử lý trách nhiệm.



Những nội dung mới về nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ mới được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV:

Nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất: Xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách.

Điểm mới ở nhiệm vụ trọng tâm này là tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển, khơi thông các nguồn lực, động lực phát triển, nhất là những nguồn lực, động lực không có trần giới hạn. Không đánh đổi tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.

Nhiệm vụ trọng tâm thứ hai: Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Khẳng định vai trò then chốt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đề cao tinh thần nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; nhấn mạnh yêu cầu giữ gìn kỷ luật của Đảng, kỷ cương phép nước; kiên trì phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chống chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; đồng thời, xây dựng môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, kiến tạo phát triển, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm,

dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tăng cường kiểm soát quyền lực; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; nâng cao năng lực quản trị phát triển quốc gia và điều hành hoạt động của tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, tạo nền tảng giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, cũng như bảo đảm đồng thuận, đồng bộ, thống nhất trong hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược phát triển đất nước.

Nhiệm vụ trọng tâm thứ ba: Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh việc đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới; phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo, phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, gắn với bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất mới, trọng tâm phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số, thân thiện với môi trường sinh thái.



Nhiệm vụ trọng tâm thứ tư: Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đây là nền tảng của lực lượng sản xuất mới, hiện đại, là động lực chính để thay đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xác lập mô hình tăng trưởng mới là nội dung trung tâm của mô hình phát triển đất nước. Chuyển từ tăng trưởng dựa trên vốn và lao động sang tăng trưởng dựa trên tri thức và công nghệ số. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược, trọng tâm là trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo động lực then chốt nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của nền kinh tế.

Nhiệm vụ trọng tâm thứ năm: Phát triển nguồn lực con người, văn hóa, xã hội bền vững.

Phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững; giải quyết tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an ninh, an sinh, an toàn, an dân, nhất là đối với các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế, lực lượng lao động

trong khu vực phi chính thức, phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Nhiệm vụ trọng tâm thứ sáu: Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Tiếp tục xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của đất nước. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác đối ngoại; nâng tầm và phát huy vai trò đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân trong việc kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

Câu hỏi 77: Những nội dung mới về đột phá chiến lược được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV là gì?

Trả lời:

Trong tổng thể tư duy phát triển đất nước giai đoạn mới, vấn đề đột phá chiến lược tiếp tục được xác định là khâu mở đường, giữ vai trò đi trước một bước, tạo động lực lan tỏa và tháo gỡ các điểm nghẽn cản trở sự phát triển. Tuy nhiên, điểm mới quan trọng của Văn kiện Đại hội XIV không chỉ nằm ở việc kế thừa 3 đột phá chiến lược đã được khẳng định qua các nhiệm kỳ trước, mà còn ở sự bổ sung, nâng tầm và cụ thể hóa nội hàm của từng đột phá theo yêu

cầu của kỷ nguyên số và mục tiêu phát triển nhanh, bền vững. Qua đó thể hiện rõ tư duy đổi mới mạnh mẽ, cách tiếp cận hệ thống và tầm nhìn dài hạn của Đảng ta về con đường phát triển đất nước.

Thứ nhất, về đột phá thể chế, nếu trước đây chủ yếu nhấn mạnh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thì nay được mở rộng thành yêu cầu xây dựng và hoàn thiện đồng bộ *thể chế phát triển* hiện đại, thông thoáng, minh bạch và hiệu lực, hiệu quả. Điểm mới là cách tiếp cận không chỉ dừng ở cơ chế kinh tế, mà bao quát toàn bộ *hệ thống luật pháp, chính sách, bộ máy tổ chức và phương thức quản trị quốc gia*. Thể chế phải thực sự trở thành nguồn lực và động lực phát triển, giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực xã hội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, bình đẳng, ổn định. Đồng thời, yêu cầu cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền, kiểm soát quyền lực, nâng cao kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm giải trình được đặt ra rõ nét hơn, hướng tới xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện đại, kiến tạo phát triển, phục vụ nhân dân. Như vậy, *thể chế* không chỉ là *khung pháp lý*, mà là *nền tảng* quyết định chất lượng quản trị và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Thứ hai, về đột phá phát triển nguồn nhân lực, Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh hơn yêu cầu phát triển *nguồn nhân lực*

chất lượng cao gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nếu trước đây, trọng tâm là đào tạo và nâng cao trình độ lao động nói chung, thì nay trọng điểm được chuyển sang xây dựng đội ngũ nhân lực có kỹ năng số, tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng nhanh với công nghệ mới và hội nhập quốc tế sâu rộng. Giáo dục và đào tạo không chỉ truyền thụ tri thức, mà phải hình thành năng lực tự học, năng lực đổi mới và tinh thần khởi nghiệp. Đồng thời, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân công nghệ và cán bộ quản lý chiến lược. Đây chính là bước chuyển từ lợi thế dân số vàng sang lợi thế trí tuệ và chất lượng nhân lực, tạo nền tảng lâu dài cho phát triển kinh tế tri thức và nâng cao năng suất lao động - yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia.

Thứ ba, về đột phá xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, điểm mới nổi bật là sự kết hợp giữa hạ tầng truyền thống và hạ tầng hiện đại, đặc biệt là hạ tầng số. Bên cạnh việc tiếp tục phát triển đồng bộ giao thông, năng lượng, đô thị, logistics và hạ tầng vùng, Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu phát triển mạnh hạ tầng viễn thông, dữ liệu, nền tảng số, trung tâm dữ liệu và các hệ thống thông minh, coi đây là hạ tầng của hạ tầng trong kỷ nguyên số. Cách tiếp cận này phản ánh nhận thức mới rằng, không có hạ tầng số thì không thể phát triển kinh tế số, xã hội số và chính phủ số; không có liên kết

hạ tầng vùng thì khó hình thành các cực tăng trưởng và không gian phát triển mới. Nhờ đó, kết cấu hạ tầng không chỉ phục vụ việc đi lại hay sản xuất, mà trở thành nền tảng kết nối, lan tỏa và tích hợp mọi hoạt động kinh tế - xã hội.

Tóm lại, có thể khẳng định rằng, những nội dung mới về đột phá chiến lược trong Văn kiện Đại hội XIV thể hiện bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn của Đảng: từ bổ sung từng yếu tố sang kiến tạo một hệ sinh thái phát triển, từ cải cách cục bộ sang đổi mới đồng bộ và toàn diện. Đây chính là các khâu then chốt, có ý nghĩa mở đường, quyết định khả năng hiện thực hóa khát vọng phát triển nhanh, bền vững và xây dựng đất nước hùng cường trong kỷ nguyên mới.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	5
<i>Phần thứ nhất</i>	
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	9
Câu hỏi 1: Vì sao Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tiến trình phát triển đất nước? Vai trò lịch sử của Đại hội XIV thể hiện trên những phương diện nào?	9
Câu hỏi 2: Đại hội XIV của Đảng diễn ra trong bối cảnh như thế nào? Những yếu tố mới, khó dự báo nào tác động trực tiếp đến việc xác lập tư duy, tầm nhìn và quyết sách của Đại hội?	12
Câu hỏi 3: Tầm nhìn và định hướng chiến lược nêu trong chủ đề Đại hội XIV là gì? Những nội dung này phản ánh bước phát triển mới trong tư duy chiến lược của Đảng như thế nào?	16
Câu hỏi 4: Phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển” của Đại hội XIV được xác lập trên cơ sở nào? Phương châm này đặt ra yêu cầu đối với lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong giai đoạn tới là gì?	19



Câu hỏi 5: Vì sao Đại hội XIV chủ trương tích hợp 3 dự thảo văn kiện (Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội, Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng) thành một báo cáo chính trị thống nhất? Chủ trương này có ý nghĩa gì? 22

Câu hỏi 6: Việc gắn Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương với Báo cáo chính trị có ý nghĩa như thế nào với quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong giai đoạn tới? 24

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀ CƠ ĐỒ CỦA ĐẤT NƯỚC SAU 40 NĂM ĐỔI MỚI 29

Câu hỏi 7: Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII diễn ra trong bối cảnh có những khó khăn, phức tạp nổi bật nào? Vì sao bối cảnh này đặt ra yêu cầu cao hơn, thể hiện rõ hơn bản lĩnh, sự sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo đất nước? 29

Câu hỏi 8: Những kết quả nổi bật về phát triển kinh tế trong nhiệm kỳ Đại hội XIII là gì? Vì sao có thể khẳng định đây là nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển tiếp theo? 31

Câu hỏi 9: Những kết quả nổi bật trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của nhiệm kỳ Đại hội XIII là gì? 35

Câu hỏi 10: Việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những kết quả như thế nào? Những chuyển biến mới về nhận thức và chính sách là gì? 37



- Câu hỏi 11: Việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những kết quả gì? Những hạn chế, yếu kém cần khắc phục? 40
- Câu hỏi 12: Quản lý phát triển xã hội bền vững đạt được kết quả như thế nào trong nhiệm kỳ Đại hội XIII? Những vấn đề mới đặt ra trong giai đoạn tới là gì? 44
- Câu hỏi 13: Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt những kết quả quan trọng như thế nào trong nhiệm kỳ Đại hội XIII? Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế là gì? 47
- Câu hỏi 14: Việc quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được kết quả như thế nào? Những hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới là gì? 51
- Câu hỏi 15: Quốc phòng, an ninh trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những thành tựu nổi bật nào, còn những hạn chế gì? 54
- Câu hỏi 16: Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đã đạt được những kết quả nổi bật nào, còn những hạn chế gì? 56
- Câu hỏi 17: Việc phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được thể hiện như thế nào? 58



- Câu hỏi 18: Công tác xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những kết quả nổi bật nào? Những vấn đề đặt ra là gì? 60
- Câu hỏi 19: Công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đạt được những thành tựu nổi bật nào? Những thành tựu đó có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong giai đoạn tới? 64
- Câu hỏi 20: Ba đột phá chiến lược đạt được những kết quả nổi bật gì trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng? 70
- Câu hỏi 21: Nguyên nhân của những kết quả đạt được và của những hạn chế, điểm nghẽn trong phát triển đất nước là gì? Đây là điểm nghẽn cần tập trung khắc phục? 75
- Câu hỏi 22: Đại hội XIV đánh giá về những thành tựu lý luận và thực tiễn của 40 năm đổi mới đất nước như thế nào? Các thành tựu này có ý nghĩa gì đối với bước phát triển tiếp theo của đất nước trong kỷ nguyên mới? 78
- Câu hỏi 23: Những bài học mang tầm lý luận được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV là gì? Những bài học đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của Việt Nam trong kỷ nguyên mới? 82
- Câu hỏi 24: Nội dung cốt lõi của lý luận về đường lối đổi mới là gì? Lý luận về đường lối đổi mới có vai trò, ý nghĩa gì đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn tới? 87

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI	94
Câu hỏi 25: Văn kiện Đại hội XIV dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước những năm tới như thế nào? Vì sao Việt Nam đang đứng trước “bước ngoặt mới, vận hội mới” mang tính lịch sử?	94
Câu hỏi 26: Nội dung mới trong quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIV có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của nước ta trong kỷ nguyên mới?	99
Câu hỏi 27: Mục tiêu tổng quát của Đại hội XIV phản ánh khát vọng phát triển đất nước trong giai đoạn mới như thế nào?	103

Phần thứ tư

TIẾP TỤC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN ĐỒNG BỘ THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC	107
Câu hỏi 28: Vì sao Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục xác định xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược?	107
Câu hỏi 29: Nội dung mới về thể chế phát triển đất nước được xác định như thế nào trong Văn kiện Đại hội XIV?	110



Phần thứ năm

NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

- Câu hỏi 30: Vì sao Văn kiện Đại hội XIV đặt vấn đề xác lập mô hình tăng trưởng mới? Nội dung cốt lõi của mô hình tăng trưởng mới là gì? 115
- Câu hỏi 31: Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và huy động nguồn lực cho phát triển được Văn kiện Đại hội XIV xác định như thế nào? Đây là nội dung đổi mới trong tư duy quản lý phát triển nền kinh tế của đất nước? 118
- Câu hỏi 32: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn mới được hiểu như thế nào? Điểm mới trong đường lối của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong kỷ nguyên mới? 121
- Câu hỏi 33: Văn kiện Đại hội XIV xác định vai trò, vị trí và mối quan hệ giữa các khu vực kinh tế như thế nào? Điểm mới là gì? 123
- Câu hỏi 34: Đẩy mạnh liên kết vùng, mở rộng và cơ cấu lại không gian phát triển phù hợp với không gian hành chính mới có nội dung và ý nghĩa như thế nào đối với mô hình tăng trưởng quốc gia? Cách tiếp cận mới của Văn kiện Đại hội XIV về đẩy mạnh liên kết vùng là gì? 126
- Câu hỏi 35: Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và khai thác không gian phát triển mới được đặt ra trên cơ sở nào? Vị trí, vai trò và giải pháp

phát triển đô thị được xác định như thế nào trong giai đoạn phát triển mới của đất nước?	129
Câu hỏi 36: Văn kiện Đại hội XIV xác định, phát triển các loại hình kinh tế mới có vai trò như thế nào trong mô hình tăng trưởng quốc gia cũng như xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia? Những giải pháp trọng tâm nhằm phát triển các loại hình kinh tế mới là gì?	132
<i>Phần thứ sáu</i>	
NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI, CON NGƯỜI	136
Câu hỏi 37: Vì sao Đại hội XIV nhấn mạnh vai trò của văn hóa là một trụ cột của phát triển bền vững?	136
Câu hỏi 38: Nội dung mới trong nhận thức và định hướng chính sách về văn hóa của Văn kiện Đại hội XIV là gì?	139
Câu hỏi 39: Văn kiện Đại hội XIV nêu những giải pháp nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong kỷ nguyên mới là gì?	141
Câu hỏi 40: Vì sao xây dựng đồng bộ các hệ giá trị được coi là “nền móng tinh thần” của giai đoạn phát triển mới? Việc xây dựng và thực hiện đồng bộ các giá trị được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?	145
Câu hỏi 41: Công nghiệp văn hóa là gì? Vì sao phát triển công nghiệp văn hóa trở thành yêu cầu chiến lược trong xây dựng, phát triển đất nước trong	



điều kiện mới? Văn kiện Đại hội XIV đưa ra nội dung giải pháp như thế nào để phát triển công nghiệp văn hóa?	148
Câu hỏi 42: Tại sao Văn kiện Đại hội XIV yêu cầu phải khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tự cường và khát vọng phát triển đất nước? Nội dung giải pháp để thực hiện yêu cầu đó là gì?	152
Câu hỏi 43: Quan điểm của Đảng về phát triển toàn diện con người được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào? Vì sao con người được đặt vào trung tâm của phát triển?	156
Câu hỏi 44: Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào? Đây là những nội dung mới mang tính đột phá trong nhận thức về giáo dục?	160
Câu hỏi 45: Tại sao Văn kiện Đại hội XIV đề ra yêu cầu xây dựng xã hội học tập suốt đời? Nội dung giải pháp xây dựng xã hội học tập suốt đời?	162
Câu hỏi 46: Vì sao quản lý phát triển xã hội theo hướng bao trùm, bền vững trở thành yêu cầu cấp thiết trong kỷ nguyên mới? Văn kiện Đại hội XIV đưa ra những nội dung giải pháp nào để hiện thực hóa mục tiêu đó?	165
Câu hỏi 47: Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội được cụ thể hóa như thế nào trong Văn kiện Đại hội XIV?	169

- Câu hỏi 48: Chủ trương của Đảng về các vấn đề an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và an ninh con người được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào? Đây là điểm mới trong tư duy chính sách về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và an ninh con người? 170
- Câu hỏi 49: Chủ trương về nhà ở xã hội và Quỹ nhà ở quốc gia có ý nghĩa gì và dự báo sẽ có tác động xã hội ra sao? 173
- Câu hỏi 50: Việc mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế và nâng cao tuổi thọ được đặt ra trong Văn kiện Đại hội XIV có ý nghĩa như thế nào đối với chiến lược phát triển của đất nước? 176
- Câu hỏi 51: Vì sao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là động lực then chốt để xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới? 178
- Câu hỏi 52: Văn kiện Đại hội XIV đề ra những giải pháp nào nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia? Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia có ý nghĩa gì đối với việc thực hiện các mục tiêu xây dựng, phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới? 182
- Câu hỏi 53: Nội dung Nghị quyết Đại hội XIV về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là gì, có ý nghĩa như thế nào? Những giải pháp đột phá về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong giai đoạn tới là gì? 186



Phần thứ bảy

NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI	191
Câu hỏi 54: Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV là gì?	191
Câu hỏi 55: Nội dung, giải pháp tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bối cảnh mới được Văn kiện Đại hội XIV xác định như thế nào?	192
Câu hỏi 56: Những yêu cầu mới trong Văn kiện Đại hội XIV về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là gì? Vì sao phải xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại?	194
Câu hỏi 57: Tại sao Văn kiện Đại hội XIV yêu cầu kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại với quốc phòng, an ninh trong kỷ nguyên phát triển mới?	197
Câu hỏi 58: Quan điểm mới về phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV là gì?	200
Câu hỏi 59: Quan điểm mới của Đại hội XIV về đối ngoại và hội nhập quốc tế là gì?	202
Câu hỏi 60: Những nội dung, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh triển khai hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đã được Đại hội XIV xác định như thế nào?	205

Phần thứ tám

NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	
VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	209
Câu hỏi 61: Phát huy vai trò chủ thể, trung tâm của nhân dân trong công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?	209
Câu hỏi 62: Nội dung cơ bản và giải pháp về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?	211
Câu hỏi 63: Nội dung và giải pháp phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào? Những điểm mới nổi bật là gì?	213
Câu hỏi 64: Quan điểm của Đại hội XIV về hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là gì? Các giải pháp hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới?	217
Câu hỏi 65: Nội dung giải pháp nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và quản trị phát triển của Nhà nước trong Văn kiện Đại hội XIV là gì?	221
Câu hỏi 66: Phương hướng công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIV phản ánh yêu cầu gì mới đối với Đảng cầm quyền?	224
Câu hỏi 67: Vì sao Đại hội XIV đặt nhiệm vụ xây dựng Đảng ta thật sự là đạo đức, văn minh?	226



Câu hỏi 68: Nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được xác định trong Văn kiện Đại hội XIV có những điểm gì mới? Vì sao?	228
Câu hỏi 69: Nhiệm vụ xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ trong Văn kiện Đại hội XIV có những điểm gì mới?	233
Câu hỏi 70: Văn kiện Đại hội XIV yêu cầu củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên như thế nào, cần tập trung vào những giải pháp gì?	237
Câu hỏi 71: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng được Văn kiện Đại hội XIV xác định những vấn đề mới nào?	239
Câu hỏi 72: Nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?	241
Câu hỏi 73: Nhiệm vụ, giải pháp đổi mới công tác dân vận được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?	242
Câu hỏi 74: Văn kiện Đại hội XIV nêu nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới như thế nào? Những điểm cần lưu ý là gì?	244
Câu hỏi 75: Những giải pháp đột phá của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIV được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào?	248

Phần thứ chín

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
VÀ ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC 250

Câu hỏi 76: Những nội dung mới về nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ mới được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV như thế nào? Có những điểm mới gì? 250

Câu hỏi 77: Những nội dung mới về đột phá chiến lược được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV là gì? 255

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VÕ VĂN BỀ

Chịu trách nhiệm tổ chức xuất bản điện tử
PHÓ GIÁM ĐỐC
ThS. NGUYỄN THÁI BÌNH

Biên tập nội dung: ThS. BÙI THỊ ÁNH HỒNG
ThS. HOÀNG THỊ THU HƯỜNG
TS. LÊ THỊ THU MAI
ThS. CAO THỊ LAN ANH
ThS. NGUYỄN MAI THẢO NHUNG
HUỲNH THANH MỘNG
Trình bày bìa: ThS. PHÙNG MINH TRANG
Chế bản và tính: NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in: NGUYỄN QUANG TRUNG
VŨ THỊ THU
Đọc sách mẫu: ThS. CAO THỊ LAN ANH
HUỲNH THANH MỘNG



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6, ngõ 86 Duy Tân, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.org.vn

Sách điện tử: <https://stbook.vn>, <https://thuvienoso.vn>, <https://sachquocgia.vn>, <https://ststore.vn>

TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP VỀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

(Dùng cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong nhân dân)



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH

ISBN: 978-604-46-1050-4



9 786044 610504



8935279189632